

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Cung Vĩnh Viễn

#### Tiểu sử

Sinh ngày 13.5.1945 tại Hải Phòng – Hiện ngụ cư tại Skjetten, Na Uy

#### Tác phẩm

Thơ Cung Vĩnh Viễn 13.05.2005 - Chùm Thơ Gửi Bạn Bè – Những Mảnh Thơ Rời...



Bộ Thiên

### Mục Lục

Thầy Cung Vĩnh Viễn của 12C3 Nguyễn Thượng Hiền

Vài Hàng Về Cung Vĩnh Viễn – 2

Một Thời Con Gái (3) - Tặng Vợ (4)

Thêm Một Bài Hành – Lê Thiệp – 5

Bài Hành Cuối Năm - 6

Heo Hút Tuổi Già – 7

1994: Bằng Hữu – 8

Đi – 9

2005: Sáu Mươi Đồi Bóng - Cảnh Già (10) - Uống Rượu... - Về Thăm (11)

Cũng Chẳng Bao Giờ Tới...(12) - Những Ngày Ở Manosque (13) - Cuối Năm I (14)

Sinh Từ Phù – 15

2006: Đào Phai - Xin Trả Lại Tôi (16) - Có Những Câu Thơ...- Trận Ôm Cuối Đông (17)

Thơ Gửi Bằng Hữu – 18

2007: Mưa - Tìm Bạn (20)- Cuối Năm II - Thơ Cuối Năm 2007 (21)

Mùa Tuyết – 22

2008: Ngụm Đẳng Đầu Tiên – Quán Đợi (23) – Thơ Mùa Thu (24)

Buổi Chiều Trên Thành Phố Cũ – 25

2009: Mưa Ở Paris - Hành Tha Hương (26)

Soi Trong Gương Cũ – 28

2010: Bỏ Trường Mà Đi (29)

Uống Rượu Một Minh – 30

( Phụ đính trang 31: Dòng Họ Cung - Góp Nhặt Sỏi Đá Với...Thơ – Hạ Văn Chương  
Cà Phê Muối - Thơ, Thi Pháp & Chân Dung - Con Đường Của Nhà Thơ

## Thơ Miền Nam, Một Thời Chinh Chiến )

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

### Thầy Cung Vĩnh Viễn của 12C3 Nguyễn Thượng Hiền

12C3 là chuyện một lớp học thời đổi đời xây đàn tan ghé từ 1979, miêng vắng bốn lục địa, từ Sài Gòn tới San Jose, Bắc Úc rồi Bắc Âu. Tác giả đã nhận giải Chung Kết Viết Về Nước Mỹ 2010. Ông là một Linh mục dòng truyền giáo Ngôi Lờ thuộc tỉnh dòng Chicago, đang ở Alice Springs, lo cho thổ dân vùng sa mạc đất đỏ Úc Châu.

\* \* \*



35 năm sau, thầy trò cụng ly tại Oslo, Na Uy.

Ông thầy nay là nhà thơ Cung Vĩnh Viễn.

Chàng học trò xưa nay là nhà văn linh mục Nguyễn Trung Tây.

Vẫn là một điều không hiểu, bởi từ bao lâu nay có những người tôi đã gặp gỡ trên một khoảng đường đời, nhưng khuôn mặt, tính tình, và ngay cả tên tuổi xuất hiện trong tâm trí mờ nhạt. Nếu phải nói về họ, thông thường tôi ấp úng ngớ ngẩn, bởi không nhớ. Ngược lại, có những người tôi nhớ dáng đứng, lời nói; tên của họ tôi nhớ chính xác, đủ họ và tên.

Những người mờ nhạt, có một thời tôi nghĩ bởi mình không có nhiều kỷ niệm. Nhưng thấy cũng không đúng lắm, bởi có người tôi đã chia sẻ một đoạn đường năm năm chung trường, hay mười năm hàng xóm, rõ ràng một khoảng thời gian dài; nhưng quên vẫn quên! Riêng những người tôi nhớ, có người chỉ gặp khoảng ba năm thôi, nhưng nhớ, nhớ hoài, tôi muốn nói tới bạn

học lớp 12C3 năm 1979 của Nguyễn Thượng Hiền; hoặc đặc biệt hơn chỉ vỏn vẹn một năm, nhưng sau hơn ba mươi năm không gặp mặt, mở miệng ra tôi vẫn đọc đúng họ và tên, tôi muốn nói tới Thầy Cung Vĩnh Viễn của 12C3 Nguyễn Thượng Hiền.

Lớp 12C3 của chúng tôi học chung với nhau từ 10C3 năm 1976. Tôi mù mờ với tên và khuôn mặt giáo viên dạy Văn lớp 10 và 11. Nhưng đầu năm lớp 12, chúng tôi học Văn với Thầy Cung Vĩnh Viễn. Ngoài dạy Văn, Thầy còn là Giáo viên Chủ Nhiệm 12C3. Tôi không hiểu các bạn khác thì sao, nhưng Thầy xuất hiện nổi bật trong tôi với hàng râu mép, giọng Bắc ấm áp, dáng phong trần với điều thuốc lá lãng đãng khói trắng, đặc biệt Thầy giảng bài rất hấp dẫn.

Năm 77, 78, 79, C là lớp chuyên Toán Lý. Học sinh khối C thông thường không thích Văn. Nhưng lớp 12C3 mê Thầy Cung Vĩnh Viễn, đặc biệt nhóm con trai, chuyên viên cúp học giờ Văn lớp 10 và 11C3. Nhưng lên lớp 12C3, tự nhiên tên nào cũng nghiêm chỉnh ngồi học giờ Văn, bởi thầy dạy Văn là Thầy Cung Vĩnh Viễn.

Tôi không biết Thầy có hấp lực gì để đám con trai 12C3 không bỏ lớp đi hoang nữa. Nhưng giờ ngồi nhớ lại, tôi đoán có lẽ đám con trai tụi tôi khoái Thầy bởi nơi Thầy có một chút lãng mạng của Đồng Xanh (The Greenfield), "Đồng xanh là chốn đây, thiên đàng cỏ cây, là nơi bầy thú hoang...", một chút lạ lùng Lê Uyên Phương, "Theo em xuống phố trưa nay theo dòng nước cuốn lêu bêu...", một chút triết lý hiện sinh Jean Paul Sartre trong Buồn Nôn, muốn đập đổ tất cả... Đặc biệt nhất, những khi "phải" giảng những điều "không thật", Thầy không bao giờ nhìn tụi tôi, nhưng quay lên bảng, giả vờ viết một vài chữ gì đó. Tụi tôi thấy hết. Và tụi tôi nói với nhau về những cái quay lưng đặc biệt của Thầy. Cứ thế... Cuối cùng Thầy lấy được niềm tin của chúng tôi, đặc biệt đám con trai.

Tuổi 16, 17, con trai chúng tôi cần những thần tượng để nhìn lên, để bám lấy và để tin tưởng. Nhưng sau một cuộc bể dâu, chúng tôi mất Sài Gòn và thần tượng. Và riêng niềm tin, chúng tôi ngỡ ngàng nhìn thấy cha anh bị dối lừa dẫn vào trại tập trung cải tạo. Thời năm 79 phía Bắc mặt trận biên giới nổ ra; phía Tây Nam lính Khờ Me đổ với mã tấu, súng AK Trung Cộng lăm le đợi chờ chúng tôi, tuổi thanh niên 18. Nhiều người bạn cùng thời đã bỏ xác tại chiến trường Cam Bốt, di ảnh để lại trên bàn thờ hương khói. Thời năm 79 còn là thời bạn bè thân thiết âm thầm lên thuyền vượt biên, tối qua còn uống cà phê với nhau, mấy ngày sau, biệt tăm. Có tên tới đảo, có tên bỏ xác đáy biển. Sống trong hoàn cảnh đặc biệt của một giai đoạn bể dâu, Thầy Viễn hiện ra như một luồng gió thổi hây hây nhẹ vào đêm hè lửa đỏ! Thầy trở thành một hình ảnh, một niềm tin để chúng tôi trông lên, bám vào. Sau giờ học, đám con trai bên tách ly cà phê hút thuốc lá Ara Con Két và Hoa Mai nói rất nhiều về Thầy, đặc biệt lòng tự trọng của một kẻ sĩ!...

Tuổi 17, 18 cũng là tuổi nổi loạn. Sáng hôm đó chúng tôi đứng bên hành lang cửa lớp giờ ra chơi, một tên bật miệng đề nghị 12C3 bỏ lớp dẫn nhau đi chơi. Không ngờ, cả bọn gật đầu đồng ý. Sau những âm thầm bàn luận, sáng hôm đó, chúng tôi cũng vẫn mang sách cặp tới trường, nhưng cả lớp, gái cũng như trai, đứng tụ tập ngay trước cửa trường. Chúng tôi ồn ào nói với nhau và "thông báo" với các bạn học của trường bản tin 12C3 Nguyễn Thượng Hiền hôm nay bỏ học! Tiếng chuông giờ học buổi sáng reo vang sân trường cũng là giây phút chúng

tôi lái xe đạp dẫn nhau bỏ đi. Cả lớp đạp xe tới Vườn Lái Thiêu.

Sáng hôm sau, chúng tôi xách cặp vô lớp để gặp Thầy Viễn đứng đó, yên lặng chờ đợi. Cuối cùng Thầy nói, trầm tĩnh trong từng câu. Tôi cảm nhận trong từng chữ từng lời, Thầy rất thận trọng đắn đo để không thương tổn chúng tôi, tuổi trẻ mới lớn lạc loài ngay trên quê hương. Sáng hôm đó chúng tôi không phải học nữa, nhưng Thầy thông báo, theo lệnh thầy Hiệu Trưởng, chúng tôi phải mang phụ huynh lên gặp Thầy, khi đó mới được tới lớp. Tụi tôi đứng dậy xách cặp đi về. Và đương nhiên, tụi tôi, có tên tới nhà người quen, năn nỉ họ giả làm phụ huynh; có tên túng kể, quay ra lễ đường nhờ tài xế xe xích lô đóng vai anh lớn tới trường gặp Thầy.

Kết quả cho một lần nổi loạn là 12C3 bị giải thể. Chúng tôi bị chia thành từng nhóm nhỏ "di cư" sang những lớp hàng xóm, 12C1, C2, C4... Giải thể, nhưng tụi tôi vẫn gặp lại Thầy trong giờ Văn của những lớp 12C hàng xóm. Thầy vẫn thế, lãng mạn, triết gia, điều thuốc kẹp tay, và có một chút gì đó bất cần, một nét rất nhà thơ...

Mặc dù 12C3 đã bị giải thể, giờ ra chơi, chúng tôi vẫn đứng với nhau. Mỗi lần Thầy Viễn đi ngang qua, chúng tôi vẫn nghiêm trang mở miệng chào Thầy. Thầy nhìn chúng tôi, một thoáng nụ cười. Tôi không hiểu Thầy nghĩ gì khi thấy 12C3, lớp Thầy Chủ Nhiệm, bị giải thể, nhưng riêng tôi, tôi biết Thầy vẫn là Thầy Chủ Nhiệm, Thầy vẫn dạy Văn lớp 12C3.

Cuối năm 79, chúng tôi thi Tú Tài, ra trường. Tiệc cuối năm không tổ chức bởi lớp đã bị giải thể. Cánh cửa Nguyễn Thượng Hiền đóng lại sau lưng. 12C3 chúng tôi có tên Thanh Niên Xung Phong; có tên bị lệnh Tổng Động Viên năm 79 cuốn trôi sang chiến trường Tây Nam; có tên vượt biên; có tên thi đậu vô đại học, Bách Khoa, Kinh Tế, Nông Nghiệp. Nhưng khi có dịp, tụi tôi vẫn gặp nhau như ngày nào, vẫn xưng danh 12C3; con trai vẫn nhậu, vẫn uống cà phê, hút thuốc Ara Con Két và Hoa Mai cháy khét; 12C3, một tên bị bắt nạt, cả nhóm con trai vẫn xúm vào bên vực bạn (bất kể bạn đúng hay sai!); 12C3 con gái vẫn áo dài trắng ngồi ăn chè. Tụi tôi vẫn gặp nhau, bán khoán chuyện tương lai, thì thảo chuyện vượt biển... Và Thầy dạy Văn, như một ước lệ, vẫn được nhắc nhở tới. Đám con trai có tên vẫn ghé nhà thăm Thầy. Bởi thế năm 1981, lớp 12C3 nhận được tin thuyền gỗ có Thầy được tàu Na Uy vớt. Tự nhiên tôi trầm ngâm mấy phút, tôi mơ bước chân xuống thuyền gỗ như Thầy, lênh đênh trên sóng biển như Thầy, và được tàu Na Uy vớt như Thầy.

Dòng thời gian đầy tới, năm 82 tôi xuống thuyền gỗ tại Rạch Giá. Chuyến tàu định mệnh mang nhiều bất hạnh khi vượt qua vịnh Thái Lan... Nhưng cuối cùng thuyền cũng cập bến Marang của Mã Lai. Và thuyền gỗ (không số) Rạch Giá khoác vào mã số PB 706 trên đảo Bidong. Tôi, Sài Gòn, Việt Nam khoác lên người áo tỵ nạn! Cao Ủy Tỵ Nạn cấp thẻ Căn Cước Người Vô Tổ Quốc (Displaced Person). Năm 84 tôi tái định cư tại Thung Lũng Hoa Vàng, San Jose, California.

Và thật là màu nhiệm, chúng tôi, 12C3 gặp lại nhau trên vùng đất mới. Trên đảo tỵ nạn Pulau Bidong, tôi gặp Ngô thị Mai Phương. Tại Thung Lũng Hoa Vàng San Jose, tôi gặp Đỗ Thụy Tú và Nguyễn Đình Thuận. Tại Brisbane, Úc Châu tôi gặp vợ chồng Nguyễn Kế Khôi và Nguyễn

Kim Yến, Lê Đức Thảo. Tại Mỹ nhận được email và tin tức của Trần Quốc Bảo, Hoàng Đình An, Nguyễn Hồng Kha, Nguyễn thị Thanh Vân, Ngô thị Giáng Tiên, Trần thị Mộng Thuý, Vương Thành Vinh, Hoàng "Ngựa". Hội ngộ 12C3 chưa dừng lại ở đó, năm 2005, tôi bay về Việt Nam 20 năm ngày giỗ Bố, tôi gặp lại gần như đủ mặt lớp 12C3, Hồ thị Ngọc Truyền, Nguyễn Ý Nhi, Trương thị Trâm Anh, Hoàng Quốc Thái, Thiều Văn Thành, Trần Văn Tráng, Trần Kính Lữ, Nguyễn Thành Phương, Nguyễn Đình Tuyển và nhiều bạn học khác. Chúng tôi, 12C3, vẫn đủ mặt, vẫn 12C3 của năm 1979, vẫn là bạn thân của mày và tao, vẫn chửi tục ồn ào như ngày nào, vẫn cafe đen đắng nghét, vẫn là học sinh áo trắng lớp 12C3 Nguyễn Thượng Hiền. Và Thầy Cô của ba năm, 10C3, 11C3, 12C3 vẫn được chúng tôi nhắc tới. Thầy Cung Vĩnh Viễn vẫn là một cái tên, lớp 12C3 không quên.

Cứ thế, hằng năm 12C3 gặp nhau, hoặc ở Úc Châu, hoặc ở Mỹ, hoặc ở Việt Nam.

Tháng 9 năm 2014, tôi có dịp công tác tại Hòa Lan. Sau đó tôi bay vào thủ đô Oslo của Na Uy ghé thăm người bạn thời chung trường tại Chicago, Phố Gió. Thật bất ngờ, vợ bạn tôi mang về nhà tờ đặc san Cộng đồng Việt Nam tại Oslo. Tôi mở ra, đọc thấy mấy bài thơ ký tên Cung Vĩnh Viễn. Tôi không tin vào cặp mắt mình! Hóa ra Thầy Cung Vĩnh Viễn đang sống ở Oslo. Sáng hôm đó, tôi nhờ vợ bạn tôi liên lạc. Tối hôm đó, tôi được nói chuyện với Thầy. Sáng hôm sau, bạn tôi lái xe mang tôi tới nhà của Thầy. Trời mùa đông Na Uy giá rét, mưa đông phủ mờ kính xe hơi che cản đường. Nhưng rồi cũng tới. Cánh cửa gỗ mở lớn, Thầy Cung Vĩnh Viễn hiện ra, bằng xương bằng thịt. Thầy vẫn nét phong trần lãng tử, vẫn hàng râu mép, vẫn ánh mắt tinh anh. Tôi cúi đầu chào Thầy. Thầy ôm vai tôi. Giây phút linh thiêng của Thầy và trò. Cuối cùng, sau hơn 30 năm (1979-2014), tôi gặp lại Thầy.

Quà tôi biếu Thầy là một chai rượu đỏ Tây Ban Nha. Thầy mở ra ngay mừng ngày hội ngộ. Thầy và Cô nấu cơm. Tôi hân hạnh ngồi ăn trưa với Thầy. Chuyện xưa của 12C3, chuyện lớp xảy đàn tan ghé, chuyện thuyền gỗ lênh đênh trên biển, chuyện tỵ nạn, chuyện đời Na Uy và Hoa Kỳ. Chuyện miên man! Chuyện bất tận!

Hồi xưa Thầy dạy tôi văn chương Việt Nam. Thầy nuôi tôi thức ăn tinh thần nguyên một năm dài. Ngày gặp lại Thầy, Thầy nấu cơm, đích thân đứng dọn mâm cơm Việt Nam nhiệt đới trên đất Na Uy, Bắc Âu.

Tôi biết tôi là người học sinh duy nhất của 12C3 gặp lại Thầy sau khi thuyền gỗ của Thầy cập bến. Thầy nói với tôi, "Đó là một cái duyên!" Thầy tiếp, có những người sống với họ, ở với họ cả một khoảng thời gian, nhưng nếu không duyên, cả hai vẫn không gặp nhau. Có đó, nhưng cũng vẫn là không!

Tôi ngồi đó, chăm chú lắng nghe. Tôi thấy mình vẫn chỉ là một tên học sinh 12C3 ngày nào. Vẫn là Thầy đang đứng lớp. Vẫn là tôi đang ngồi đó nghe Thầy giảng bài. Bài giảng chữ Duyên ngày hôm đó đi thẳng vào hồn tôi. Chữ Duyên Thầy dạy cũng đã trả lời cho tôi biết tại sao có những người tôi mù mờ về hình dáng, giọng nói, tên tuổi dù đã từng đi với nhau cả một khoảng đường dài. Hệ quả của một chữ Duyên.

Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ,  
Vô duyên đối diện bất tương phùng.

Tạm dịch:

Có duyên nghìn dặm xa còn gặp.  
Không duyên trước mặt vẫn cách lòng.

Lớp 12C3, tôi nhớ tên các bạn, nhớ không quên, nhớ khuôn mặt, nhớ tiếng nói dù đã là một con số dài tính từ năm 79. Lớp 12C3 hồi đó dù bị giải thể, nhưng bởi chữ Duyên, chúng tôi vẫn thế, nguyên vẹn hình hài, bạn vẫn là bạn, 12C3 vẫn là 12C3. Có dịp, chúng tôi bỏ qua mọi thứ, cương quyết gặp nhau mặc dù đời cớm áo nhiều khi quay nhanh nhanh, quay xoay xoay, quay chóng mặt!...

Thầy Cung Vĩnh Viễn, từ những ngày năm 1979 cho tới ngày hôm nay 2014, vẫn là Thầy. Gặp lại Thầy, tôi lại mặc áo trắng, tay ôm sách vở, hạnh phúc bước qua khung cửa, ngồi xuống bàn gỗ lớp học tường vôi 12C3 ngày nào. Vẫn là tàng lá me xanh xanh đong đưa bên khung cửa lớp. Thầy đứng đó trước bảng đen, tay cầm phấn trắng, giọng trầm hùng dạy tôi về ý nghĩa chữ Duyên.

Cám ơn Thầy cho những dậy dỗ một thời tiếng Việt mến yêu. Cám ơn Thầy đã xuất hiện vào một thời mất thần tượng và mất niềm tin. Cám ơn Thầy đã rót rượu đỡ tràn đầy ly của em. Cám ơn Thầy và Cô cho một bữa ăn trưa quê hương trên vùng trời Bắc Âu mùa đông. Và cám ơn Thầy cho bài giảng chủ đề chữ Duyên của ngày hôm đó.

Vâng! Vẫn là câu chuyện của Không Mờ Nhặt bởi chữ Duyên.

*Sydney, 2014*

## Vài hàng về Cung Vĩnh Viễn

Em và các con góp lại ở đây một số thơ Viễn đã viết trong bốn mươi năm qua, để làm quà tặng anh ngày sinh nhật sáu mươi tuổi.

Những lúc Viễn hý hoáy làm thơ, ngay cả khi chỉ viết những lời thơ buồn sầu cay đắng, vẫn là những giây phút trong sáng êm đềm của đời anh.

Em cũng mong được gửi những lời thơ này như lời cảm ơn đến gia đình, thân nhân, bằng hữu và bạn đọc. Tất cả đã góp phần làm nên

cuộc đời Viễn. Tất cả đã là động lực thúc đẩy  
Viễn làm thơ, và qua đó đã tặng anh những  
điều đẹp để đáng nhớ.

Tí - Tun – Chou  
05-2005

### **Một Thời Con Gái**

Chợt dáng buồn xưa đọng mắt em  
Thưa anh lòng đã rộng trăm miền  
Thưở xưa cùng với tình thơ dại  
Một thời con gái đã trau chuyên

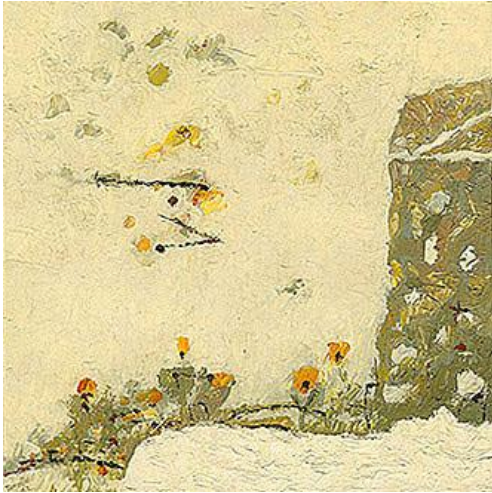
Mắt dõi ngùi xa theo bóng mây  
Chao ôi tóc xỏa với vai gầy  
Lời anh từ chốn hư vô lại  
Cúi mặt tôi vừa cảm động ngay

Bầy én xưa về gọi mùa xuân  
Người xa chừng đã cách muôn trùng  
Còn đây nỗi tủi hờn mong nhớ  
Và mộng hồng xuân vỡ nửa chừng

Cùng những niềm yêu chết dần  
Tuổi thơ vàng võ những bản khoăn  
Tôi nhìn tôi hết màu con gái  
Và nỗi tàn phai đến lạnh lùng

Kỷ niệm về sao xác tuổi sầu  
Bàn tay nằm đó cũng xô xao  
Tôi buồn ngơ ngác trông ngày tháng  
Trời đà xuân, lòng ở kia đầu

*(Thơ Cung Vĩnh Viễn - 1965)*



tranh Thiên I  
Nguyễn Thuần  
(Nguyễn Xuân Trung)

## **Tặng Vợ**

1. Em có nhớ những bài thơ thưở đó  
Những bài thơ anh nắn nót thâu đêm  
Những bài thơ của lứa tuổi hoa niên  
Lời óng ả chỡ theo tình sướt mướt

...

Em có nhớ những nụ hôn đầu ngây ngất  
Ánh trăng vàng chen bóng lá lung linh  
Ngẩn ngơ trong ảo thực phút hư huyền  
Rồi đắm đuối bao tháng ngày diễm mộng

2. Em có nhớ gian nhà ta đã sống  
Chậu mai gầy khép nép ở hàng hiên  
Mái tôn nghèo ròn rã tiếng mưa đêm  
Mà chất ngát những hương nồng hạnh phúc

...

Em có nhớ những đợi chờ băng giá  
Mảnh trăng buồn hai mảnh nhớ thương nhau  
Lời nguyện cầu tha thiết với trời cao  
Lòng rữ rượi trong nỗi niềm xa vợ?

...

3. Em yêu dấu trong dòng đời sinh diệt  
Dựa vào nhau trôi đến bến cùng kia  
Trong tuổi già thấp lại những hương xưa  
Để bắt gặp hai lòng cùng thổn thức



Anh sẽ nhớ chất chiu niềm hạnh phúc  
Như trời chiều đi mót củi cảnh khô  
Nhen lửa nồng ấm lại mối tình thơ  
Và hái tặng đóa hoa hồng nở muộn

*(thơ Cung Vĩnh Viễn – 1.4.2004)*



tranh Thiên II  
Nguyễn Thuyên  
(Nguyễn Xuân Trung)

## Thèm Một Bài Hành

Tết đến thèm đọc bài thơ Hành  
Nhớ Thâm Tâm Nguyễn Bình Thanh Nam  
Viễn ơi cất bút lên đi chứ  
Hoa cúc hoa lan đang chờ mà

Hành Năm Mươi chìm sâu lòng đất  
Hành Phương Nam một vận trăm câu  
Hành Sáu Mươi đã ba năm cũ  
Bánh chưng dưa nén thiếu có mà

Sắp Tết trở trời lạnh như cắt  
Tuyết rơi phủ kín không gian mờ  
Độc ẩm tưởng như có thằng Cát  
Ly mà ly tao như thửa nào

Đưa thằng Cát đưa nó qua sông  
Lủi thủi khi về khóc trong lòng  
Thâm Tâm đâu bỗng vang vọng lại  
Giọng thơ buồn như gọi hồn ai

Viễn ời cát bút lên đi chứ...

*Lê Thiệp*  
(24.2.2007)

## **Bài Hành Cuối Năm**

Cuối năm dịu lạnh đi một chút  
ngoài trời lất phất bụi mưa bay  
đọc thơ mà viết trên trang nét  
lại động lòng tao mấy bữa rày  
đâu muốn nhắc gì xuân với tết  
lòng nguội tro tàn lạnh lẽo thay  
nhớ ư nhớ những gì da diết  
những bóng hình xưa buồn lất lay  
cái gã giang hồ đi lữ bước  
nơi bến đò chiều vẫy mỗi tay  
cái tên lãng tử trên đường vắng  
nhớ nhà khói thuốc thả lên mây  
cho dấu thời gian tàn nhạt nguyệt  
thương hoài tà áo tiểu thư bay  
lòng cứ mang mang hoài thiên cổ  
xuôi ngược đất trời hề trắng tay  
đốc nghiêng bầu rượu tiêu hào khí  
rượu cạn ly vơi tràn đắng cay  
đất trịch mấy người quen biết nhỉ

bạn thì xa lắc cuối chân mây  
thôi thì sầu đối cùng cây cỏ  
đi ngược thời gian nhớ những ngày  
mộng lớn chứa đầy căn gác nhỏ  
tuổi trẻ hoang đàng những trận say  
thôi thì đánh thức thiên thu dậy  
dấu cây đàn cũ đã chùng giây  
nghe câu hát của thời xanh tóc  
lời nhớ lời quên cảm động ngây  
đêm nay lại một đêm trường đầy  
quê người chẵn chiếu nã lòng thay  
đâu muốn nhắc gì xuân với tết  
tháng ngày hư ảo một cơn say...

*(Chùm Thơ Gửi Bạn Bè ntcva5663 - 24.2.2007)*

### **Heo Hút Tuổi Già**

Thôi thì phong kín tâm tình lại  
để lúc đêm trường khỏi nhớ thương  
sống như cây lá trong rừng đại  
mưa nắng buồn vui chuyện thất thường.

Mà nỗi buồn kia cũng hững hờ  
niềm vui như thể áng mây qua  
ra vào lặng lẽ trong nhà vắng  
ngõ trước vườn sau cỏ xác xơ.

Giao tình nhạt nhẽo theo năm tháng  
đất trời thì vốn vẫn vô tâm  
một mình hỏi bóng mình thui thủi  
ai mắt xanh mà ta cố nhân.

Bạn tác mười phương ngoài trôi dạt  
những đũa cùng ôm mộng hải hồ  
bây giờ chết dí miền quan ngoại  
trở lạnh chùn chùn húng hắng ho.

Một ngày. Thêm một ngày vô vị  
ta đếm thời gian trên ngón tay  
nghe nhịp đời đi xa lắc lắc  
tiếng buồn vọng lại cuối chân mây.



*ảnh Đỗ Quang Em*

## **Bảng Hữu**

Quần quanh còn lại dăm ba đứa  
mà mối giao tình cũng nổi trôi  
những cánh bèo tan rồi lại hợp  
giữa những phong ba những dập vùi.

Những kiếp đời qua nhiều sóng gió  
ai cũng như là bị chấn thương  
cái nổi tị hiềm muôn dạng đó  
ăn vào trong máu tẩm vào xương.

Gương vẫn soi hoài không thấy bóng  
một hôm lấy kính chiếu yêu ra  
thấy con quỷ dữ nhe nanh vuốt  
đứa bạn nào đây hay chính ta?

Bao nhiêu hậm hực bao ân oán  
trút hết vào quanh đấm bạn bè  
chương phong vun vút tung qua lại  
nổi nhục đâu bằng nổi hả hê.

Chao ơi bằng hữu ta còn mấy  
đứa sầu vì vợ khổ vì con  
đứa điên vì ước thèm không thỏa  
đứa nhão người ra kiếp sống mòn.

Em trách sao ta tính thất thường  
thì em hãy cố thử hình dung  
ở nơi một góc rừng hoang vắng  
con thú quay đầu liếm vết thương..

*(thơ Cung Vĩnh Viễn – 1994)*



*Still Life – tranh Van Gosh*

## ĐI

Ta biết từ khi cất bước đi  
đi đâu rồi cũng phải quay về  
bao nhiêu bến lạ bờ xa ấy  
những dấu chân chìm lớp bụi che.

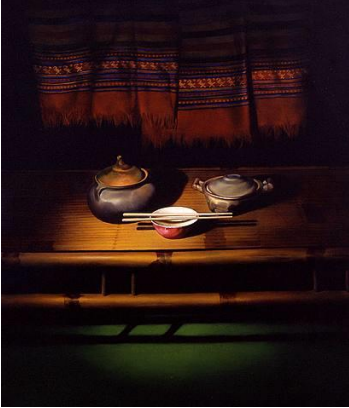
Đôi khi nổi máu giang hồ vật  
hay thấy người đi ta cũng đi  
thương gan chân bỏng đời hao hụt  
những chuyến đi không chẳng ích gì.

Ta biết khi trời nổi gió mưa  
mỗi con đường rẽ một phân ly  
ta đi còn nợ câu từ già  
sợ mắt em buồn ngán lệ se.

Đã có lần đi tưởng rất xa  
qua sông qua biển biệt quê nhà  
nhìn quanh mới thấy là ta đã  
đến một nơi mà chẳng gặp ta.

Có những lần đi chẳng tới đâu  
hình như chẳng nhớ chốn hẹn nhau  
quay về đâu có ai chờ nữa  
ta ngăn người ra dưới mái sào.

Thôi vất hành trang còn vương vứu  
những điều ân oán những thị phi  
thống tay như kẻ nhàn du để  
đi một lần đi cho đáng đi.



*ảnh Đỗ Quang Em*

## Sáu Mười Đồi Bóng

Hôm nay vừa chẵn sáu mươi  
Sáng ra soi mặt cố cười làm duyên  
Trông hình cũng thấy quen quen  
Giống như cái thưở thanh niên yêu đời  
Và như thưở mới yêu người  
Đam mê ánh mắt nụ cười thắm tươi  
Chemise xanh nhạt da trời  
Quần màu xám thắm hợp thời trẻ trung  
Mọi điều đều nhẹ như không  
Cánh chim mê mãi lượn vòng trời cao  
Trăm điều mơ ước dạt dào  
Vòng tay mở rộng khát khao đợi chờ

Trong gương bóng sứt nhạt nhòa  
Chàng trai trẻ hóa ông già hom hem

Hôm nay chẵn sáu chục năm  
Dành chai rượu hẹn bạn bè gần xa  
Bạn gần cáo bệnh không qua  
Bạn xa thì ngại đường xa tuổi già  
Thôi thì rót rượu mình ta  
Mời thêm chiếc bóng cả xa lẫn gần  
Bóng gần lẫn quần bên chân

Bóng xa như áng phù vân lững lờ

*(thơ Cung Vĩnh Viễn – 2005)*

### **Cảnh Già**

Cũng bày ra một hiên nhàn  
Dăm ba chậu kiểng, một bàn cờ vuông  
Án thư vài tập cáo thơm  
Bức tranh thủy mặc đồng phương an hòa  
Một bình rượu, một khay trà  
Một đôi bạch lạp, giấy hoa bút vàng  
Nghe hơi gió chuyển mùa sang  
Tuổi già cảm cảnh đôi hàng rụng rơi...

Những ai bày biện lòng tôi  
Những trần trở nợ, những hoài niệm kia

*(thơ Cung Vĩnh Viễn - 13.5.2005)*

### **Uống Rượu Một Mình Gửi Chúng Mày**

Lỡ tay ta rót tràn ly rượu  
mà ngõ trường giang dậy thủy triều  
ơ những mộng xanh trời bát ngát  
mà thuyền mắc cạn bến cô liêu.

Mà giam thân mãi đời lưu xứ  
rót chén hoài hương luống ngậm ngùi  
rót ly tao ngộ bèo phiêu dạt  
rót chén tương phùng mây nổi trôi.

Rót đau một chén mừng thân thể  
đã rộ trên đầu tóc bạc phơ  
rót tiêu hào khí vào hưng phế  
cầm bằng quên hết chuyện hơn thua.

Đêm rộng lòng không cả bốn bề  
rót vào chén mộng lỡ làng kia  
bao nhiêu hờn tủi bao thương nhớ  
thẹn với Thân Bằng hổ với Quê.

*(Hùng già: Thế là xong đời chai rượu của mày rồi  
đấy nhé. – Viễn).*

*(Chùm Thơ Gửi Bạn Bè ntcva5663 - 11.10.2005)*

## **Về Thăm**

Anh về thăm chỗ đợi xưa  
cây cột đèn ấy hình như nhớ liền  
chỉ anh xem chỗ khắc tên  
buổi chiều hôm ấy nhớ điên nhớ cuồng  
cột đèn cũng động lòng thương  
để cho anh gạch những đường đón đầu  
kể từ dạo ấy về sau  
người ta chắc ít đợi nhau góc đường  
không ai đứng dựa cột đèn  
cho nên dấu vết tên em rõ ràng  
căn nhà có cột mai vàng  
người ta đã đón mở hàng cà phê  
phải chi quán mở từ xưa  
để anh trốn nắng tránh mưa ngồi chờ  
nhưng mà ai đón ai đưa  
để thương mái tóc gió đùa nhẹ bay  
anh về thăm chỗ đợi này  
tự nhiên sống mũi cay cay nghẹn ngào

...

*(Chùm Thơ Gửi Bạn Bè ntcva5663 - 15.5.2005)*

## **Cũng Chẳng Bao Giờ Tới Được Đầu**

Như kẻ trốn đi biết lỗi mình  
ta từ buổi ấy đã chung thân  
ở trong một nỗi niềm ray rứt  
nghe gió mùa đi kể tội tình.

Thì cũng đành như án đã tuyên  
suốt đời ta chẳng gặp lại em  
suốt đời, hai tiếng nghe thê thảm  
như dòng nước lạnh chảy trong thân.

Ta đi đâu có mòn chân nữa  
cũng chẳng bao giờ tới được đầu  
chẳng có nơi nao là chỗ hẹn  
đời dạt trôi đi tựa cánh bèo.

Ta biết rằng em cũng đã đi  
nơi thành phố ấy chẳng còn chi  
bao nhiêu những quán cà phê mới  
lủ ghế bàn kia chẳng biết gì.

Em ở đâu trên mặt đất này  
khi mùa thu chuyển gió heo may



khi mưa rơi nhẹ trên làn tóc  
lòng có chùng đi một phút giây?

Ta nhớ rằng ta đang thụ án  
nên chẳng mong gì được gặp em  
gặp em, hai tiếng nghe như thể  
một niềm thương nhớ đến như điên.

Thôi thì tìm gốc cây già cỗi  
nơi xó rừng sâu kể nỗi niềm  
ngàn năm cây đứng ru lời gió  
giữ hộ dùm ta một sử tình.

*(Chùm Thơ Gửi Bạn Bè ntcva5663 - 8.12.2005)*



*ảnh Nguyễn Trọng*

### **Những Ngày Ở Manosque**

*(Gửi già Cung - một ân tình)*

Những tên lính thú ngàn năm trước  
trấn thủ biên cương ở chốn này  
tóc râu rậm rạp như rừng rú  
đêm trường đổ rượu một cơn say.

Những nàng con gái xinh như mộng  
váy xòe bó chặt lấy eo thon  
lả lơi trong những bài luân vũ  
nhã nhạc như đời nước nước tuôn.

Quảng trường ở giữa khu thành cổ  
rợp bóng những hàng cây Platane  
những dây ghê bàn bày la liệt  
gió nổi trên cây một điệu đàn.

Ta ngồi ở đây mê thần trí  
tưởng những bóng đời kiếp kiếp xưa  
thanh âm gươm giáo khua ròn rợn  
những mộng đồ vương tiếng được thua.

Những trang hảo hán xoay trời đất  
những mỹ nhân cười đồ lệch ngại  
cuốn theo những cuồng phong lịch sử  
tiếng cười ngọc nát với vàng phai.

Bước dọc theo dòng sông uốn quanh  
nương hồn theo bóng cụm mây xanh  
về đâu giữa đất trời vô tận  
câu hỏi như là bước khựng chân.

Dòng sông vô lượng vô ngôn ấy  
tích lũy bao nhiêu tiếng nói thầm  
trôi đi những áng mây hồn tử  
những thiệt hơn phù phiếm lợi danh.

Thì như thân gửi ngoài quan ngoại  
chẳng tiếc gì nơi chốn thị thành  
tháng năm như một dòng sông trắng  
mơ hồ quên nhớ mắt ai xanh ...

*(Chùm Thơ Gửi Bạn Bè ntcva5663 - 3.7.2005)*

## **Cuối Năm I**

Cuối năm bỏ sỏ đi về sớm  
lẩn giữa bao người trên phố đông  
chân vẫn bước đi lòng chẳng định  
không một thân tình để ghé thăm.

Cuối năm. Thì cũng là năm tháng  
thì cũng trong dòng miên viễn trôi  
mà sao vẫn nhắc thầm trong dạ  
một hẹn hò xưa đã lỡ rồi.

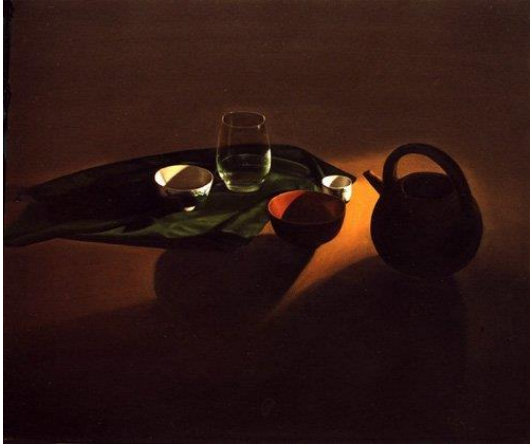
Nên vẫn tạt chân vào quán đợi  
ngọn nến trên bàn cháy dở dang  
lưng linh ánh lửa vờn trên vách  
chẳng nhớ thương gì cũng động tâm.

Chẳng nhớ thương ư? lòng cố quận  
thảo nào đau đáu nỗi niềm xưa  
đã qua bao tháng cùng năm tận  
cỏ bằng theo gió xót xa đưa.

Ta dỡ đời ta cơn diệu vợi  
cầm bằng ru khúc tuyệt tình ca

ta rủ ta ra ngoài nổi đời  
thôi cứ bình tâm đón tuổi già.

*(Chùm Thơ Gửi Bạn Bè ntcva5663 - 22.12.2005)*



*ảnh Lê Văn Vương*

## **Sinh Từ Phù**

Mấy chục năm trời thân đã mỏi  
thôi thì trả ẩn để từ quan  
ấn không ai nhận quặng thùng rác  
quan thì lớn quá chẳng ai kham.

Về ở gian nhà như hộp quẹt  
nằm trên chót vót những tầng cao  
tối buồn ra đứng bao lơn hẹp  
thì thắm nói chuyện với trăng sao.

Trăng sao không biết điều tâm sự  
nhấp nha nhấp nháy tựa ma chơi  
lòng ta đâu có còn mơ ước  
mà rủ chơi trò sao đổi ngôi.

Thật chán mấy anh Tàu lếu láo  
đặt bày ra những chuyện thần tiên  
thật đáng cho ta còn mơ hảo  
vẫn nghĩ rằng em rất dịu hiền.

Còn một niềm vui là uống rượu  
mấy ông thầy thuốc lại không uống  
cuối tuần mới dám quên lời dặn  
uống một vài ly rất độ chừng.

Thân ta với bệnh như bằng hữu  
bệnh cứ làm như bệnh giả đò  
tâm ta em cấy phù sinh tử  
em bỏ đi rồi ai giải cho?



*ảnh Lê Ngọc Tường*

## **Đào Phai**

Nhặt lên một cánh đào phai  
thương ơi bé dại lạc loài trong đêm  
trải bao xô xát bạc tiền  
cánh môi đỏ một lời nguyên xót xa.

Mơ hồ bóng mái chùa xưa  
ra vào chú tiểu thần thờ động tâm  
cánh đào phai đã úa tàn  
xa xăm bóng mẹ mơ màng bóng ai.

Gan chân bỗng bước miệt mài  
về theo một tiếng thở dài hải hiu  
vẳng đâu vọng tiếng chuông chiều  
ngươi xưa cảnh cũ tiêu điều một mai.

Những là thân phận đào phai  
chịu tâm một nỗi u hoài ngẩn ngơ  
lòng không đợi ý không chờ  
mà như lỡ một hẹn hò từ xưa.

Thôi thì gập gờ tình cờ  
mây trôi bèo dạt bến bờ là đâu

nhắc chi những nỗi biển dâu  
thương hoài một cánh hoa đào tàn phai.

*(Chùm Thơ Gửi Bạn Bè ntcva5663 - 22.10.2006)*

### **Xin Trả Lại Tôi**

Trả lại tôi sân trường xưa  
giờ ra chơi bụi mịn mù tung bay  
trả tôi quả bóng truyền tay  
vo bằng giấy báo quần vải sợi thun  
trả tôi quần xệ xuống lưng  
áo sơ mi trắng chấu lòng sờn vai  
trả tôi ngày rộng tháng dài  
tấm lòng phơi phới nụ cười tin yêu  
trả tôi đồng bạc chất chiu  
cây cà rem đá nhạt phèo chia đôi  
trả tôi tiếng keng bồi hồi  
những hồn mơ mộng tiếc thời mộng mơ  
trả tôi-đừng trả dư thừa  
ngựa xe huyền áo cợt đùa lợi danh.

*(Những Mảnh Thơ Rời 15.2.2006)*

### **Có Những Câu Thơ...**

Có những câu thơ gặp bất ngờ  
như là đường kiếm tuyết chiều xưa  
chém hoa lia cuống mà không rụng  
đụng thấu hồn ta đến ngân ngơ.

*(Chùm Thơ Gửi Bạn Bè ntcva5663 - 14.8.2006)*

### **Trận Ôm Cuối Đông**

Trận ôm cuối đông đau vàng mắt  
vẫn còn trần trở gió mưa xưa  
vất trong đáy túi giang hồ cũ  
thấy còn sót lại mảnh tâm hư.  
Thì cũng mỏng manh như khói sóng  
những mộng ngày xanh đã héo hon  
mỗi khi nhìn bóng hoàng hôn động  
lại thấy làm như thoáng chạnh lòng.  
Trên Nét dăm mươi tên bạn cũ  
càu nhàu nhau mấy chuyện lằng nhằng  
thôi thì không vá trời cao nữa  
vá lại tâm tình với tháng năm.

Tháng năm toi tả bao dâu biển  
thoáng nhắc mà nghe sống mũi cay  
mắt đâu còn rõ đường kim chỉ  
rượu chưa say đành cũng giả say.  
Con chim trốn tuyết bay nhảm lồi  
lạc giữa mùa đông trắng mịn mờ  
tiếng kêu tắt ngấm trong hờn tủi  
thương chiếc hồn ta vô sở cư./.

*(Chùm Thơ Gửi Bạn Bè ntcva5663 - 3.3.2006)*



*ảnh Nguyễn Phan*

## Thơ Gửi Bằng Hữu

### 1.

Thì cứ leo lên căn gác nhỏ  
sẽ gặp bạn ta cả một bày  
đứa nào đứa ấy ngon phong độ  
rượu thì ly cối thuốc cầm tay  
đứa nào đứa ấy thi nhau nói  
mộng lớn mộng con cũng rã rời  
có đứa hăm he đòi lập thuyết  
vá lại trời kia lấp biển này  
có đứa luôn tay chôm chĩa thuốc  
thất tình cười ngạo giọng chua cay  
xưa nay mấy kẻ anh hùng đã  
vượt qua cửa ải mỹ nhân này  
thế là cả bọn cười nghiêng ngả  
cạn thêm ly nữa phá vòng vây  
thành sầu ai dựng mà cao thể  
càng uống càng nghe buồn lất lay  
có đứa rút ra từ trong túi  
tường gì hóa một bộ bài tây  
những trận phé còm thâu đêm ấy  
thằng được thằng thua đều trắng tay...

## 2.

Thì cứ đi theo lời chỉ dẫn  
vào trong tửu điểm hẹn hò nhau  
bạn cũ bây giờ thành lão trượng  
trái mấy phong ba mấy dải dầu  
đứa nào đứa ấy ngon phong độ  
dấu rằng tóc đã trắng phau phau  
đứa nào đứa ấy thi nhau nói  
suối nguồn tươi trẻ dạn dò nhau  
có đứa còn hiên ngang biểu diễn  
khí công khói bốc ở trên đầu  
thơ văn xối xả tuôn như suối  
hát hò rôm rả chẳng nhường nhau  
tuổi già hơn hờ như con nít  
người xưa nói thế có sai đâu  
tuổi mộng ngày xưa giờ tuổi hạc  
thôi thì mừng tuổi vẫn còn nhau...

## 3.

Bạn gửi cho xem những tấm hình  
kèm theo câu hỏi nhớ hay quên  
thôi mà hỏi khó làm chi bạn  
cho nổi niềm kia nhức nhối thêm.

Mỗi tấm hình như một mũi tên  
xuyên vào lồng ngực đã hom hem  
cái cô bé đứng chờ xe buýt  
ta dụi mi hoài : có phải em?

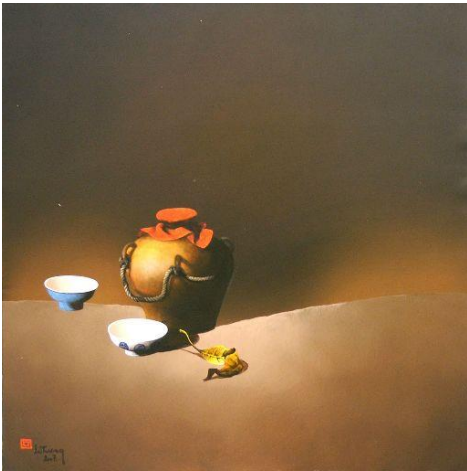
Chiếc xích lô máy móc cũ càn  
nở ròn trong buổi sáng tinh sương  
lơ mơ thức ngủ trong chăn ấm  
thoang thoang hương cà phê rất thơm.

Những vỉa hè gạch đá ngổn ngang  
gánh hàng rong quà bánh nghèo nàn  
quán mì chú chệt nơi đầu ngõ  
bán chịu ta vài điều capstan.

Ghế đá phơi sương ở bến tàu  
bao nhiêu đôi lứa chụm đầu nhau

những câu tình tự êm như rót  
lời mật vào tai rất ngọt ngào.

Những tấm hình xưa, một quãng đời  
mộng đầu theo những áng mây trôi  
sai gòn ối những ngày xanh tóc  
điệu hát trôi theo nỗi ngậm ngùi.



*ảnh Lê Ngọc Tường*

## Mưa

Mưa đấy. Nhưng mà chả giống mưa  
những chiều tan học đã xa xưa  
co ro núp dưới hàng hiên hẹp  
nhìn bong bóng nước vỡ trên hè.  
Ta chỉ ngắm mưa chả ngó em  
bờ vai thon thả cánh tay mềm  
dưới làn lụa ướt in da thịt  
sợ tiếng rắng ta dạ đảo điên.  
Ta hít mùi thơm nồng của đất  
mùi thơm tỏa xuống tự hàng me  
lòng ta mê mẩn niềm ngây ngất  
chẳng hít hương thơm gái dậy thì.  
Thầm lạy trời mưa mãi kéo dài  
ta yêu từng sợi nhỏ mưa rơi  
yêu cả lòng ta non dại thế  
chỉ biết yêu thần yêu thánh thôi.  
Mưa ở nơi này không thấm đất  
chẳng dậy mùi hương của cỏ hoa  
cho nên mưa đấy mà ta vẫn  
nhớ những chiều mưa cũ thiết tha.



(Chùm Thơ Gửi Bạn Bè ntcva5663 - 25.4.2007)

## **Tìm Bạn**

*(Gửi Hoàng Xuân Trường)*

Thế là mày cũng sáu ba  
so ra thì cũng chẳng thua thằng nào  
tóc tai cũng trắng phau phau  
đi thì lững thững cái đầu lắc lư  
nói năng cũng vẫn từ từ  
thẹn thùng chẳng muốn ganh đua với đời  
yêu thi cũng chẳng ngổ lời  
thả cho mọi sự chảy xuôi theo dòng  
khi đi vào cõi vô cùng  
mới hay bao đợt sóng lòng thiết tha  
mới lòi ra cái tài hoa  
cái tình cái mộng chan hòa cái tâm

cần gì cái tháng cái năm  
sao Thương với lại sao Sâm cũng là  
cái ta cũng chỉ là ta  
chiều nay ngồi ngắm bóng tà mênh mông  
rớt ra một ngum phiêu bồng  
thả theo mây nổi tắc lòng vẫn vơ.

*(Chùm Thơ Gửi Bạn Bè ntcva5663 - 12.1.2007)*

## **Cuối Năm II**

Cuối năm. Hồ dễ là năm cuối  
Thôi cứ lệ quen dạo một vòng  
Phố chợ quê người trông chán mắt  
Chất sạn hòn ta vẫn đứng đưng  
Đã tận đường đâu mà đứng lại  
Dừng vạch quần ra đái xuống sông  
Tuổi già tiểu rất vương bờ cỏ  
Tiếc cái thuở xưa đái lượn vòng  
Cuối năm. Thui thủi chui vào quán  
Quán lạ quanh tường kính sáng trưng  
Nhấp ngụm bia vàng thềm đắng miệng  
Hơi thuốc thần tiên nhả khói tròn  
Lũ quái đi đâu mà tuyết tích  
Ta ngó vào gương ngắm bóng mình  
Cái gã hom hem nào lạ hoắc  
Buồn nổi chi mà cũng lặng thinh?

*(Chùm Thơ Gửi Bạn Bè ntcva5663 - 12.1.2007)*

## Thơ Cuối Năm 2007

Cuối năm. Lật bật cuối năm  
tháng rơi theo tháng năm tàn theo năm  
cái mầm mọc ở trong tâm  
chòi ra tua tủa rễ ăn kín đời.

Nỗi buồn trong thịt xương tôi  
thành ra câu nói nụ cười héo hon  
đêm nao chớp bể mưa nguồn  
nằm nghe máu vẫn chảy dồn về tim.

Thảo nào lòng chẳng nhớ em  
một đời tình lỡ một duyên trái mùa  
nhớ em giọt nước mắt xưa  
vỡ trên ống kính vạn hoa ngậm ngùi.

Cuối năm. Lại cuối năm rồi  
nghe như thời khí chuyển dời trong thân  
cơn đau âm ỉ nhắc thầm  
cũng là cái nghiệp đường trần quạnh hiu.

## Mùa Tuyết

Buồn mãi kéo nghiêng cả mái trời  
thảo nào mà tuyết chẳng ngừng rơi  
những bông hoa tuyết như bông nõn  
trắng xóa lòng bao cảnh ngộ đời.  
Trắng xóa những hàng cây trụ lá  
những niềm thương nhớ đã thành băng  
lá rơi từ những mùa thu trước  
chắc đã mục đi chắc đã tàn.  
Chắc chẳng còn ai để nhớ mong  
chẳng còn dấu vết để thương tâm  
tuyết rơi xóa hết bao hờn tủi  
đất trời một giải trắng mênh mông.  
Trắng cả đời ta nỗi lạnh lòng  
tâm hồn như con ngựa thả cương

chạy điên cuồng giữa mùa đông trắng  
vẫn chẳng tìm ra chẳng nhớ đường.



*Tĩnh Vật – tranh Lưu Công Nhân*

### **Ngụm Đẳng Đầu Tiên**

Cái ly cà phê đầu tiên  
anh nhìn mặt uống nhìn em khuấy dần  
lá thư trong ngực áo thắm  
đêm nay viết lại mai gần sẽ trao.  
Chiều nào cũng giống chiều nào  
vẫn đưa vẫn đón đi sau ngậm ngùi  
trăm điều chỉ tại em thôi  
áo bay quần gió cho người ngẩn ngơ.  
Ghé vào một quán cà phê  
tập làm người lớn tập đua tập đòi  
điều thuốc ngậm lệch trên môi  
lóng nga lóng ngóng bật hoài que diêm.  
Qua đi những tháng cùng năm  
quán Mưa quán Gió quán Hồng quán Thơ  
quán nào anh cũng ngồi chờ  
để mong em có tình cờ đi qua.

*(Những Mảnh Thơ Rời... 15.2.2008)*

## Quán Đợi

Cái gã trầm ngâm trong góc quán  
với tách cà phê nguội ngắt kia  
sao mà cứ thấy quen quen quá  
như là gặp lại thuở ta xưa.  
Ta cũng hay vào quán một mình  
cũng ngồi trong góc cũng lặng thinh  
cũng nhìn mê mẩn trong ly cạn  
tưởng có ai về bước hiền linh.  
Ở trong thần trí lơ mơ ấy  
hình như mang máng ý câu thơ  
thì em cứ hẹn nhưng đừng đến  
để suốt đời ta biết đợi chờ.  
Câu thơ chắc ám đời ta mãi  
cho tới bây giờ chẳng gặp em  
nhiều khi trên bước đường lưu lạc  
ta ngẩn người ra giữa quán đêm.  
Ta đợi cho tròn căn kiếp đợi  
quán đời hiu hắt ngọn thu phong  
chén tân toan ấy thôi đành cạn  
ba sinh hương lửa có nồng không?

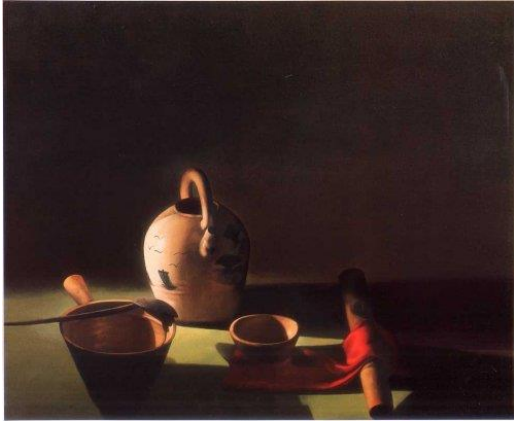
*(Những Mảnh Thơ Rời...15.2.2008)*

## Thơ Mùa Thu

Hình như cái ngọn thu phong ấy  
thổi tốc lòng ta đến tả tơi  
hà cố nhìn theo vàng lá rụng  
lại thấy dạt trôi những mảnh đời.  
Hà cố chiều nay hoài cố sự  
tâm tình heo hút gió heo may  
cái nắng mềm như tà áo lụa  
chỉ đậu hờ trên những ngọn cây.  
Trời đất nồng nàn hương hoa cỏ  
cánh bướm vàng kia cũng ngắt ngây  
những lời tha thiết còn chưa ngộ  
chỉ sợ la đà cánh bướm say.  
Chiều nhẹ rơi như một phím trầm  
ta yêu đến khóc đến rưng rưng  
nụ cười em níu thơ ngây lại  
cho nỗi lòng ta cũng ngập ngừng.  
Cánh gió nào đem chiếc lá vàng  
cài trên mái tóc tuổi mười lăm  
em chưa làm dáng mà ta đã  
nhớ một mùa trăng sáng nét rằm.

Đời vẫn trôi hoài trong tường tiếc  
thèm nghe ai hát điệu thu đang  
chiều nay cái ngọn thu phong lại  
thổi tốc bao nhiêu lớp lá vàng.

*(Những Mảnh Thơ Rời...26.9.2008)*



*ảnh Lê Văn Vương*

## **Buổi Chiều Trên Thành Phố Cũ**

Thời tuổi trẻ ta rất mê ngồi quán  
quán cỡ nào ta cũng thấy dễ thương  
cái quán cóc ở đâu đường đâu đó  
mà lắm khi cũng thấy nhớ lạ thường.  
những cái quán đâu chỉ là quán xá  
mà là nơi tụ họp bạn bè ta  
đứa nào bị nhỏ bỏ cho một đá  
lại lần mò đến quán để ba hoa.  
nhưng cái quán của mình em nhớ chứ  
rất tình cờ ta thấy một chiều mưa  
mảnh vườn xinh lẫn giữa nơi thị tứ  
suốt quanh năm là cả bốn mùa hoa.  
Chiếc bàn nhỏ kê cạnh tường trong góc  
dưới tàn cây như một tán dù xanh  
ta bên nhau nghe thời gian ngưng đọng  
nghe trái sầu rụng xuống giữa mênh mông.  
Em cúi mặt dẫu buồn trong mái tóc  
ngậm cà phê như muối mặn gừng cay  
giây phút cuối ta dặn lòng đừng khóc  
nụ hôn mềm nắn nốt buổi chia tay.

Giòng đưa đẩy đời ta đi miết miết  
lại thấy mình trên phố cũ chiều nay  
cái quán nhỏ làm sao tìm cho thấy  
huống hồ chi người khuất cuối chân mây.  
Ta vẫn thích một mình ngồi trong quán  
nghe thời gian nhỏ giọt xuống bờ vờ  
mảnh vườn mộng đã đi vào quên lãng  
gừng còn cay muối mặn đến bao giờ.

*(Hùng già,  
Hai bài mà mắt công gui cho tao dở ẹc.  
Gửi mà bài thơ mới làm đọc chơi – Tao)*



*ảnh Đỗ Quang Em*

## **Mưa Ở Paris**

Trận mưa đổ xuống khi trời tối  
nơi hàng hiên hẹp quán cà phê  
hai lão da vàng ngồi xích lại  
trán bóng kê bên tóc bạc phơ.  
Song chường thu vào trong tay áo  
lão trọc xem chừng rất 'khấn trương':  
ta vừa đi giáp vòng thiên hạ  
thế sự mười phương vẫn nhiều nhưong.  
Bạch phát lão nhân ngồi trầm mặc  
xoay hoài ly rượu ở trên tay  
mắt nhìn soi mãi màn mưa đặc  
thấp thoáng tùm lum tháng với ngày.  
Đất khách nửa đời sau gặp lại  
tâm sự xem chừng vẫn ngổn ngang  
những mộng ngày xanh còn nhớ mãi  
tuổi đá cười đau với tuổi vàng..  
Lão trọc chột nhãn vàng trán rộng  
nhắc tên bằng hữu lạc mười phương

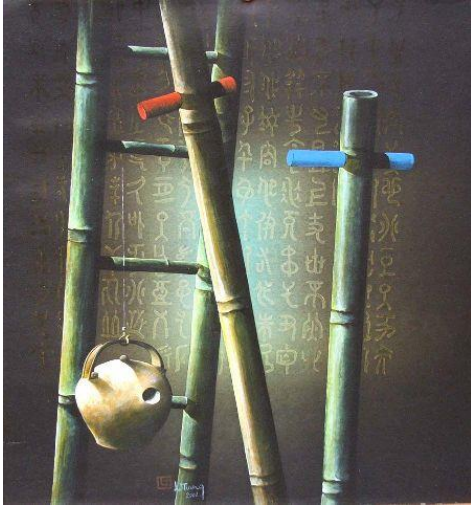
ới ơi bạn tác ngoài trời dạt  
còn nghe điệu sáo của Trương Lương?

*(Những Mảnh Thơ Rời...15.10.2009)*

## Hành Tha Hương

Nhớ xưa Nguyễn Bính từ quê Bắc  
bỏ xứ vô Nam đã thấm buồn  
nức nở những bài than thế sự  
thương nhà thương chị đến thương thân  
mỗi độ xuân về đêm trừ tịch  
như động sâu vào nơi chấn thương  
gác trọ canh trường chai rượu nhạt  
bạn tác biệt tâm gái bạc lòng  
tìm đâu ra kẻ còn tha thiết  
mà nói ân tình với thủy chung  
mê thơ Nguyễn Bính buồn quay quắt  
ta nối dài thêm khúc đoạn trường  
đã đành Nam Bắc xa xôi đầy  
đã thấm vào đâu cách đại dương  
đã thấm vào đâu bao mắt mát  
của kẻ bôn đào biệt cố hương  
đồng đất nước người xa lạ quá  
sống mỗi mòn trong nợ áo cơm  
cái đi tìm vẫn hoài không thấy  
cái thấy hình như chỉ não lòng  
ta gặm đời ta thì cũng đáng  
tự mình treo lầy án chung thân  
rồi những mùa xuân nơi đất khách  
ta buồn hay Nguyễn Bính buồn hơn  
chỉ biết đôi lần ta bắt gặp  
giữa phố đông người sao thảm thương  
có kẻ chân đi không tới đất  
mặt mũi vêu vao gã Sở cuồng  
muốn đến làm quen mà bắt chuyện  
hóa ra là bóng ở trong gương  
ngắm cái thân tàn ma dại ấy  
chẳng dám trách ai đã bạc lòng  
mùa xuân đất khách không đào thám  
cũng chẳng mai vàng để nhớ mong  
lòng cứ trơn như hòn đá cuội  
không về cũng chẳng có ai trông  
mà đi còn biết đi đâu nữa  
trời thì xa thăm đất chưa dung...

*(Những Mảnh Thơ Rời...17.4.2009)*



*Lê Ngọc Tường*

### **Soi Trong Gương Cũ**

Soi trong lòng gương cũ  
anh vẫn thấy bóng em  
trưa tan trường nắng đỏ  
vui từng bước chân chim  
tóc dài bay trong gió  
phủ xuống bờ vai mềm  
cặp sách ôm trước ngực  
nụ cười tươi hồn nhiên.  
Soi trong lòng gương cũ  
anh thấy anh đảo điên  
mê say tình mới lớn  
chiều chiều dựa cột đèn  
nhìn theo em đánh vợt  
ngó em đang chơi truyền  
tối về chong đèn nhỏ  
tập làm thơ liên miên.  
Soi trong lòng gương cũ  
anh thấy thời thanh niên



trong tình yêu rục rờ  
đất trời thì vô biên  
hoa vườn đua nhau nở  
nắng vàng tươi bên hiên  
mộng xanh màu cây cỏ  
những chiều mưa êm đềm.  
Em ơi lòng gương cũ  
như lòng anh bây giờ  
bao năm rồi vẫn sáng  
một tình yêu thuở xưa.



*ảnh Đỗ Quang Em*

## **Bỏ Trường Mà Đi**

Những khuôn mặt ấy thơ ngây lắm  
má hồng mắt sáng với môi tươi  
đầu năm khai giảng vào trong lớp  
rạng rỡ bao nhiêu những nụ cười.  
Không thể ném vào trong lửa đỏ  
những đầu xanh tóc tuổi đôi mươi  
không thể an thân mà đồng lõa  
làm nát tan đi những mộng đời.  
Mấy năm giảng những điều gian dối  
những bài rỗng tuếch những khoa trương  
thôi thì bỏ lớp xa trường vậy  
là bỏ đời ta nghĩa đá vàng.  
Ta đi buổi ấy mù tăm tối  
trời thăm đất dày thương lắm thay  
xứ lạ biết chi mà ngóng đợi  
biết có qua cơn sóng gió này?  
Xứ lạ. Tàn dần bao mộng ước  
áo cơm mòn mỗi tháng năm trôi

đôi khi dừng lại nhìn xuôi ngược  
tuổi già trần trở bóng chiều rơi.  
Những cánh chim xưa đã lạc bầy  
chợt nghe ríu rít ở quanh đây  
gọi nhau soải cánh bay về tổ  
tình vẫn tình xưa nghĩa vẫn đây.  
Những học trò ta cũng chớm già  
cũng nhiều dâu biển cũng phôi pha  
trong cơn hồng thủy tang thương ấy  
tàn nhẫn bao nhiêu trận gió mưa.  
Thôi cùng quên hết điều oan trái  
mừng ta còn được gặp nhau đây  
chờ trên cánh nhỏ niềm vui mới  
hàn huyền câu chuyện thuở xa bày...

*(Chùm Thơ Gửi Bạn Bè ntcva5663 - 26.3.2010)*



*tranh Van Gosh*

### **Uống Rượu Một Mình**

*(Gửi Hoàng Xuân Trường nhân  
một lần nói chuyện qua điện thoại)*

Có chai rượu quý từ năm ấy  
Vẫn để dành riêng, hẹn với lòng  
Mai này một nọ bao giờ gặp  
Khui rượu cùng nhau xẻ nỗi mừng

Chai rượu để hoài trên nóc tủ  
Lâu ngày như đã cũng quên đi  
Cũng như lời hẹn xa xưa ấy  
Kể ở người đi chẳng nhớ gì

Bao nhiêu biến động trong đời sống  
Đẩy ta vào thế bỏ quê hương  
Ra đi chẳng có mang gì cả  
Bỗng nhớ còn chai rượu đã quên

Chai rượu theo ta đến xứ người

Ở đây ngày tháng lạnh lùng trôi  
Rượu ngon không thiếu nên chai rượu  
Được giữ như là kỷ niệm thôi

Cho đến một chiều đông rét mướt  
Nghe chuông điện thoại bỗng reo vang  
Nhắc lên, giọng nói nghe là lạ:  
- Bạn cũ đây, có nhận ra không?

Chỉ nghe cái giọng làm sao nhận  
Bạn ta giờ đây lạc bốn trời  
Bạn kể thêm năm điều bầy chuyện  
Ta ngẩn người ra, cả tiếng cười

Bạn cũ. Đâu ngờ liên lạc được  
Thôi thì trăm thứ để hàn huyên  
Nhưng rồi có lúc ta khựng lại  
Bạn cũ, biết còn như cũ không?

Nghe ta tâm sự điều lo ngại  
Bạn bỗng cười bung giọng thật vui  
Nghe ta kể khổ bạn an ủi  
Phân giải cùng ta nghĩa cuộc đời

Thì ra không giống điều ta tưởng  
Bạn cũ bây giờ tuy khác xưa  
Nhưng không trói buộc vòng danh lợi  
Xem cuộc trần ai tựa giấc mơ

Nghe xong mẩu chuyện về chai rượu  
Bạn cười: - thôi hãy uống dùm ta  
Bên này châm một bình trà mới  
Cũng là đối ẩm với tình xưa

Cầm chai rượu cũ, lòng thương tưởng  
Chẳng đành mà uống một mình ta  
Chiều đông ngoái lại con đường cũ  
Bến giác bờ mê mấy cách xa?

*(thơ Cung Vĩnh Viễn – 13.05.2005)*



*ảnh Nguyễn Trọng Khôi*

## **Phụ đính:**

### **Dòng Họ Cung**

*Góp nhặt: Phí Ngọc Hùng*

Từ những tác giả thời danh như Cung Tích Biền, Cung Trầm Tưởng (tên thật Cung Thúc Cẩn), Cung Tiến (tên thật Cung Thúc Tiến), gần đây có một số tên tuổi họ Cung khác nữa xuất hiện trên văn đàn cũng như mạng lưới. Như nhà văn nữ Cung Cẩm Hà, Cung thị Lan và hai, ba người khác nữa nhưng không nhớ tên và tên nào cũng hay hay, tên nào cũng đầy chữ nghĩa. Nên người đọc biết đến dòng họ Cung qua ông Cung Giũ Nguyên. Với tất cả những dè dặt nên có và cần phải có như thường lệ của người góp nhặt được biết thì những tác giả Cung Tích Biền, Cung Trầm Tưởng, Cung Tiến không nằm trong dòng họ của ông Cung Giũ Nguyên.

Về bài giới thiệu ông Cung Giũ Nguyên chỉ vồn vẹn ba trang. Ông đi nhiều nơi như Thái Lan, Miến Điện, Tân Gia Ba, Hồng Kông, Nhật, Tây Ban Nha, Pháp, Anh Đức, Hòa Lan. Nên phần

liệt kê những tác phẩm của ông hay những tác giả trong nước cũng như ngoài nước và nhiều nhất là những tác giả ngoại quốc viết về ông. Riêng cái tựa đề không thôi, đôi khi mất cả một dòng nên kéo dài khoảng hai trang. Vì bài giới thiệu là bản in nên người đọc không đánh máy hết vì quá nhiều. Thế nên người đọc nhận thấy dường như chưa có ai được những tác giả nước ngoài nhắc đến nhiều bằng ông, ngay cả hai cụ Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh.

Nghĩ cũng lạ. Lạ hơn nữa đọc qua phần tiểu sử cũng chỉ ngắn gọn như dưới đây...

Ông Cung Giũ Nguyên là một nhà thơ, nhà văn nổi tiếng thập niên 30 đã được nói đến khá nhiều qua báo chí và tài liệu văn học Việt Nam cũng như ngoại quốc như Đông Pháp Thời Báo, Bách Khoa, Kẻ Thừa Tự của ông Nam Hải (Hà Nội 1995), hoặc Nguyễn Vỹ, văn thi sĩ tiền chiến. Der Sohn das Walfishes, Genf tại Frankfurt, Racines poème, preface de Cung Giu Nguyen, Saragosse, Espagne, 1976 hay Raoul Holland, un perceval Vietnamien, bulletin de l'université de Nagoya, Japon 1984 thì ông Cung Giũ Nguyên sinh năm 1909 tại Huế.

Họ thật của ông là “Hồng” bị cải thành “Cung” khi vua Tự Đức, húy “Hồng” Nhậm lên ngôi.

\*\*\*

Ông cùng họ Hồng với Hồng Tú Toàn, người khởi xướng cuộc cách mạng ở miền nam Trung Hoa và lập lên Thái Bình Thiên Quốc, trị vì ở Nam Kinh từ năm 1851 đến 1863. Tổ tiên của ông là người Phúc Kiến đã kiêu cư qua lập nghiệp ở Việt Nam giữa thế kỷ XIX. Tại đây họ Hồng lập nghiệp ở Bảo Vinh, Thừa Thiên, phố Thanh Hà sau thành làng Minh Hương đầu tiên ở nước ta và từ đó được coi là người Việt Nam.

Thân phụ Cung Giũ Nguyên là Cung Quang Bảo, thân mẫu là quận chúa Hồng Ngọc, tên tục là bà Nguyễn Phước Thị Bút. Bà là cháu nội Nguyễn Phúc Miên Lịch, An Thành Vương, con út vua Minh Mạng.

Cung Giũ Nguyên viết văn và làm thơ từ năm 1928, cộng tác với nhiều báo trong nước cũng như nước ngoài và đi nhiều nơi như Thái Lan, Miến Điện, Ấn Độ, Tây Ban Nha, Anh và Pháp. Thập niên 30, Nguyễn Thái Học và 12 đồng chí Việt Nam Quốc Dân Đảng bị xử tử tại Yên Bái. Ông có nhắc đến biến cố này qua một bài thơ bằng tiếng Pháp trong Littératures de langue française hors de France. Năm 1930 cũng là năm đánh dấu khúc quanh cuộc đời của tác giả, ông bị bãi chức đốc học ở Nha Trang, do nghị định thải hồi của Khâm Sứ Trung Kỳ nhưng không nêu lý do. Ông có trên 40 sách đã xuất bản, một trong những tác phẩm ấy được nhiều người biết đến là tiểu thuyết là *Nhân Tình Thế Thái, Một Người Vô Dụng*...

## Góp nhặt sỏi đá với...thơ

*Nguồn: Võ Phiến, Thận Nhiên, Nguyễn Hưng Quốc*

*Góp nhặt và sắp xếp: Phí Ngọc Hùng*

## Những cảm quan đầy thi tính

Lâu nay, nghĩ về văn học, tôi cứ hay miên man liên tưởng đến khu vườn đá của Nhật Bản. Tôi nói ngay, tôi không phải là người mê làm vườn và sành về vườn, bất kể là loại vườn gì. Kiến thức của tôi về vườn đá Nhật Bản chỉ dừng lại ở mức phổ thông với vài ba cuốn sách đọc một cách tình cờ và cũng khá ơ hờ. Nói một cách vắn tắt, tôi chỉ là người thường thức không

chuyên. Mà thật ra, ngay cả khi viết bài này, tôi cũng không cảm thấy có nhu cầu tìm hiểu thêm cho sâu hơn. Tôi hài lòng với những hiểu biết rất ư đại khái:

1) Nghệ thuật làm vườn ở Nhật Bản đã có truyền thống từ lâu đời và bao gồm nhiều kiểu khác nhau.

2) Những kiểu ấy có một đặc điểm chung nhất: vai trò của đá. Không thể tưởng tượng có một loại vườn nào gọi là đặc thù của Nhật Bản mà đá lại không đóng một vai trò quan trọng. Nếu trung tâm của hầu hết các loại vườn, kể cả các khu vườn thời cổ đại Trung Hoa, là hoa thì trung tâm của các kiểu vườn của Nhật Bản thường lại là đá.

3) Trong các kiểu vườn ấy, có một loại mang tên là karesansui [枯山水], vườn đá, chỉ có đá và cát.

Tôi đặc biệt chú ý đến cái kiểu vườn đá ấy.

Trong vườn đá có thể có cây, hoa và cỏ. Tuy nhiên, sự hiện diện của các loài thảo mộc như thế rất ít, chỉ điểm xuyết đây đó, thường là ngoài rìa. Nhiều khu vườn không có gì ngoài đá và cát. Đá, lổn nhổn vài ba hòn, với những hình thù khác nhau và được sắp xếp theo những trật tự khác nhau. Còn lại là cát. Cát, có khi thật phẳng phiu nhưng cũng có khi được cào lên theo hình sóng gợn, thay đổi theo nhiều hướng, mỗi ngày một vẻ.



Vườn Ryouanji 龍安寺 (Kyoto) (được xây từ thế kỷ 15)

*(Photo courtesy of Jaanus)*



Vườn Toufukuji Houjyou 東福寺方丈 (Kyoto)

*(Photo courtesy of Jaanus)*

Đằng sau kiểu vườn đá là cả một lịch sử, một triết lý (Thiên tông) và một quan điểm mỹ học đề cao sự tối giản, sự yên tĩnh, sự tự nhiên và sự hài hoà. Tuy nhiên, điều ám ảnh tôi nhiều nhất là sự hình thành của kiểu vườn này. Rõ ràng, nó không thể ra đời một cách tự nhiên. Nhật Bản không phải là một vùng sa mạc. Khó có thể hình dung một khu vườn nào, nhất là vườn quanh chùa, lại không có cây, hoặc ít nhất, cỏ, để người ta phải chấp nhận, rồi từ từ quen mắt. Không, loại vườn chỉ có đá và cát là một lựa chọn đầy ý thức chứ không phải là một hiện tượng có sẵn.

Đó là một sự từ chối đối với kiểu vườn cảnh (landscape garden) quen thuộc đã có truyền thống từ lâu đời, cả nhiều trăm năm trước công nguyên. Những người đầu tiên sáng tạo ra kiểu vườn ấy hẳn đã phải suy nghĩ, đắn đo và cuối cùng đi đến một quyết định dứt khoát, táo bạo và hết sức cực đoan là loại trừ cây, cỏ và hoa ra ngoài khu vườn của mình. Cây: chặt hết. Hoa: bứng hết. Cỏ: nhổ sạch hết. Tất cả những gì thường được người đời xem là đẹp và là thơ mộng: bỏ hết. Không thương tiếc. Chỉ giữ lại những gì thô nhất, cứng nhất, đơn giản nhất, trần trụi nhất: đá và cát. Tôi đoán: những kẻ sáng tạo quyết liệt ấy thế nào cũng bị xã hội chung quanh chê bai và nguyên rủa dữ dội. Vậy mà, cuối cùng, hai loại chất liệu vốn thường bị xem lại phi thẩm mỹ ấy, người ta tạo thành những khu vườn đẹp. Tuyệt đẹp.

Hơn nữa, chính loại vườn ấy là đặc trưng của văn hoá Nhật Bản.

Thành một trong những bản sắc và niềm tự hào lớn của Nhật Bản.

Ở nước Nhật vốn có nhiều sự cực đoan. Cực đoan từ cái ăn, cái uống, cái mặc... đến cái chết. Ở đâu cũng có những nguyên tắc và những "lễ nghi" nhất định. Ở đâu cũng gắn liền với một triết lý và một thái độ muốn đi đến tận cùng một cái gì đó. Tôi đặc biệt yêu thích sự cực đoan của người đầu tiên nảy ra sáng kiến biến đá và cát thành cái đẹp. Những sự cực đoan đầy thi tính. Tôi ngờ là nếu không có những sự cực đoan như thế, người ta sẽ không bao giờ tạo ra được một bản sắc gì cho thật độc đáo.

Người Việt mình hay lên án những kẻ cách tân trong văn học và nghệ thuật là cực đoan. Riêng tôi, tôi tiếc là trong cả lịch sử Việt Nam, chưa có ai cực đoan đến độ đòi loại trừ cây, cỏ và hoa (hay tất cả những thứ gì được xem là đẹp hay đẽm đẹp tương tự) ra khỏi khu vườn (hay bất cứ công trình nghệ thuật nào, như *thơ* hay *văn*, chẳng hạn) của mình như vậy.



## Thơ và nhà thơ

Nhà thơ? Tôi nghĩ đến những người chuyên *lửa* và *những kẻ trồng hoa*.

Lửa để giữ gìn sự sống. Hoa để làm cho cuộc sống trở thành dịu dàng và có ý nghĩa.

Nhà thơ chuyên lửa là người đứng giữa đại lộ, dẫn đầu đám đông, dựng lên những con đường lửa cao ngất trời. Nhà thơ trồng hoa, khiêm tốn hơn, họ thường ngồi bên vệ đường, cặm cụi và lặng lẽ làm việc. Đường phố có xôn xao, có tấp nập, có "*dập dìu tài tử giai nhân*", có "*ngựa xe như nước, áo quần như nêm*" thì cũng mặc. Họ cứ âm thầm vun xới từng gốc cây, tỉa tót từng chiếc lá, thúc giục cái vô tri nở "*nụ nhiệm mầu*", thúc giục cái vô ngôn cất lên "*lời ca thiên thâu*" như Quách Thoại nói, để làm dịu bớt cái oi ả của mặt trời, để làm thấm lại cái khô cằn của mặt đất và để cho những người vốn gù lưng bầm sinh đang lầm lũi bước đi với cái bóng chênh chéch của mình giữa lòng đường kia có thể thấy được, sự kết tinh của hương và sắc.

Không nên đánh giá cao người này hơn người khác và cũng không nên phủ nhận người này để đề cao người kia. Trong một giàn nhạc vừa có dương cầm dịu dàng, vĩ cầm réo rắt lại vừa có cả tiếng trống inh ỏi. Trong ngôn ngữ vừa có vần bằng lại vừa có vần trắc. Thơ là lửa. Nhưng thơ cũng còn là phảng phát hương. Hai nhà thơ được coi là lớn nhất trong nền văn học cổ điển Việt Nam, Nguyễn Trãi và Nguyễn Du, một người chuyên lửa và một người trồng hoa. Ngay trong thơ Nguyễn Trãi, chất hoa vẫn khá nhiều. Nhà thơ viết nên những câu dữ dội:

*Đánh một trận, sạch không kình ngạc*  
*Đánh hai trận, tan tác chim muông*  
*Nổi gió to quét sạch lá khô*  
*Thông tỏ kiến phá toang đê vỡ...*

cũng lại là người làm thơ tình đầu tiên trong lịch sử văn học viết Việt Nam:

*Loàn đơn ướm hỏi khách lầu hồng*  
*Đâm ám thì thương kẻ lạnh lòng*  
*Ngoài ấy dù còn áo lễ*  
*Cả lòng mượn đắp lấy hơi cùng.*

Ai nữ vì áng thiên cổ hùng văn kia mà hò hững với những bài thơ trữ tình ngan ngát hương hoa nọ? Lịch sử công bằng: cái con người rất ư thiếu lửa có cái tên Nguyễn Du vẫn cứ sống mãi, lấp lánh mãi trong lòng mọi người với một nhánh hoa đậm đầy nước mắt: Kiều.

Nghĩ cho cùng, những người trồng hoa đã giúp cho những người chuyên lửa thành công: nếu con người không nhận biết và không yêu mến cái đẹp, họ cũng chẳng thiết tha gì mà bảo vệ sự sống. Phải không?

Thế nhưng người đời vẫn luôn luôn vô tâm. Ít ai nhớ mình mắc nợ những người trồng hoa nhiều lắm. Mỗi nhịp thở bất thường, mỗi nhịp tim đập bất thường của họ, một cách trực tiếp hay gián tiếp, đều đến từ những người trồng hoa kia. Đâu phải tự nhiên mà người ta có thể thấy được trong tà áo phơ phất của người mình yêu có "*hai phần có gió thổi, một phần mây*", trong ánh mắt người mình yêu có "*một dòng sông*", trong làn môi ươn ướt mọng của người mình yêu có "*vài chút trắng*", trong nét mi người yêu có cái gì vừa thanh tao vừa sắc sảo của một lá liễu. Tôi ngờ là trước khi có nhà thơ, nhìn khói sóng trên sông chiều hiu quạnh, chưa chắc loài người đã tự dừng nhớ đến cổ hương, nghĩ đến cái "*du du*" của trời đất, chưa chắc có ai đã



"độc sảng nhiên nhi thế hạ". Tôi không muốn cường điệu, nhưng tôi tin là, nhân loại chỉ thực sự có tâm hồn từ khi nhân loại bắt đầu xuất hiện những nhà thơ, nghĩa là những người trồng hoa.

Rừng núi thác ngôn tâm sự của mình vào tiếng suối. Mặt trời thác ngôn tâm sự của mình vào tiếng chim. Loài người thác ngôn tâm sự của mình vào những bài thơ. Cả rừng núi, cả mặt trời, cả loài người đều ít khi nhớ và nhận sự thật hiển nhiên ấy. Rừng núi vẫn luôn luôn khua động lá cây để át lời thầm thì của suối. Mặt trời vẫn luôn luôn nung thêm độ nóng để làm nghẹn lời chim ca. Và loài người vẫn luôn luôn gia tăng cường độ những tạp âm để làm chìm xuống những tiếng nói trong trẻo, nên thơ nhất của con người. Cho nên dù nhà thơ có lý sự:

*...Nhưng nếu chẳng thơ Đường  
Nếu không màu tranh Tống  
Không huyền ảo chiêm bao  
Chắc gì trong cuộc sống  
Liều đã mang thơ vào  
Chắc gì mắt em như lá liễu  
Đã cắt lòng anh một nét dao  
(Tế Hanh)*

thì thế giới của nhà thơ vẫn mãi mãi là thế giới của những người trồng hoa bên vệ đường. Bên này hay bên kia vệ đường. Không bao giờ là giữa. Hình như không có ai viết nhiều và viết hay về số phận bên vệ đường của các nhà thơ cho bằng Trần Huyền Trân:

*Bóng đơn đi giữa kinh thành  
Nhìn duyên thiên hạ nghe tình người ta*

Một bức tranh buồn: không những có sự cô đơn mà còn có cả một dáng dấp lủi thủi. Không những có một dáng dấp lủi thủi mà còn có một tâm trạng bẽ bàng và xót xa. Tất cả những gì ngọt ngào và ấm áp nhất, với nhà thơ, đều là xa vắng, họ chỉ được "nhìn", được "nghe", mà không bao giờ được sống cùng, được chia sẻ với. Có lúc Trần Huyền Trân hình dung cái khung cảnh "vệ đường" ấy như một cái quan tài chật và tối:

*Đâu đó lâu đài bỏ nhện giăng  
Mà đây buồng xếp hẹp như sàng  
Giường ken chiếu nổi xoay ngang dọc  
Xương gối vào xương chẳng đủ nằm.*

Ở đó, từng ngày từng ngày là một mòn mỏi, một phôi pha  
:

*Sớm đón nước sông, chiều gạo chợ  
Giải lòng cho bụi gột mùi hương.*

Bên cạnh sự khôn quẩn, đau đớn hơn, còn có sự bế tắc:

*Lũ ta kẻ sĩ nằm trong đạo  
Nhân nghĩa kẻ đầu nghe gió mưa  
Xót cõi đời nghèo hương chẳng đậu  
Mỏi mòn chính khí lạc loài thơ.*

Thâm Tâm, người bạn thân nhất của Trần Huyền Trân có lúc le lói hy vọng:

*Rằng: đương gió bụi thì tôi tả  
Thiên hạ phải dùng thơ chúng ta.*

Nhưng rồi hy vọng vụt tắt ngay

*Thơ ngâm dở giọng, thời chưa thuận  
Tan tiệc quần anh, người nuốt giận  
Chim nhận chim hồng rét mướt bay  
Vuốt cọp, chân voi còn lặn đận.*

Cũng bình thường thôi, ông Thâm Tâm ạ. Lẽ nào ông lại không nhớ đến Nguyễn Du, tài hoa ngàn lần hơn ông. Nguyễn Du cao ngất đại thụ giữa rừng thi ca bạt ngàn của dân tộc, Nguyễn Du kết tinh muối mặn cả đại dương mệnh mông đầu khổ của nhân loại, Nguyễn Du kẻ sáng thế Truyện Kiều, cái ông Nguyễn Du ấy có lúc đã từng cay đắng nghĩ:

*Nhất sinh từ phú tri vô ích  
Mãn giá cầm thi đồ tự ngu  
(Một đời chuyên về từ phú biết là vô ích,  
Sách, đàn đầy giá chỉ tự mình làm ngu mình)*

Rồi Cao Bá Quát nữa. Cao Bá Quát, người đã từng chê bọn "tao nhân mặc khách" vương giả ở kinh đô hồi ấy là... thói hình mũi nước mắm, kẻ được người thời đánh giá thế đứng uy nghi chẳng kém gì những tên tuổi kiệt kiệt nhất đời Hán, đời Đường bên Trung Hoa, người được coi là "thánh", "thánh Quát", cũng từng có nỗi băn khoăn rất mực ngậm ngùi:

*Thử thân hà sự tác thi ông?  
(Tại sao có lúc mình là nhà thơ nhỉ?)*

Nhà thơ, nhớ lại coi, có mấy khi không lặn đận? Cái câu nói "Thiên hạ phải dùng thơ chúng ta" đúng là một ảo tưởng khờ khạo. Người đời, từ xưa đến nay, bao giờ cũng thích phèng la chấp choã hơn thơ ca. Ngay Đào Tiềm, nhà thơ kiệt xuất thời Lục Triều bên Trung Hoa mà còn khốn khó đến nỗi có lúc phải làm thơ gửi bạn để xin ăn (Nguyễn Khuyến rất thấm thía kinh nghiệm này: "Cổ nhân khát thực dĩ thành thi".) Cùng thế hệ với Trần Huyền Trân và Thâm Tâm có Bích Khê, người từng tự hào:

*Văn chương quán thế nào ai biết  
Trong mộng mình về thưởng với tôi*

Một hôm cao hứng, Bích Khê làm bài hát nói để rao bán thơ:

*Hôm xưa tớ đã bán sầu  
Món hàng khá đắt, khách cầu khách mua  
Còn món thi vẫn của chua  
Khách nào có thích, tớ cũng đùa làm quen  
Sầu đã bán thời thơ cùng bán nốt  
Mối thi sầu không cọt lại làm chi...*

Ít lâu sau, trên báo *Tiếng Dân*, có người đáp lại Bích Khê:

*Nực cười cho bác Bích Khê*

*Bán sấu bị ế trở về bán thi  
Tưởng rằng bác bán hàng chi  
Hàng thơ đây tởm hiếm gì mà mua...*

Người ta thường kể, Lê Ngô Cát, sau khi soạn xong quyển *Đại Nam quốc sử diễn ca* liền dâng cho Tự Đức xem. Không biết Tự Đức khen và thưởng thế nào mà ông thuật lại với bạn bè bằng hai câu thơ:

*Vua khen thẳng Cát có tài  
Ban cho cái khổ với hai đồng tiền.*

Rất Tú Xương, hai câu thơ ấy. Nghe như khúc khặc cười mà thật ra là đau đến điếng cả lòng. Có được khen thì cũng vẫn là "thẳng", một đũa đóng đờ ở những vệ đường, ở ngoài lề mọi sự giàu sang và hạnh phúc của nhân loại. Chả trách gì Nguyễn Vỹ phẫn quá phải văng ra tiếng chửi thề

:

*Mẹ cha cái kiếp làm thi sĩ  
Chơi nước cờ cao gặp vận bĩ*

Chả trách gì Xuân Diệu phải rứt vai lại và cúi gầm mặt xuống

:

*Giữa đời, anh rán giấu tên đi  
Thi sĩ, thưa cô có quý gì!*

Dù vậy, mặc dù vậy, những nhà thơ chân chính vẫn cứ yêu thơ:

*Tôi là gã đi đường đêm giá lạnh  
Không mong gì hơn kêu gọi lòng thơ  
(Hàn Mặc Tử)*

Vẫn thèm thường được làm thơ:

*Ngã mình trên bóng nhung tơ  
Tôi nguyện: sau lớn làm thơ suốt đời.  
(Hồ Dzếnh)*

Hàn Mặc Tử xem cái "vệ đường" của mình là một thế giới tuyệt vời:

*Quê hương thơ đậm thắm biết đường nao  
Đây là vườn nên hoa lá xông xao.*

Trong thế giới ấy, nhà thơ là hoàng tử:

*Ta trở nên như ngọc đàn kim mã  
Rất hào hoa, rất phong vận: Người Thơ.*

Ở đó, nhà thơ được nghe thủ thi bên tai những lời tỏ tình ngọt ngào:

*Em mê quá thi nhân Hàn Mặc Tử*

Những cơn bệnh hiểm nghèo, những số phận tàn khốc, những sự thật phũ phàng "*thịt da tôi sượng sần và tê đống / tôi đau vì rừng rợn đến vô biên*" tưởng như biến mất. Chỉ còn mộng:

*A ha! Ta vốn người trong mộng  
Hư thực như là một ý thơ.*

Lưu Trọng Lư cũng có hai câu tương tự:

*Thơ ta cũng giống tình nàng vậy  
Mộng, mộng mà thôi, mộng hão hờ.*

Đừng ai vội chê thi sĩ cứ mãi đắm đuối trong mộng. Không có mộng, cuộc đời này sẽ ra sao? Yêu trăng, hãy nhớ ơn những làn sương khói bồng bềnh chung quanh ánh trăng: chính chúng làm cho ánh trăng trở thành mơ màng, hư ảo và trở thành kho tàng chất chứa bao nhiêu là mộng ảo. Yêu "*tịch dương vô hạn hảo*" như Lý Thương Ẩn, hãy nhớ ơn những làn mây lang thang cô quạnh ở chân trời: chính chúng làm cho hoàng hôn trở thành rực rỡ, lấp lánh ngũ sắc. Có người ngại nhà thơ mãi đắm đuối trong mộng sẽ quên mất cái thực trần trụi của cuộc đời. Thật chẳng? Thật, với những giấc mộng con. Phạm Đình Hồ, tác giả Mai đình mộng ký viết một câu cực hay: "*Chỉ có người đại giác mới đại mộng.*"

Mộng là khói: khói bốc lên từ mặt đất. Chỉ có sông dài và biển rộng mới tạo được những làn mây mênh mang. Mộng không phải là đứa con riêng của mặt trăng. Mộng là đứa con chung của mặt trăng và quả đất. Như là thủy triều. Cuộc đời ra lệnh cho nhà thơ: không được hờ hững với con người. Nghệ thuật ra lệnh cho nhà thơ: không được quyền viết dở. Mâu thuẫn? Không. Thơ là tâm huyết. Không thể có thơ hay nếu tâm hồn không tủa ra hàng triệu nhánh rễ cắm chặt vào đời. Không thể tạo nên sự đồng cảm sâu sắc giữa đồng loại nếu mình chỉ là mình, là cái tháp lẻ loi. Lục Du, nhà thơ lớn đời Tống, trả lời cho đứa con ham làm thơ của mình:

*Nhữ quả dục học thi  
Công phu tại thi ngoại  
(Nếu mà quả muốn học làm thơ,  
Nên nhớ: công phu ở ngoài thơ)*

Một kinh nghiệm lớn. Thơ không là chữ. Chỉ mãi mê traу chuốt chữ, may lắm, người ta tạo được *những hòn non bộ giả núi vụng về*. Sóng không là bọt nước. Ao tù không có sóng. Hồ con không có sóng. Sông nhỏ không có sóng. Phải là biển cả mới nổi sóng dạt dào. Tâm hồn có mênh mông như trời đất, thơ mới là gió nổi xôn xao. Đề tựa *Mai Nham thi tập*, Trần Bích San viết: "*Cái khó của việc học làm thơ là trong bụng phải làu thông trăm vạn kinh sách, dưới mắt phải nhìn ngắm mấy vạn núi non tươi đẹp, trên đời phải lịch duyệt mấy trăm vạn nhân vật cổ kim, trong cõi phải từng trải mấy trăm vạn sự biến, rồi sau mới hiểu mới thấu, lòng mới xa, chí mới cao, khí mới mạnh và lời thơ từ đó toát ra mới tuyệt diệu*". Tất cả những nhà thơ lớn đều là những nhà nhân bản lớn. Để làm nở ra giấc mộng đẹp, nhà thơ phải trần trụi giữa hàng nghìn cơn đau rất thực. Phạm Hầu thời tiền chiến có hai câu thơ rất tươi da thấm thịt:

*Nếu tôi đau, trời đẹp, nếu tôi đau  
Mà muôn đời mưa nắng hiểu lòng nhau.*

Thật cao cả, tấm lòng của những kẻ trồng hoa. Họ chấp nhận mọi thương đau để bầu trời cao hơn, xanh hơn, biêng biếc đẹp, để cho mưa nắng không còn vô tình nữa và để cho loài người giao cảm được với nhau. Cái giá phải trả cho những người tự nguyện làm sương khói trang

điểm cho trăng, làm mây giăng trang điểm cho mặt trời: sự bất hạnh. Cũng của Phạm Hài, bốn câu thơ nao nao này:

*Thuở nhỏ tôi nằm mơ thấy bướm  
Giờ không mơ bướm lại mơ thơ  
Đời tôi nếu rụng bao nhiêu sắc  
Cũng bởi vì tôi quá mộng hồ.*

Họ sẽ được gì, những nhà thơ ấy, những kẻ trồng hoa kia? Hàn Mặc Tử trả lời không chừng hay hơn ai hết:

*Hương mền yêu là lộc của lời thơ*

Lần này, Hàn Mặc Tử không nằm mộng: ông nói đúng và thật. Tôi nhớ đến mấy câu thơ của Mai Đình viết cho Hàn Mặc Tử:

*Còn anh, em đã gặp anh đâu  
Chỉ cảm vẫn thơ có những câu  
Âu yếm say sưa đầy mộng đẹp  
Xui lòng tơ tưởng suốt đêm thâu*

Tôi đã xúc động đến ngẩn ngơ khi có người kể, Hoàng Cúc, một trong những tình nhân thoáng qua của Hàn Mặc Tử, sau đó, đã không bao giờ lấy chồng. Bà đi tu. Vừa tụng kinh vừa ngâm nga tập Nắng xuân của Hàn Mặc Tử trong đó có bài Đây thôn Vĩ Dạ với những câu óng ả "Ở đây sương khói mờ nhân ảnh / Ai biết tình ai có mặn mà" Hàn Mặc Tử đã viết để tặng riêng cho bà. Nếu lời đồn ấy đúng và nếu Hàn Mặc Tử biết được, hắt vong linh của ông bên kia thế giới sẽ đỡ hiu hắt buồn và sẽ thấy câu thơ của mình ngày nào sao quá đối tiên tri:

*Hương mền yêu là lộc của lời thơ*

Tôi sẽ xuyên tạc và hạ thấp Hàn Mặc Tử một cách ngu ngốc nếu chỉ giải thích khái niệm "hương mền yêu" trong phạm vi thuần túy trai gái. Sự thực nội dung "hương mền yêu" rộng hơn nhiều. Đó là sự đồng cảm giữa con người với nhau nói chung. Đó là mối "tương liên" giữa thế hệ này với thế hệ khác, giữa thế kỷ này với thế kỷ khác. Đó là những giọt nước mắt con người ứa ra qua những "tam bách dư niên hậu". Lại nhớ đến Nguyễn Du. Nguyễn Du viết về Đỗ Phủ:

*Dị đại tương liên không sái lệ  
(Khác thời đại thương nhau ứa nước mắt)*

Đỗ Phủ sinh năm 712 và mất năm 770 ở Trung Hoa. Nguyễn Du sinh năm 1766 và mất năm 1820 ở Việt Nam. Tính theo năm sinh, Nguyễn Du ra đời muộn hơn Đỗ Phủ 1.054 năm. Thế nhưng hai người gần nhau biết mấy. Đêm đêm hồn Nguyễn Du vẫn nằm mộng trong những vần thơ Đỗ Phủ (*Mộng hồn dạ nhập Thiếu Lăng thi*). Bao nhiêu khoảng cách bỗng bị xoá nhoà. "*Cách hàng ngàn năm gặp gỡ, tâm sự vẫn giống nhau*" (*Thiên cổ tương phùng lưỡng bất vi*). Nguyễn Du còn là tác giả của hai câu thơ rất thơ này:

*Tưởng rằng nói để mà chơi  
Song le lại động lòng người lắm thay.*

## Sáng tạo trong thơ

Hoàng Đình Kiên, nhà thơ Trung Quốc, đời Tống, viết một cách chí lý: "*Thi nhân tối kỳ tuỳ nhân hậu*" (Điều kỳ nhất đối với nhà thơ là bắt chước người khác). Trong thơ và trong nghệ thuật nói chung, cách đánh giá không giống với những lãnh vực khác trong đời sống hàng ngày. Trong đời sống hàng ngày, *giữa một vườn hoa, đoá hoa thứ nhất: đẹp, đoá hoa thứ hai: đẹp, đoá hoa thứ ba: đẹp... có thể đến đoá hoa thứ một ngàn: vẫn đẹp*. Trong thơ, ngược lại. Chỉ có đoá hoa thứ nhất là đẹp. Từ đoá hoa thứ hai trở đi, dẫu cũng hình hài ấy, hương sắc ấy, chúng lại trở thành nhạt nhẽo, tẻ ngắt. Thơ là sáng tạo. Một bài thơ hay là một thế giới tinh khôi vừa được thành hình. Lặp lại người khác cho dù với bất cứ động cơ nào hay với mục đích cao cả đến mấy, người ta cũng chỉ làm một công việc vô ích là ném vào nghĩa trang thơ thêm một cái chết mới: cái nghĩa trang ấy đã chôn vùi hàng tỉ bài thơ dở.

## Nhà thơ

*Nhà thơ là người sáng tạo ư?*

Không, tôi ngờ lắm. Từ xưa đến nay, nhà thơ có mang lại điều gì mới mẻ đâu. Hẳn là người, bằng sự nhạy bén riêng của mình, phát hiện sâu sắc hơn ai hết những chất thơ đã vốn có, đã bàng bạc, ẩn tàng, giấu khuất đâu đó trong vũ trụ, ở thiên nhiên, ở cuộc đời, ở lòng người. Gió vẫn có đấy chứ, quen thuộc lắm mà, từ bao nhiêu đời rồi, nhưng phải đợi đến lúc nhà thơ ra đời, nghiêng mình làm lá, gió mới cất thành tiếng reo. Trăng vẫn có đấy chứ, từ xưa, trên cao, nhưng phải đợi đến lúc nhà thơ xuất hiện, lặng mình làm một mặt nước hồ im, trăng mới lại hiện về, long lanh hơn, huyền ảo hơn, ngay trên mặt đất, rất vừa tầm nhìn. Nhà thơ có sáng tạo được gì đâu? Hẳn chỉ là lá reo để đón gió, là hồ im để đón trăng, là cỏ ngửa mặt để chờ sương. Hẳn nắm bắt và giữ lại cho đời những chất thơ kín đáo nhất, mong manh nhất, thoáng qua nhất.

Ừ, mà nói cho ngay, nhà thơ cũng có sáng tạo đấy chứ. Nhưng ít thôi. Chỉ một điều: tạo ra linh hồn cho vạn vật, cái mà Thượng đế quên lúc tạo ra vũ trụ. Nhờ nhà thơ, gió trở thành hữu hình, trăng trở thành gần gũi, sương khói trở thành ấm áp. Có phải khói sóng xưa kia chỉ là người tình của sông của biển? Khi nhà thơ ra đời, khói sóng tự nhiên hoá thân thành một nỗi niềm: "*Yên ba giang thượng sử nhân sầu*"; "*Lòng quê dờn dợn vời con nước*". Có phải hiện tượng nắng ngả màu, mây trôi chậm và gió bỗng ngưng hiu hiu xưa kia chỉ là hiện tượng của tự nhiên? Khi nhà thơ ra đời, lạ lùng chưa, tất cả trở thành tín hiệu của tình yêu, đều nói lên cái nao nao, cái băng khuâng của kẻ lần đầu đứng ngẩn trông vời áo tiểu thư. Có phải vàng trăng xanh xao trên kia ngày trước chỉ hờ hững đi ngang qua mặt đất mỗi tháng mấy lần? Khi nhà thơ ra đời, trăng hết lạnh lẽo. Trăng thành tình nhân. Trăng thành nỗi nhớ. Từ nỗi nhớ của những người yêu nhau nhưng phải xa nhau "*vàng trăng ai xẻ làm đôi*" đến nỗi nhớ day dứt cồn cào của những kẻ lưu cư nơi đất khách không nguôi một niềm ước mơ vô hạn được trở về:

*Cử đầu vọng minh nguyệt*

*Đề đầu tư cố hương*

*(Lý Bạch)*

Mặc dù ngay từ đầu truyện, Nguyễn Du đã giới thiệu Kiều là một người hay thơ, nhưng tôi tin Kiều chỉ thực sự làm thơ hay sau buổi đi tảo mộ về. Nghĩ lại coi, có lạ không, khung cảnh lúc Kiều đi với lúc Kiều về khác nhau biết mấy. Cũng là thiên nhiên ấy, nhưng lúc đi, thiên nhiên chỉ là thiên nhiên; lúc về, thiên nhiên đã vương rất nhiều tâm tư của con người. Dòng nước tự nhiên "*trong veo*", nhịp cầu không chỉ "*nhỏ nhỏ*" mà còn có "*tơ liễu*", có "*bóng chiều thướt tha*".



Thiên nhiên không còn vô tình nữa. Thiên nhiên bị lây cái băng khuâng của Kiều sau lần gặp gỡ Kim Trọng. Thiên nhiên cũng trở thành băng khuâng. Kiều trở thành nhà thơ.

Chỉ trở thành nhà thơ khi người ta đã phá vỡ cảm giác đồng nhất giữa mình với ngoại cảnh để khám phá ra, trong sự phân thân kia, xuất hiện một sự đồng cảm sâu sắc. Làm thơ là dựng lên mối tương quan thân tình giữa con người và không gian chung quanh. Để con người bớt đi cái cảm giác lẻ loi giữa cái bao la vô tận của trời đất như Trần Tử Ngang ngày trước, "*Niệm thiên địa chi du du / Độc sáng nhiên nhi thế hạ*". Để không còn xa xôi, vô tình nữa, trước con người, một cảnh hoa, một áng mây, một vì sao. Để con người và vạn vật có khả năng đồng cảm với nhau hơn, chia sẻ với nhau những nỗi niềm cô đơn của mình:

*Không gian dày đặc toàn trắng cả  
Tôi cũng trắng và nàng cũng trắng  
(Hàn Mặc Tử)*

hay:

*Trời hiền khép một vòng thân  
Trông cao xa ấy mà gần tâm tư.  
(Cung Trầm Tưởng)*

Nhà thơ không chỉ làm cho con người bớt khắc khoải trong cô đơn. Nhà thơ còn làm cho tâm hồn nhân loại giao có, rộng rãi mệnh mông gáp bội. Trước khi nhà thơ ra đời, trái đất này có lẽ đã quá cũ. Cứ thế, cứ thế lặp lại hoài những vòng quay. Cứ thế, cứ thế phô bày vẫn bấy nhiêu cảnh trí. Như từ ngàn xưa. Với sự xuất hiện của nhà thơ, núi non sông biển lại hiện ra những bức tranh mới, luôn luôn biến hoá và đẹp để vô ngần (Hải sơn vị ngã xuất tân đồ - Nguyễn Trãi). Nguyễn Trãi đã không từng tự hào về sự giàu có của thi nhân đó sao?

*Nhãn để nhất thì thi liệu phu  
Ngâm ông thuỳ dữ thế nhân đa?  
(Một thoáng chất thơ đầy cả mắt  
Người đời dễ sánh khách thơ a?)*

Trước khi nhà thơ ra đời, có lẽ loài người đã biết yêu nhau. Adam và Eva đã biết yêu nhau. Và chỉ biết yêu nhau. Với sự xuất hiện của nhà thơ, trong tâm hồn con người, không còn lẻ loi một người tình đang ngủ, mà còn, hằng hà chung quanh, bao nhiêu chất thơ từ trời đất hiện về, điểm tô. Trên chân dung người tình, không chỉ có đôi mắt, dù đôi mắt vô hạn đẹp. Mà còn có dòng sông "*Mắt em là một dòng sông. Thuyền anh bơi lội trong dòng mắt em*" (Lưu Trọng Lư). Rồi còn có gió có mây nữa. "*Có phải em mang trong áo bay / Hai phần gió thổi, một phần mây / Hay là em gói mây trong áo / Rồi thả cho làn áo trắng bay?*" (Nguyễn Sa). Đứng trước người yêu, mình không chỉ là mình, mình còn có thể là hoa cỏ may: "*Hồn anh như hoa cỏ may / Một chiều cả gió bám đầy áo em*" (Nguyễn Bính).

Chao ôi, trước khi nhà thơ ra đời, có lẽ tâm hồn con người hạn hẹp lắm. Có khi chỉ là một chiếc gương soi. Soi bản thân mình. Có khi chỉ là một bàn thờ. Thờ thần linh. Thờ người tình. Với nhà thơ, diện tích tâm hồn con người mở ra, thênh thang vô cùng vô tận. Những cành cây héo úa đầu đó dưới mắt thờ ơ của những kẻ chỉ biết cúi đi lầm lũi, nhờ nhà thơ, bỗng lại xanh tươi và nở hoa trong hồn người. Những làn hương dịu nhẹ dễ bị gió xua tan, nhờ nhà thơ, cứ đọng lại, mãi mãi vấn vương trong từng nhịp thở của con người. Những triều sóng vỗ của biển để bị chìm hút trong lãng quên, nhờ nhà thơ, cứ đọng lại hoài hoài một dư âm.

Và, còn nữa. Nhờ nhà thơ, con người nhìn rõ hơn diện mạo tâm hồn mình. Xưa, tâm hồn thăm thẳm mà u uẩn quá. Nó là cõi đêm. Nó là giông tố sấm chớp dữ dội nhưng cũng mù mịt vô cùng. Nhà thơ là kẻ lặn sâu hơn ai hết vào cái vùng bất an và vô định ấy. Nhà thơ có thể tả trăng, tả gió, tả mây, tả hoa... nhưng nghĩ cho cùng, qua đó nhà thơ nói lên tâm tư của con người. Trăng, gió, mây, hoa... chỉ là những cái có. Mục đích của nhà thơ không phải là tả cảnh mà là biểu hiện. Chỉ có trong thơ dở, cảnh mới là cảnh. Trong tất cả những bài thơ hay, cảnh là tâm tư, cảnh là người. Như Xuân Diệu từng viết: "*Hồn ơi, phong cảnh cũng là người*".

Thơ không xuất phát từ nhu cầu ghi lại mà từ nhu cầu nói lên. Thơ không nảy lên theo một vàng trắng mọc mà theo một cảm xúc mới nhú. Ừ, mà hình như, thường người ta bắt đầu làm thơ hay mê thơ lúc bắt đầu thấy xôn xao trong lòng một tình yêu chớm nở. "Yêu nàng, bao nhiêu người làm thơ", Nguyễn Nhược Pháp nói thế... Phần lớn con người đi vào cõi thơ vì một ánh mắt một nụ cười hơn là một "*tịch dương vô hạn hảo*". Có phải không, khi các cô các cậu học trò, đến tuổi nào đó, vào lớp, biết vuốt lại mái tóc mình, biết hãm lại tiếng cười cho vừa đủ độ giòn cũng là lúc xuất hiện trong các cặp sách của họ, quyển vở nắn nót chép thơ? Nhu cầu làm thơ khởi từ chỗ chấm hết, trong tâm hồn, cái yên ả của tuổi thơ. Làm thơ trở thành một cách tỏ tình. Đọc thơ trở thành một cách tìm kiếm cảm thông. Trong hàng vạn, hàng chục vạn người biết yêu và vì biết yêu mà biết làm thơ ấy, cuối cùng, có lẽ chỉ có một hai người là trở thành nhà thơ thực sự: đó là những kẻ có đôi mắt tinh, đôi tai thính nhất có thể phát hiện ra từng tế bào đang đổi mới trong hồn mình.

Nhiều người, ở đời, chỉ có một mùa hoa. Cái rạo rức chỉ đến một lần rồi xa hẳn. Tôi luôn luôn đón nhận tin một nhà thơ nào đó chết đi với tất cả sự ngỡ ngàng, hoang mang. Bởi nhà thơ như một kẻ không có tuổi. Cứ giữ lại hoài trong lòng những phiến lá mới để sẵn sàng reo lên xôn xao ngay trước những cơn gió khê khàng.

Mọi người tìm kiếm trong thơ những tiếng nói chưa thành của mình. Mà đời đâu phải chỉ có những rạo rức của tình yêu. Mọi nàng Kiều rồi sẽ bị xô bật ra khỏi lầu khuê có trướng rủ màn che. Mọi người, kẻ sớm người muộn, đều bị đẩy ra biển. Biển trầm luân. Để giờ thân đón sóng. Sóng đau thương. Nhà thơ, khác với mọi người, là kẻ làm cho sóng dội lên thành dư vang ngân mãi. Làm thơ là một cách tạo âm cho biển. Đoạn trường tân thanh là tiếng biển gào. Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm khúc... cũng là những tiếng biển gào. Ngay cả những câu thơ hết sức băng quơ "*Em không nghe mùa thu*" cũng là một thứ tiếng biển. Biển đang lặng sóng. Thầm thì. Tất cả những bài thơ hay đều vang vọng âm thanh của biển. Phải không? Thơ đâu phải là tiếng đập riêng của trái tim. Thơ còn là, phải là tiếng dội của lòng người trước dư ba của sóng. Bởi vì là tiếng dội của sóng nên thơ không là tâm sự thuần túy khép kín của một cá nhân. Thơ mở ra, gọi ra man mác những nỗi niềm tâm sự chung. Thơ là một cảm xúc đi tìm một đồng cảm. Thơ là tiếng nói một người nhân danh tất cả mọi người trong hoàn cảnh ấy, số phận ấy. Nhà thơ chỉ độc quyền được cho mình một cánh cửa. Sau cánh cửa kia là cửa mọi người. Trên núi Kính Đình ngày xưa chỉ một mình Lý Bạch ngồi buồn hiu hắt ngắm mây bay chim bay nhưng còn nỗi cô đơn của ông, nỗi cô đơn ấy là của chung của nhân loại. Cả ngàn năm nay, mỗi khi con người lẻ loi trước thiên nhiên thì chợt nhớ lại, đọc lại "*Chúng điểu cao phi tận / Cô vân độc khứ nhàn / Tương khan lưỡng bất yếm / Duy hữu Kính Đình san*". Ngỡ như nỗi cô đơn và niềm băng khuâng ấy là của riêng mình.

Thơ xoá đi cái không gian trống giữa người với người. Để giậu mồng tơ xanh rờn không là nỗi phân ly. Để tam tứ núi, thập bát đèo không là điều cách biệt. Thơ cũng xoá đi cái không gian chết giữa đời này với đời khác. Để những giọt lệ của Kiều ngày xưa còn cay cay trong mắt người bây giờ. Để nhân loại hôm nay còn thấy bàng hoàng trước tiếng thét dài làm lạnh cả hư không của thiên sư Không Lộ một ngàn năm xa xưa.



Giữa biển sóng trùng trùng, con người, với thơ, quờ quạng tìm đến với nhau. Chia cho nhau một chút lửa. Chia cho nhau một làn hương hoa. Thơ là hoa của mặt đất đầy bất an. Đừng có ai phong thánh cho mình lúc cầm bút làm thơ, nhé? Lý thuyết thật nhiều, nhưng sự thực lại rất đơn giản. Nhà thơ ơi, hãy làm thơ để loài người tìm thấy một nỗi niềm chung hầu gần lại với nhau hơn; để cho mỗi người tự thấy tâm hồn mình rộng lớn và đẹp đẽ hơn vô ngần những chén cơm, những manh áo, những thân thể ngọc ngà; để những ai trong các căn phòng khoá chặt kia biết nao lòng trước những luồng sóng vỗ làm quặn đau những nàng Kiều bất hạnh. Và những ai, chiều nay, bước ra khỏi nhà, nhìn lên bầu trời thăm thẳm xanh biếc trên cao mà tự dưng cảm thấy trong lòng mình có chút xôn xao, băng khuâng mơ hồ, thì xin hãy nhớ đến nhà thơ.

Những ai, đêm nay, sau cơn vật vờ giữa cuộc trầm luân, trở về nhà, lòng thanh nhẹ, thoáng nhận ra đâu đó có làn hương bưởi, chợt nhớ đêm đã khuya lắm và thấy lòng ấm lại một mùi hoa, thì xin hãy nhớ đến nhà thơ.

Và hãy cảm ơn thơ.

## Thi phong, nhân cách

Xuân Diệu có những câu thơ thế này:

*Một ít nắng, vài ba sương mỏng thắm,  
Mấy cành xanh, năm bảy sắc yêu yêu.  
Thế là xuân. Tôi không hỏi chi nhiều.*

*(Xuân không mùa)*

“Vài ba sương mỏng thắm” là thế nào? Rồi lại còn “năm bảy sắc yêu yêu”, sắc yêu yêu là cái sắc ra làm sao? là cái sắc quái quỷ gì vậy? Đó là một từ ngữ địa phương, một lối nói riêng của vùng quê cha ngoài Hà Tĩnh hay của vùng quê mẹ trong Bình Định chăng? Chắc không phải thế đâu. Nếu “sắc yêu yêu” mà có đến từ một quê hương nào, thì cái quê hương ấy nên mang tên là Lúng Túng, là Quynh Quáng. Đang ngon trốn, đang nói đồn nói đập, thi sĩ cứ phóng bừa tới, không muốn để cho những cân nhắc thận trọng, những trau chuốt tỉ mỉ chận mắt đũa của mình vậy thôi.

Trong cùng một bài thơ ấy, chúng ta còn có thể nhặt được những câu khác, đại khái cùng một lối như thế.

*Xuân ở giữa mùa đông khi nắng hé;  
Giữa mùa hè khi trời biếc sau mưa  
Giữa mùa thu khi gió sáng bay vừa*

hay:

*Bình minh quá, mỗi khi tình lại hứa*

Hồi trước, có kẻ bảo rằng Xuân Diệu chịu ảnh hưởng Pháp, rằng những câu nọ là “Tây” quá. Ôi, Tây nó đâu có ngọng nghịu vậy? Dù sao, Tây hay không Tây, những bài thơ như thế đã làm nên danh tiếng của Xuân Diệu. Nó ra đời năm 1939. Một năm sau khi xuất bản Thơ thơ, vào thời lầy lừng nhất của thi sĩ.

Trong trường hợp khác, Xuân Diệu lại viết:

*Nhưng ta sẽ yêu nhau mãi mãi,  
mãi mãi là trong những phút giây.  
Lâu dài là bóng là mây,  
là môi kỳ ngộ là tay hảo cầu.*

*(Mãi mãi)*

Tại sao vậy? Tại sao phút giây lại là mãi mãi? bóng với mây lại là cái tồn tại lâu dài? Tác giả không giải thích những chuyện tréo ngoe ngược đời ấy, ông cứ nói, cứ tuôn ra liên tiếp những cái kỳ cục, để... thuyết phục! Và ông đã thuyết phục được, không phải nhờ lý luận, mà nhờ sức lôi cuốn của một niềm tin, của một giọng say sưa dồn dập, của một “trạng thái tâm hồn”: thiết tha, sôi nổi, nồng nàn.

Thành thử nhiều lúc hứng chí lên thi sĩ nói vội nói vàng. Chữ xô đẩy chữ, lời chen lấn lời. Cứ thế ông thu hút người, bắt kể từ ngữ ông dùng có chính xác hay không chính xác, lập luận ông đưa ra có chặt chẽ hay không chặt chẽ. Một phong cách, nó quan trọng là thế.

Nhưng làm sao “bắt” được phong cách của một tác giả? Muốn thưởng thức, muốn phân tích, khen chê một cái tài tả cảnh, một lời văn điêu luyện: dễ hơn nhiều. Câu văn nằm chính ình trên trang sách; tha hồ đề nó ra, xem đi xét lại, vạch kẻ từng chữ mà bình mà phê mà giảng mà luận; tha hồ tách bạch từng ý mà hạch hỏi. Còn phong cách, nó phảng phất ở đâu? nó nương mình vào chỗ nào? vào câu nào chữ nào? trong hàng trăm hàng nghìn trang sách?

Biện biệt cho được cái phong cách của một tác giả cũng như của một con người, là cả một rắc rối. Không phải cách nói cầu thả, vội vàng, bộp chộp nào cũng là một biểu lộ của nhiệt tình sôi nổi, không phải cứ tung bừa ra những lầm lỗi vấp vấp thì bỗng dưng có một tâm hồn thiết tha say mê.

Nguyễn Tuân chỉ viết có hai chữ “chao ôi” rồi chấm dứt, rồi sang hàng: thế là tài hoa, là khinh bạc ư? — Ôi! gì chứ hai chữ sang hàng thì có gì khó? Đời nay khối kẻ cứ một chữ sang một hàng, liên tiếp năm lần bảy lượt còn dám nữa là một lần! Một chữ, chấm sang hàng. Một chữ nữa, chấm sang hàng. Cứ ngúc nga ngúc ngắc, cà khục cà khặc. Đời nay thiếu gì kẻ dám làm thế? người ta đâu có ngán những trò đó. Khó khăn gì đâu? Phong cách học giảng thuyết dông dài liệu có chắc giúp người ta phân biệt được cái nhân mặt của Tây Thi với những lối nhăn nhó của các nàng Đông Thi chăng? phân biệt một phong cách đích thực với những bản sao lem nhem chăng?

Biện luận thuyết giảng thì rối rắm, nhưng phong cách là một sự thực. Lấy lương tri ra trực nhận có vẻ giản dị. Bà mẹ của Tôn Quyền không phải là nhà tướng số, thế mà chỉ cần nhìn qua anh chàng Lưu Bị một cái là đủ biết ngay con người đằng hoàng, xứng đáng cho cô gái cứng gỏi thân trọn đời. Lại như cái gã Hồ Ban nọ, đã chấp lệnh quan thái thú Huỳnh Dương đem củi khô chất quanh quán dịch, đã đem cả nghìn quân vây chặt, chỉ còn chờ một ngọn lửa châm là đốt cháy tiêu luôn chị em Quan Công, thế nhưng lỡ tò mò ghé mắt nhìn thử bộ dạng Quan Công ngồi đọc sách dưới đèn có một tí ti mà buột miệng kêu: “Quả thật đúng là người nhà Trời!” rồi cúi lạy, rồi mở cửa ải mời Quan Công vọt thẳng.

Ấy, người có cái cốt cách của người nhà Trời, nhác trông qua là biết, không cần phải thử tài cao thấp, phải theo dõi hành trạng một đời, phải nghe biện giải dông dài. Văn cũng có cái cốt cách của văn: cốt cách văn chương nhà Trời, cốt cách phong nhã, cốt cách sát phạt bạo liệt, cốt cách kiêu my lâm ly... Hợp thì thoáng qua một cái là thấy hợp, là “bắt” được ngay, là “chịu” liền.

\*\*\*

“Chịu” như thế, e có thể bị bắt bẻ. Anh chàng Hồ Ban chịu Quan Công người nhà Trôi, đó là tất nhiên. Bà mẹ Tôn Quyền chịu Lưu Bị, cũng là phải cách. Còn như đọc văn sao lại “chịu” một cái văn phong khinh bạc kiêu kỳ? có phải là nhằm không? có phải là chính trong cái nét na của mình đang có chỗ khiếm khuyết trầm trọng, khiến mình xa lánh kẻ khiêm nhu mà mỗi khi bắt gặp một dáng vẻ cao ngạo lại bất giác hớn hờ tương bưng như thể trâu gặp trâu ngựa gặp ngựa? Mắng như thế là mắng đến nơi đến chốn. Kẻ độc giả phải lấy làm sợ hãi, vội vàng kiểm điểm lại lòng mình; và — thành thực mà nói — thấy quả có điều oan ức. Có sự ngưỡng mộ căn cứ trên các tiêu chuẩn đạo lý; có sự thưởng thức căn cứ trên các tiêu chuẩn thẩm mỹ. Bao nhiêu vẻ đẹp bày ra trong văn chương Đông Tây xưa nay không phải đều là vẻ đẹp cao khiết đoan chính cả. Bàng bạc một niềm nhân ái bao la như thơ Đỗ Phủ là đẹp, thâm thía nỗi u sầu hắc ám như thơ Edgar Poe, Baudelaire cũng là đẹp, hùng hồn dũng mãnh như Victor Hugo là đẹp, mà chán chường nã nề như Verlaine, thê thiết như Hồ Dzếnh cũng lại có nét đẹp riêng v.v... Bất được cái đẹp của phong cách Đỗ Phủ, Victor Hugo, chớ vội vênh váo cho là rỗng gặp rỗng; rung động trước cái đẹp của phong cách Verlaine, Baudelaire, vị tất đã là rỗng khoai rỗng. Văn chương nghệ thuật không phải là chỗ phô trương những phong cách người Trời, những phong cách anh hùng chí sĩ. Thường khi, trái lại. Trong hội họa có thứ tranh quyến rũ vì sắc màu xanh lợt bệnh hoạn, vì những chiếc cổ dài ngoằng, những bộ móng tục tĩu, trong thi ca có thứ thơ thu hút người vì vần điệu âm u, âm đậm.

Nhân cách được phân biệt theo thiện ác; văn phong không có văn phong thiện với ác, chỉ có văn phong đẹp với xấu. Và cái hỏng nặng nhất cho người làm văn thơ là không có được một phong cách, dù chuyên làm văn thơ yêu nước thương nòi. Ít ạch viết suốt một đời mà xem ra chẳng thấy một phong cách gì: Chuyện khổ não ấy lại xảy ra đều đều.

\*\*\*

Ta liên tưởng đến một chuyện khổ não trần gian khác, cũng lại thường xảy ra: tô phở không mùi. Trong tác phẩm của Thế Giang có lần hai người trẻ tuổi nói chuyện về phở Thìn ở Hà Nội. Một người bảo: “Cậu thử tưởng tượng xem, về khuya đi ngược gió đông, cách cả trăm thước mà cái thằng phù thủy ấy nó giở nắp thùng lên thì có sờn gai ốc không hả...? Trong túi không có tiền thì bỏ mẹ!” Rồi người ấy lại bồi thêm câu nữa: “Thế mới là phở chứ những chỗ cậu kể đi sắp ngã vào nôi cũng không hay, bát phở bưng đến trước mặt, mở mắt ra mới biết thì còn gì là phở?” (*Thằng người có đuôi*) Ôi! thật xứng đáng là những lời vàng ngọc về cái chân lý phở. Hình như cổ nhân đã bận tâm nhiều lắm về mùi thơm của các món ăn. Trong vài món phở biến như phở Bắc như bún bò Huế, mỗi bận tâm ấy từng thể hiện nơi chiếc muỗng và cái tô chẳng hạn. Tôi có cảm tưởng bát bún bò ngày xưa bưng ăn ở Huế nó nhỏ hơn ngày nay nhiều. Xưa kia, nó là cái bát tai bèo, vừa bé vừa cạn lại vừa dày cộm: dung lượng được mấy? Vì thế, thực khách có thể “thanh toán” bát bún bò tiền chiến thật nhanh chóng, thanh toán trong khi nó còn nóng hôi hổi, bốc hơi ngào ngạt. Bát bún bò mỗi ngày mỗi nở lớn thêm. Bát lớn quá, ăn mãi một hồi lâu chưa chịu hết, tất nguội lạnh, còn có mùi thơm nào bốc lên từ đồng đồ ăn lạnh lẽo ấy nữa? Và lại, bạn nghĩ coi: người hàng bún chỉ rắc hành tiêu lên mặt một lần, lúc làm xong bát bún bưng mời bạn xơi, chứ có ai đứng mãi bên cạnh mà hầu bạn, mà thỉnh thoảng lại chồm vào rắc hành rắc tiêu cho bạn đâu? Chút hương liệu rắc lên mặt làm sao thơm đến tận đáy bát? Thành thử bảy tám phần mười bát bún lớn, bạn ăn không mùi.

Tô phở nó lại càng lớn mạnh hơn nữa theo thời gian: phở tàu bay, phở tàu ngầm, phở xe lửa v.v... Toàn thể các loại phở “jumbo” ấy là những đấng khổng lồ làm khiếp vía các bậc phở tiền bối. Tại sao không tiếp tục giữ kích thước khiêm tốn cũ: mỗi lần ngon trốn, có đầy đủ yên-sĩ-phi-lý-thuần, ta gọi tiếp tô phở mini thứ nhì, có sao đâu?

Đó là chuyện cái tô. Lại còn vấn đề chiếc muỗng. Ngày còn học ở Huế, mỗi khi ăn bún bò, cả bọn chúng tôi ở cùng một nhà trọ thường ăn cái bún bò gánh đi bán dạo. Bà hàng bún làm

xong bát bún hình như chỉ đặt ngang một đôi đũa trên miệng bát trước khi trao cái bát tai bèo đang bốc hơi vào tay thực khách. Tôi không nhớ có kèm theo muống. Chúng tôi vừa ăn vừa húp nước xùm xụp.

Trước kia, trên đường Nam tiến món phở chưa vượt qua sông Gianh, tôi không biết lối ăn phở theo phép tắc ngày xưa nó ra thế nào. Bây giờ thỉnh thoảng có bậc tuổi tác gốc miền Bắc nhắc rằng ăn phở trước kia cũng không hay dùng đến muống. Lý do là muống nó hại mùi.

Hãy tưởng tượng, nấu một món ăn vương giả thơm lừng dưới bếp, mà bao nhiêu vị khách quý thì say sưa bàn những vấn đề quốc quân trọng sự trên phòng khách. Để tỏ lòng ngưỡng mộ một vị thượng khách kính yêu nào đó, ta muốn cho vị ấy nếm thử món ăn đang ở thời điểm thơm ngon nhất. Ta lấy chiếc thìa con múc đầy một thìa, run rẩy mang lên phòng khách trút vào mồm thượng khách kính yêu. Kết quả ra sao? Kết quả là thượng khách đớp phải một món ăn vô vị: món ăn còn đó mà mùi thơm đã chết mất dọc đường. Món ăn dù quý đến chừng nào mà chỉ “trích tuyền” ra một muống con, mang đi vòng vo, thì cũng không còn giữ được hương vị nữa. Vì thế cái muống phở trích tuyền đưa lên mồm nó cũng chịu ít nhiều thiệt thòi. Chịu khó bưng tô phở lên mà húp thì mồm chỉ húp một ngụm mà mũi hưởng được cái thơm của cả tô. Nếu quả thật trước kia ăn phở không dùng muống thì, một lần nữa, các bậc tiền hiền lại đáng ca ngợi. E có kẻ cho rằng tôn kính tiền nhân thì nên để trong lòng, còn ngoài mặt hãy nên dung hòa với phép ăn uống của địa phương: ngồi ở một tiệm ăn trên đất Hoa Kỳ, bưng nguyên cái bát to tướng lên mà húp, có khó coi chăng?

Lấy con mắt người Mỹ mà coi, có khó thật. Nhưng một khi người Mỹ cũng bưng bát lên húp, thì cái coi không còn khó nữa. Tại các tiệm ăn Nhật, thỉnh thoảng người ta vẫn có dọn những món xúp không ăn bằng muống. Thật tình mà nói, riêng phần tôi, tôi chỉ gặp một thứ xúp lỏng, người qua mũi chẳng thấy thơm tho gì, thế nhưng theo phép vẫn bưng cả tô để thưởng thức cái mùi mà mình chưa quen. Các thực khách người Mỹ chung quanh cũng vui vẻ làm như thế cả. Không khó coi là mấy.

Mùi thơm của một món ăn, người ta bảo vệ nó cẩn thận như thế, vai trò nó quan trọng như thế, cái thế giá của nó cao như thế, mà sự lợi ích “cụ thể” của nó ra làm sao? Nói về phở chẳng hạn: Phở là món để ăn, không phải để ngửi. Xưa nay thiên hạ hăm hở vào tiệm phở không phải cốt mua lấy tô phở, ngồi ôm hít một lát rồi ra đi thỏa mãn. Đó không phải cách thưởng thức phở chính thống. Ấy thế mà cái phở không thơm, cái phở “đi sắp ngã vào nồi cũng không hay” thì lại không “còn gì là phở”! Có kỳ cục không chứ?

Phở cốt để ăn, vậy cái thực chất của phở là bánh phở, là nước dùng, là miếng thịt, là những sách những nạm v.v..., đó mới là những cái cụ thể để hưởng, còn thơm với không thơm thì hưởng ra làm sao? Thơm không phải là cái ngon của phở; chẳng qua nó chỉ báo hiệu cái ngon. Thưởng thức cái ngon thì được, thưởng thức cái... báo hiệu thì thưởng thức làm chi? Vậy mà không báo hiệu thì... “còn gì là phở”! Kỳ cục thật.

Kỳ cục như văn thơ. Đọc Nguyễn Tuân chẳng hạn là để xem chuyện cô Tư chuyện cậu Lãnh Út, chuyện cái da cái tóc của chị Hoài, cái cười cái nói của phu nhân họ Bồ v.v... nó ra làm sao. Đó mới là thực chất cụ thể. Ăn phở thì ăn thịt ăn bánh, còn cái mùi chỉ để... ngửi chơi. Đọc sách thì đọc chuyện đọc ý, còn phong thái là cái vô hình phảng phất, chỉ để... ngửi chơi. Vậy mà chính cái đó mới làm cho Nguyễn Tuân thành Nguyễn Tuân, Nguyễn Bính thành Nguyễn Bính, Phan Khôi thành Phan Khôi, cũng như xưa kia cái văn phong đó đã làm cho Lý Bạch thành Lý Bạch, Tô Đông Pha thành Tô Đông Pha v.v... Cái đó chứ không phải là những tài tả cảnh hay ho, là những tư tưởng cao siêu nào.

Hôm nay chúng ta nói lếu nói láo về cái mũi của văn thơ, về chuyện người văn thơ, đừng tưởng là có gì mới mẻ. Người xưa đã từng có lần mắng cái mũi vô duyên của mình khi nó sục sạo, người phải câu thơ thi xã đấy.

## Cái đẹp trong thơ

Ngày xưa, để tả vẻ đẹp trên hình thể con người, người ta hay dùng những thành ngữ ví von như "da ngà", "dáng liễu", "mặt hoa", "tóc mây". Nguyễn Du tả Thúy Vân: "Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang"; tả Thúy Kiều: "Làn thu thủy, nét xuân sơn"; tả Từ Hải: "Râu hùm, hàm én, mày ngài".

Trong truyện *Hoa Tiên*, Nguyễn Huy Tụ tả Dương Giao Tiên:

*Môi đào hé mặt phù dung  
Xiêm y bóng tuyết sen lòng ngấn rêu.*

Trong *Cung oán ngâm khúc*, Nguyễn Gia Thiều tả người cung nữ:

*Áng đào kiến đâm bông nảo chúng  
Khoé thu ba ngọn sóng khuynh thành.*

Trong *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu tả Kiều Nguyệt Nga:

*Má đào, mày liễu dung nhan lạnh lùng.*

Tất cả những câu thơ mô tả diện mạo của con người ở trên đều có một đặc điểm giống nhau: đem so sánh một nét đẹp nào đó trong hình thể con người với một nét đẹp nào đó của thiên nhiên. Thiên nhiên, bởi vậy, được coi là cái đẹp mẫu mực của con người. Song song với khuynh hướng trên, có một khuynh hướng khác nữa: so sánh cái đẹp của người bây giờ với cái đẹp của người xưa, trong sách vở. Phụ nữ đẹp, phải là đẹp như Hằng Nga, như Tây Thi, như Dương Quí Phi. Quá khứ, do đó, trở thành một chuẩn mực của hiện tại. Đến những năm 30 của thế kỷ này, với phong trào Thơ Mới, khuynh hướng thứ hai bị sụp đổ trước hết. Những cách ví von xưa bị coi là khuôn sáo. Các nhà thơ công bằng hơn với những cái đẹp trong hiện tại. Nguyễn Bính viết, trong bài "Mỵ nương":

*Toan ví mà thôi  
Vi bao nhan sắc  
Xây dựng trên đời  
Sánh sao nàng được.*

Hồ Dzếnh viết, trong bài "Giản dị":

*Em ăn, em nói, em cười  
Kiếp này không có hai người giống em.*

Sự công bằng ấy là kết quả của một nhận thức: cái đẹp, tự nó, là một giá trị độc lập và độc đáo. Quá trình sụp đổ của khuynh hướng thứ nhất coi cái đẹp trong thiên nhiên là chuẩn mực cho cái đẹp của con người chậm chạp và không đồng đều. Mọi người đều nhất loạt từ bỏ những thành ngữ ví von đã thành khuôn sáo, tuy nhiên, trong cách so sánh của họ, thỉnh thoảng vẫn

vấp phải ảnh hưởng của một quan điểm thẩm mỹ cũ là cần phải nương tựa vào vẻ đẹp trong trời đất để khẳng định vẻ đẹp của con người. Nhưng một vài nhà thơ lớn, đặc biệt là Xuân Diệu, đã đi rất xa. Nhiều người phát hiện trong thơ Xuân Diệu có những cách so sánh ngược hẳn với người xưa: thay vì ví vẻ đẹp của con người như một vẻ đẹp của thiên nhiên, thì Xuân Diệu lại ví vẻ đẹp của thiên nhiên như một vẻ đẹp của con người:

- Lá liễu dài như một nét mi.
- Trăng, vú mộng của muôn đời thi sĩ.
- Hơi gió thổi như ngực người yêu dấu.
- Mây đa tình như thi sĩ đời xưa.
- Tháng giêng ngon như một cặp môi gần.

Huy Cận cũng có một đoạn so sánh đặc sắc:

*Mùa xuân tròn tựa  
Như bụng mang thai  
Ôm nghìn sức trẻ  
Đi trên đường dài.*

Phương thức so sánh ở trên, tuy mới mẻ, song nó có ý nghĩa như một sự cách tân trong nhận thức: cái đẹp của con người là chuẩn mực cho cái đẹp của thiên nhiên. Đến sau năm 1954, ở Miền Nam, khi tả một vẻ đẹp của con người, các nhà thơ thường có thói quen giống nhau: đó là rất ít so sánh. Bởi so sánh, dù là để kết luận là hơn hay là thua thì nó cũng xuất phát từ một sự thừa nhận: con người và thiên nhiên ngang hàng với nhau. Vắt bỏ sự so sánh là để khẳng định vẻ đẹp của con người là một giá trị độc đáo và độc tôn. Thiên nhiên bị hạ bệ. Thiên nhiên và trời đất chẳng có ý nghĩa gì nếu không có con người. Thiên nhiên và trời đất đẹp là vì con người đẹp chứ không phải là ngược lại:

*Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát  
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông.*

Thơ Nguyên Sa. Cái nắng ấy, cái trời đất ấy cũng bị băng khuôn trước cái áo lụa này, trước con người này. Trong bài "Đàn bà là mặt trời", Nhã Ca viết, say sưa:

*Người đàn bà nào cũng đẹp  
Mùa xuân và hoa hồng đều nở vì chúng ta  
Chúng ta ban phát ái tình  
Cho thiên đàng của chúng ta tươi tốt mãi.*

Con người không cần phải đẹp. Đây là một đặc điểm khá mới mẻ. Trong thơ xưa, vẻ phương diện ngoại hình, hầu như không có ai xấu. Nguyễn Du rất ghét Mã Giám Sinh vậy mà cũng không nở để Mã Giám Sinh xấu: "*Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao*". Tú Bà cũng không hẳn xấu: bà chỉ đẩy đà và vì ở trong nhà hoai nên nước da hơi bị tái: "*Thoắt trông nhờn nhợt màu da / Ấn chi to lớn đẩy đà làm sao*". Một số truyện nôm khuyết danh thường cho nhân vật chính hoá thành loài vật xấu xí chỉ là một biện pháp đối chiếu để khuếch đại cái đẹp trong tâm hồn họ chứ không cốt mô tả cái xấu trong hình thể họ. Trong thơ hiện đại thì khác. Đây là hình ảnh người tình Nguyên Sa:

*Hôm nay Nga buồn như con chó ốm,  
Như con mèo ngái ngủ trong tay anh.*



Đây là hình ảnh vợ và mẹ trong thơ Nguyễn Đức Sơn:

*Mẹ con bản mặt lầm lì  
Bà con mắc chứng xàm xỉ suốt đêm.*

Đây là chân dung tự hoạ của Hoàng Trúc Ly:

*Nhà anh nghèo, anh đau tim, anh yếu phổi  
Đời anh lạnh lùng bốn hướng gió và mưa.*

và của Du Tử Lê:

*Sơ vai nhẵn áo xô quần  
Mắt nâu tóc rậm môi cảm tiếng cười.*

Các nhà thơ xoá bỏ hai khái niệm đẹp và xấu, bằng cách biến cái đẹp thành cái xấu hoặc ngược lại ư? Không phải. Cái đẹp lớn nhất là con người. Và con người đẹp không nhất thiết là do nhan sắc mà chủ yếu, trước hết, căn bản hơn cả, vì họ là con người. Tôi yêu, tôi làm thơ ca ngợi một kẻ nào đó không phải vì kẻ đó có diện mạo phi phàm mà chỉ vì lý do đơn giản: họ là con người và tôi yêu họ. Con người, tự bản thân nó, đã là cái đẹp, đã là đối tượng của thơ ca. Tôi muốn đưa ra nhận định thứ hai về quy luật phát triển của cái đẹp trong thơ: đó là sự phát triển của ý thức con người về sự hiện hữu của con người.

## **Cái riêng và cái chung trong thơ**

Hình ảnh của nhà thơ, dưới ngòi bút Xuân Diệu ngày trước, là hình ảnh của người vẽ chân dung những hồn người khốn khổ:

*Nghệp tài tử xưa nay đông lắm chắc  
Chúng tôi hùn làm một kiếp đa duyên  
Cảm nếp trán của người lo sáu khắc  
Thương năm canh nước mắt những ai phiền.*

Quách Thoại cũng nghĩ tương tự:

*Nói lời thơ đời nhân loại đau thương.*

Nhưng thơ không phải chỉ có cái chung. Chỉ là cái chung cho tất cả mọi người, thơ sẽ bị chìm lẫn trong vô số những tiếng động hoặc lặng lẽ hoặc ồn ào của cuộc sống. Thơ phải thể hiện cái chung ấy một cách rất riêng tây, qua cách nhìn, cách nghĩ, cách cảm và cách viết của một người. Trong bài Thi sĩ, Tô Thùy Yên nhấn mạnh đến tính chất độc đáo của thơ:

*bằng mỗi lời độc nhất  
tôi kể tai tiết lộ với từng người  
những điều không lặp lại  
bài thơ như lá sấm.*

Thanh Tâm Tuyền gọi một bài thơ độc đáo là "bài thơ tháng giêng":

*Con đường chưa ai tới  
Màu hoa nào chưa ai trao  
Những nghĩa chữ còn hoang  
Câu thơ thốt lạ thường  
Nơi không gian còn tiết trinh.*

Chính vì mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung như thế, chúng ta thường bắt gặp ở các nhà thơ những lời phát biểu thoát nghe dễ ngỡ là mâu thuẫn. Một mặt, ai cũng muốn khẳng định mình là một cái gì thật độc đáo, thật cá biệt, thật riêng tây. Vũ Hoàng Chương: "*Tôi: thù nhân của Số Nhiều*". Trần Huyền Trân: "*Chân mình vẫn lạc dấu nghìn chân*". Xuân Diệu: "*Ta là Một, là Riêng, là Thứ Nhất*". Huy Cận: "*Suốt một đời như núi đứng riêng tây*". Tô Thùy Yên: "*Ta lớn lao và ta cô đơn*". Nhưng mặt khác, ngược lại, hầu như nhà thơ nào cũng muốn tự nhận thơ mình là tiếng nói của mọi người, là tâm sự của mọi người. Xuân Diệu: "*Buồn thế hệ ta cũng đang u uất*", "*Nghìn trái tim mang trong một trái tim*". Tô Thùy Yên: "*Chúng ta cười trên môi bằng hữu*". Thanh Tâm Tuyền: "*Hãy cho anh khóc bằng mắt em*". Chế Vũ: "*Ta nằm trong lòng thế hệ*". Tô Thùy Yên giải quyết cái mâu thuẫn biểu kiến ấy bằng một cách diễn tả tuyệt vời:

*Tôi là một người, là một đám đông.*

Vâng, nhà thơ vừa là một người vừa là một đám đông. Thơ vừa là cái gì riêng, rất riêng, trong nghệ thuật, vừa là cái gì chung, rất chung, trong cảm xúc. Tầm vóc của một nhà thơ không định hình từ cái riêng; cũng không định hình từ những cái chung. Tầm vóc của một nhà thơ được định hình trên cơ sở sự kết hợp hài hoà giữa cái riêng và cái chung. Nói cách khác, một nhà thơ lớn là một nhà thơ có tính chất cá thể đồng thời phải có tính chất nhân loại. Tính chất cá thể phải được nhân loại hoá. Tính chất nhân loại phải được cá thể hoá. Nhà thơ lớn là một chiếc lá ngô đồng. Lá là lá. Nhưng lá cũng là mùa:

*Ngô đồng nhất điệp lạc,  
Thiên hạ cộng tri thu.  
(Ngô đồng một lá rụng,  
Người biết mùa thu về)*

Thơ hay không bao giờ là của riêng ai cả. Nó là cảm xúc của đám đông. Nó là của cuộc đời. Nó không phải chỉ là sự tự thể hiện của nhà thơ. Nó còn có tác dụng giúp mọi người chung quanh, từ nó, nhận diện được những tiếng sóng ngầm u uẩn ngay chính trong đáy sâu của lòng họ. Hoàn toàn không phải tình cờ, khi người ta, ở Việt Nam cũng như ở khắp nơi trên thế giới, để tìm hiểu tâm trạng của một thời đại, thường căn cứ chủ yếu vào tác phẩm của các nhà thơ lớn. Quan hệ giữa nhà thơ và xã hội giống như quan hệ giữa hạt muối và đại dương. Nhiệm vụ của nhà thơ là cô sặc cái đại dương kia: tâm sự chung, thành ra cái hạt muối này: thơ. Tâm sự chung của thời đại là khối tinh vân khổng lồ bay lênh đênh trong vũ trụ. Nó khổng lồ nhưng nó rất lênh đênh. Bằng sự nhạy cảm, bằng năng lực tưởng tượng, bằng tài hoa cấu tứ và bằng trình độ sử dụng ngôn ngữ, mỗi nhà thơ phải tìm cách kết tinh từ khối tinh vân mênh mông mù loã kia thành ra những mặt trời thơ, những mặt trăng thơ, những vì sao thơ.

## **Viết...chơi**

Giờ sẵn trốn nói luôn qua chuyện viết...chơi.



Ăn, với uống, với ái ân v.v.v... vốn là chuyện trời sinh, là hoạt động sinh tồn, đáp ứng nhu cầu căn bản của sự sống. Vốn là những cái thiết thực, tức cái thiết. Từ cái thiết, con người (văn minh) chuyển hoá nó ra cái chơi.

Viết là một bịa đặt của con người, không bẩm sinh, không nguyên thủy. Viết là một bày vẽ của văn minh. Tưởng là chơi, lại thành ra cái thiết, thành một hoạt động phục vụ cuộc sống cách ráo riết, cần mẫn, cật lực.

Khổ thân cho cái viết.

- Nhưng viết, thế nào là chơi? thế nào là thiết? Chuyện viết, đem nhập nhằng với các chuyện khác sao được? Ăn, uống, chẳng qua là "sự thường": ăn chơi được, uống chơi được. Đến như ái ân chơi, cũng... cho là được đi. Còn viết, đại phàm đã nâng cây bút lên viết ra văn chương thì đó là sứ mệnh thiêng liêng rồi, viết chơi thế nào được. Sẵn trốn nói bừa, e nhầm to.

- Ông Tản Đà nói, đâu phải mình nói? Tản Đà nói đã hơn nửa thế kỷ, càng nghiệm lâu càng thấy vừa ý:

*In hết quyển này ra quyển khác*

*Có văn có ích, có văn chơi*

*(Lo văn ế)*

Tản Đà là nhà văn, nhà thơ chuyên nghiệp, sống bằng nghề văn thơ, lúc nào cũng ngay ngáy chuyện bán buôn, bán từ dưới đất đến tận chợ trên trời, văn ế. Người chuyên nghiệp phân loại rành rẽ như thế, sai thế nào được.

Theo Tản Đà cái văn mà ta cho là viết thiết tức là cái "có ích", ngoài ra là viết chơi. Viết mà không nhằm có ích, tức thị viết chơi. Định nghĩa Tản Đà đem ra phân tích phải trái, e gặp ác rồi không ít. Chẳng hạn như truyện (tiểu thuyết) có thể xem là thứ mua vui. Vậy mà suy luận ra lắm người thấy có ích. Đọc truyện thì hiểu tâm lý con người, hiểu nhân tình thế thái, hiểu tình trạng xã hội, đọc truyện để hiểu người hiểu đời, để tâm hồn thêm phong phú, cuộc sống thêm ý nghĩa v.v... Biết đâu là thiết biết đâu chơi?

Vậy ta không đại lẫn mình vào chuyện vất vả. Hãy nói với nhau như giữa những người dễ tính. Viết giấy bán nhà, đợ ruộng là viết thiết; viết thơ "Tương tiễn tửu" như Lý Bạch, thơ yêu trộm như Arvers là viết chơi. Viết nghiêm chỉnh như học giả Thượng Chi Phạm Quỳnh là viết thiết; viết những loại mộng con mộng lớn, những hài văn, nhàn đàm, những thơ đùa cô sư, bóp vú đau tay, gửi người tình nhân có quen biết và không quen biết v.v... như ông Tản Đà là viết chơi. Viết mà ngồi trong phủ Chủ tịch, đêm ngày lính tráng hầm hầm vũ khí canh phòng cẩn mật, an ninh lớp ẩn lớp hiện mấy vòng, viết cặm cụi dưới ngọn đèn khuya khoắt khiến các thi sĩ cách mạng trông lên mà cảm cảnh đau lòng, giọt vắn giọt dài, viết như Bác í ạch viết tự truyện ký T. Lan, ký Trần Dân Tiên, viết thế là viết thiết; còn viết như ông Tô Đông Pha vừa viết vừa nhậu trên sông Xích Bích phải là viết chơi. Viết như ông Vũ Hoàng Chương vừa gõ trống tom chát vừa nghe gái í a vừa vung tay viết bài ca trù, ấy chẳng qua là viết chơi; còn như ông Lê Đức Thọ... á, cái ấy... chơi thế nào được? anh bộ đội nhỏ bé ốm o, lưỡi thè lòng thòng, công nhà lãnh tụ ú ù, ấy là công thiết, vậy đáng lãnh tụ cuời lính trèo núi tắt cũng làm thơ thiết (thơ phục vụ) thôi...

Thiết với chơi, đại khái thế chẳng?

Thiết với chơi, dưới con mắt người đời, không thể xem ngang nhau. Ông Tản Đà rành đủ hai món, hai món đều là của mình cả, cho nên đấu lòng có thiên vị lời cũng nhẹ nhàng: một bên có ích, một bên không có ích, vậy thôi.

Còn Đặng Thai Mai, người cách mạng ăn nói sắn sỏ lỗ mãng nghe phát ón: "cái thứ văn mơn trớn béo tốt như đẫy thịt, trơn như tảng trán hói của nhà trường giả, cũng chỉ là một thứ 'văn chơi' mà thôi, chả có ý nghĩa gì là văn học." (*Văn học khái luận*).

Văn béo, văn đẫy thịt, văn trơn v.v... là thứ văn chơi (văn chơi tất cả mấy thứ?). Và đã là văn chơi - hết thảy mọi thứ văn chơi – thì không có ý nghĩa văn học.

"Ý nghĩa văn học" là cái gì vậy? Mần mò định cho ra nghĩa cũng mệt, chi bằng cứ hiểu qua loa theo người dễ tính, rằng thiếu ý nghĩa văn học thì kể như đồ bỏ. Khôn khổ thay phú Xích Bích, thơ "Tương tiễn tửu", thư gửi người tình nhân không quen biết!

Viết một bài phú, một bài thơ, một lá thư, thoát cái xong ngay. Đến như cả một cuốn *Les fleurs du mal*, Baudelaire ậm ề ậm ạch cả đời, sửa đi sửa lại thêm vào bớt ra, mãi tới chết vẫn chưa xong ấn bản nhất định, thế mà trong một bản dự thảo bài tựa tác giả có những lời "Cuốn sách vốn vô ích tự trong cốt tuỷ này [...] tôi viết ra không nhằm mục đích nào khác hơn là để tự giải khuây" (*le livre, essentiellement inutile [...] n'a pas été fait dans un autre but que de me divertir*). Văn béo, văn đẫy, văn trơn... là chả có ý nghĩa văn học rồi chẳng? *Les fleurs du mal* không là văn phẩm thi phẩm chẳng? Nghe cứ như là nói... chơi.

Nhân đây cũng băng ngang qua chuyện nói, bởi vì cái nói liên hệ mật thiết với cái viết: trước khi thành hình thứ văn chương bằng chữ nghĩa đã có thứ văn chương truyền khẩu. cái này dẫn tới cái kia. Cho nên đã có viết chơi viết thiệt tất có nói chơi và nói thiệt.

Nói như các bà nói rào rào trong chợ để mặc cả giá cá giá rau là nói thiệt, rất có ích; nói như bà cụ nằm kể chuyện Tấm Cám cho cháu nghe chờ ngủ là nói chơi. Nói như khi vợ bắt tại trận cảnh chồng vụng trộm, áp vào túm lấy tình địch gào thét xỉ vả tưng bừng là nói thiệt; nói như "hôm qua tát nước đầu đình" là nói chơi v.v...

Vả lại, không chỉ viết với nói trong ngành văn chương thơ phú, mà trải khắp các bộ môn nghệ thuật đều có thiệt với chơi cả. Nụ cười mơ hồ, băng quơ trong tranh Léonard de Vinci chẳng qua là cười chơi; cười hô hố trong thơ đả Mỹ của đội ngũ thi sĩ hài hước độ nào nhất định là cười thiệt, cười... có ích. Hát sông xanh, hát đêm tàn bến nọ bến kia, bắt quá hát chơi; nhạc phan thanh uổng máu tất là nhạc có ích, nhạc thiệt v.v...

- A! Chuyện vị nghệ thuật với vị nhân sinh đầy thôi. Sáng tác chơi là nghệ thuật vị nghệ thuật, sáng tác thiệt là vị nhân sinh chứ gì?

- Hầy! Người ta đang nói chơi, bỗng dừng lại xông tới, đặt vấn đề cách nghiêm chỉnh, trịnh trọng, bỗng dừng lại đòi nói thiệt. Rõ vô duyên.

- Vô duyên được à? Đề tài quan yếu, lớn lao như thế đối với người sáng tác...

- Lớn cái gì? Chẳng qua lý sự bắt bẻ nhau ồm tỏi thôi, chứ lớn nỗi gì? Sáng tác với sáng tạo! Đây, ông Trời là tạo hoá, là đáng sáng tạo, ông Trời ấy làm ra, sáng tác ra vũ trụ này, cuộc sống này có ý nghĩa gì chẳng? có "ích" gì chẳng? Ông ấy làm ra muôn sao, làm ra con người, con kiến, làm ra cái sống cái chết... có nghĩa gì? có ích gì? Đó là làm chơi hay làm thiệt? là sáng tác kiểu có ích, hay là sáng tác kiểu văn béo văn mỡ văn trơn, của trường giả trán hói vào lúc rùng mỡ? Cả cõi thế gian, nó sờ sờ, nó lù lù ra đấy, xoay tả xoay hữu, ngó trước ngó sau đầu đầu cũng thấy nó, đó là chơi hay thiệt?

- Nói toạc ra e phải tội, xin được phát biểu khe khẽ: Không chừng là cái chơi thôi. Cả cái công trình vĩ đại khắp cõi vô cùng là để vinh danh cái làm chơi, cái sáng tạo chơi. Ngọn rêu xanh với núi Thái sơn cùng là cái chơi, con cóc tía trong hang con châu chuột kêu oà oạp, với ông Khổng Khâu ham cúng vái ông Trang Tử khoái gõ bần toàn cái chơi cả. Vị tất có ý nghĩa gì.

- Ôi, một cái chơi lớn lao ngang nhiên bao trùm cản khôn vũ trụ như thế không chê trách trước tiên, lại đi vặn hỏi chuyện tẩn mẩn của lũ thấp cổ bé miệng! Lũ sáng tác chơi quanh đây chẳng qua là đám trẻ nắm chéo áo lon ton chạy theo cụ Trời, đáng gì!

Thôi nhá.

## Thơ hay...thơ dở...

Một bài thơ hay là một đoá hoa ngào ngạt hương. Hương rộng hơn hoa. "*Và hương bay thì hoa tưởng hoa bay*" (Xuân Diệu). Hoa là ngôn ngữ thơ, thể xác thơ. Còn hương là sức gợi mở vô cùng vô tận của thơ.

Công việc làm thơ, tôi muốn ví với việc ném thia lia trên sông của trẻ nhỏ. Người có tài phải ném thế nào cho viên sỏi cứ chao liệng, lấp lênh thật lâu, thật lâu trên mặt nước. Đến lúc viên sỏi đi hết đường đã đi, chìm xuống, mặt sông vẫn còn nao nao gợn sóng hoài.

### "Trời" và "giời"

Có khi cùng một chữ nhưng cách phát âm khác nhau cũng tạo thành những nghĩa thơ khác nhau. Ví dụ, hai câu thơ này của Vũ Đình Liên:

*Lá vàng rơi trên giấy  
Ngoài trời mưa bụi bay.*

Câu sau, tôi thích đọc theo giọng Bắc: "trời" thành "giời". Đã đành dù là "trời" hay "giời" thì câu thơ vẫn là một sự khắc hoạ hình ảnh cơn mưa bụi đang lất phất bay. Nhưng âm "giời" nhẹ và dài, dễ gợi cảm giác buồn và lạnh của một cơn mưa bụi lâm thâm, lất rắt rơi trên hình bóng một ông đồ ngồi hiu quạnh với lá vàng và với nỗi thê lương. "*Ngoài trời mưa bụi bay*" thì chỉ có mưa. "*Ngoài giời mưa bụi bay*" thì không những chỉ có mưa mà còn có cả cơn rét gâp gâp, se sắt, tái tê.

### "Không đề" của Nguyễn Bính

*Hôm nay dưới bến xuôi đò  
Thương nhau qua cửa tò vò nhìn nhau.  
Anh đi đấy, anh về đâu?  
Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm...*

Thơ Nguyễn Bính. Tựa "Không đề". Chỉ có bốn câu. Theo tôi, đây là một trong những bài thơ hay nhất, hoàn chỉnh nhất của Nguyễn Bính. Bài thơ có hai nhân vật, một người con trai và một người con gái. Người con trai ở dưới bến chờ xuôi đò. Người con gái ở trong nhà, qua khung cửa sổ, thẩn thờ ngó ra. Nguyễn Bính nói họ "thương nhau". Chắc chỉ là thương thầm. Nên không có tiền đưa. Nên người con gái mới băn khoăn tự hỏi "*Anh đi đấy, anh về đâu?*" Sáu chữ mà bời bời hai tâm sự ngổn ngang. "*Anh đi đấy*" là câu hỏi thẳng thốt. Đau nhói. "*Anh về đâu?*" là câu hỏi ngậm ngùi. Buồn tênh. Người con gái ngạc nhiên, rồi bàng hoàng, rồi ngẩn ngơ. Chiếc thuyền rời bến, từ từ đi xa. Hình ảnh người con trai hút. Chỉ còn chiếc thuyền. Rồi chiếc thuyền cũng khuất. Chỉ còn cánh buồm vờn cao, chới với, chập chờn, lung linh, xa xăm:

*Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm...*

Người con gái vẫn còn đứng đó, bên thành cửa sổ, vờ vờ nhìn theo. Câu thơ ngắt thành ba nhịp (*Cánh buồm nâu / cánh buồm nâu / cánh buồm...*), tưởng như mỗi nhịp ngắt là một làn sóng đột nhiên trào lên, che khuất cánh buồm. Bao nhiêu lần khuất rồi hiện. Lần cuối cùng, đã xa lơ xa lắc, chỉ còn nhìn thấy, mờ thật mờ, hình ảnh cánh buồm thấp thoáng, nhòa đi trong khói song bập bênh. Không còn thấy màu sắc nữa: chữ “nâu” ở nhịp cuối biến mất.

\*\*\*

Câu thơ ngắt thành ba nhịp “*Cánh buồm nâu / cánh buồm nâu / cánh buồm...*”..vậy thì bài thơ Con Cóc cũng được ngắt thành ba nhịp là một bài thơ hay...hay thơ dở?

Có thể nói, suốt mấy năm nay, cơ hồ tôi không đọc trọn vẹn một bài thơ nào ngoài bài ‘Thơ con cóc’. Bận bịu quá, quên đi thì thôi, còn hề nhớ đến thơ thì bao giờ cũng thế, bài ‘Thơ con cóc’ lại hiện ra, sừng sững, án ngữ hết mọi nẻo đường, không cho bài thơ nào khác có được cái quyền được ngâm nga nữa.

Quái.  
Mà quái thật.

Đâu phải tôi không biết đó là một bài thơ dở, cực kỳ dở, hơn nữa, với người Việt Nam, còn là điển hình của cái dở nói chung. Mỗi lần bắt gặp bài thơ nào kém cỏi, chỉ có vần điệu ê a mà tình ý hoặc rỗng tuếch hoặc nhạt nhẽo, người Việt chúng ta - trong đó có tôi, dĩ nhiên - thường có thói quen phán: ‘Thơ con cóc!’. ‘Thơ con cóc’

Do đó, được coi là lời chê bai nặng nề nhất, một sự phủ định hoàn toàn. Tôi biết. Biết vậy mà vẫn bị nó ám ảnh mãi. Xua, nó không đi. Nó cứ phức kích đầu đó, trong một góc ngách nào của tâm hồn, chực có cơ hội, những lúc “*tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn*”, lại hiện ra, thoát đầu, như một sự nghịch ngợm, sau, dần dần, thật lạ lùng, cứ như một lời đồng điệu.

Vâng, như một lời đồng điệu. Tôi mơ hồ cảm thấy bài ‘Thơ con cóc’ đã nói hộ giùm tôi bao nhiêu niềm u uẩn, cứ day dứt trong lòng. Những nỗi niềm ấy nhói nhói đòi phát ngôn, đòi tìm tri âm mới sau khi đã già từ những người bạn cũ, rất mực hiền lành, chỉ quen một điệu “*ví dầu cầu ván đóng đình*”... “*ôi nắng vàng sao mà nhớ nhung*”... Từ sự cảm nhận mơ hồ này, dần dần, tôi khám phá ra một điều, là, trái hẳn những định kiến quen thuộc của chúng ta lâu nay, bài ‘Thơ con cóc’ không chừng là một bài thơ...hay. Mà đâu chỉ có một mình tôi nhận ra điều đó. Dường như, tự thâm tâm và một cách thiếu tự giác, rất nhiều, nếu không nói là hầu hết người Việt Nam đều công nhận như thế. Có hai chứng cứ:

(i) một là, mọi người đều ghi khắc mãi bài thơ ấy vào trí nhớ;

(ii) hai là, mọi người đều coi nó là điển hình của cái dở nói chung.

Hai sự kiện này hoàn toàn mâu thuẫn với những lời lẽ bỉ thử chúng ta dành cho bài ‘Thơ con cóc’ vì lý do giản dị: một tác phẩm văn học đã trở thành điển hình và được mọi người, từ thế hệ này qua thế hệ khác, từ thời đại này qua thời đại khác, ghi nhớ thì không thể nào...dở được.

Trong khi cái dở, nói như Hoài Thanh, ‘không tiêu biểu gì hết’, điển hình, một thuật ngữ quen thuộc trong trào lưu Tân cổ điển, được Engels và sau đó, giới nghiên cứu văn học mác xít mượn lại, là cái gì có tính khái quát cao, thể hiện bản chất sự vật, là đại diện cho số đông và do đó, chỉ có thể là kết quả của tài hoa và trí tuệ. Hạng người đều giả và đòi bại trong tình yêu bao giờ cũng nhan nhản trong cả cuộc đời lẫn văn chương ở mọi thời nhưng phải đợi đến ngòi bút thiên tài của Nguyễn Du, trong vài câu, với vài nét chấm phá, mới thành một điển hình: Sở

Khanh. Hạng người hợm mình và láu cá hẳn không hiếm trong xã hội Việt Nam, đặc biệt trong những buổi giao thời, được nhiều nhà văn quan tâm phản ánh, nhưng phải đợi đến ngòi bút sắc sảo của Vũ Trọng Phụng nó mới thành một điển hình: Xuân tóc đỏ. Khuôn mặt 'hao hao như mặt lợn', trên đó gắn cái mũi 'vừa ngắn, vừa to, vừa đỏ, vừa sần sùi như vỏ cam sành', một đôi môi như 'miếng thịt trâu xám ngoách' phải nhờ Nam Cao mới trở thành một điển hình cho cái xấu nói chung, cái Xấu viết hoa: Thị Nở.

Về phương diện giá trị điển hình, hình tượng con cóc không hề thua kém hình tượng Sở Khanh, Xuân tóc đỏ hay Thị Nở. Về phương diện sức sống, nó cũng đã vượt qua bao nhiêu thử thách, từ đời này qua đời khác, cứ tồn tại hoài. Không ngoa chút nào nếu gọi 'Thơ con cóc' theo cách nói quen thuộc đã thành sáo ngữ của chúng ta là bài thơ 'vượt thời gian'.

Bài 'Thơ con cóc' ra đời đã lâu, lâu lắm, được Trương Vĩnh Ký sưu tập, in trong quyển Chuyện đời xưa xuất bản lần đầu tiên năm 1866, vẫn còn âm vang trong lòng mọi người, còn gì mà ngờ nữa?

Tôi đoán, sẽ có người biện bạch, cho hiện tượng 'vượt thời gian' của bài 'Thơ con cóc' xuất phát từ những nguyên nhân khác, không phải là giá trị nghệ thuật của nó, chẳng hạn, vì nó ngắn nên dễ nhớ, vì nó dở đến cực độ của cái dở. Theo tôi, những luận cứ này đều không vững. Đồng ý ngắn thì dễ nhớ nhưng không phải cứ dễ ngắn là được người ta nhớ. Có khối bài thơ ngắn hơn hoặc bằng bài 'Thơ con cóc'. Tuyệt đối không. Đã dở thì bị diệt vong, bị tiêu tán tức khắc, không còn lại gì cả, kể cả một cái tên, đừng nói gì là nguyên vẹn một tác phẩm. Như vậy, có thể nói, qua việc nhớ bài 'Thơ con cóc', việc coi 'Thơ con cóc' như là một điển hình của cái dở, từ trong vô thức, chúng ta đã thừa nhận giá trị của nó, đã linh cảm được đó là một bài thơ hay. Song có lẽ vì cái hay của nó quá lạ, khác hẳn những cái hay chúng ta quen thưởng thức, cho nên lý trí chúng ta tự nhiên đâm ngờ vực, cuối cùng, lý trí thắng thế: bài thơ bị liệt vào loại dở.

Vậy thì bài "Thơ con cóc" hay ở chỗ nào?

Trước hết và có lẽ cũng hiển nhiên hơn hết, đó là bài thơ hay nhất trong tất cả những bài thơ miêu tả cái dở, cái kém nghệ thuật và kém thẩm mỹ. Ở mức độ nào đó, có thể coi 'Thơ con cóc' cũng tương tự bức chân dung Thị Nở của Nam Cao. Nếu Thị Nở là điển hình của cái Xấu, 'Thơ con cóc' sẽ là điển hình của cái Dở. Chỉ riêng ở khía cạnh này, 'Thơ con cóc' đã là một cái gì khá mới mẻ và đầy táo bạo, khác hẳn mỹ học truyền thống vốn đồng nhất cái đẹp của tác phẩm nghệ thuật với cái đẹp của đối tượng được tác phẩm nghệ thuật miêu tả, từ đó, hình thành một lối đi độc đạo trong sáng tác: mọi người đều chăm chăm chọn những nhân vật đẹp, những khung cảnh đẹp. Văn học dân gian và thơ thoát ly ra khỏi quan điểm hẹp hòi này khá sớm có lẽ do bản chất dân chủ của chúng. Tất cả những bài thơ phê phán cái dở đều... khá dở. Còn lại, chỉ còn lại trong suốt lịch sử văn học Việt Nam, hai câu thơ này của Hồ Xuân Hương:

*Một đàn thằng ngọng đứng xem chuông  
Chúng bảo nhau rằng: áy áy uông.*

Nhưng Hồ Xuân Hương, trong hai câu thơ này, không có chủ tâm nói về cái dở. Bà chỉ nhằm chế diễu sự bất tài mà thôi. Như thế, có thể coi bài 'Thơ con cóc' là bài thơ duy nhất thành công trong việc nêu bật đặc điểm của những *bài-thơ-thị-nở* vốn ê hề, xưa cũng như nay, trong cũng như ngoài nước.

Tuy nhiên, giá trị bài 'Thơ con cóc' không phải chỉ có như vậy. Đọc bài thơ một cách nghiêm chỉnh như đọc một bài thơ trữ tình và quên đi câu chuyện ngớ ngẩn chung quanh nó, chúng ta sẽ phát hiện ra một số điều rất lạ. Rất lạ...

*Con cóc trong hang  
Con cóc nhảy ra*

...

*Con cóc nhảy ra  
Con cóc ngồi đó*

...

*Con cóc ngồi đó  
Con cóc nhảy đi*

Trước hết, về phương diện kết cấu, bài thơ rất ngắn, chỉ có sáu câu, lại được cắt ra làm ba đoạn. Câu đầu của đoạn sau lặp lại nguyên vẹn câu cuối của đoạn trước. Thành ra, trừ câu đầu và câu cuối, tất cả các câu thơ còn lại đều xuất hiện hai lần, cách nhau một quãng ngắt hơi, một quãng im lặng dài vì là thuộc hai đoạn thơ khác nhau. Cái quãng ngắt hơi ấy tạo ra cảm giác nghiêm trang, trịnh trọng cho cái động tác được miêu tả.

Đây chỉ là một kỹ thuật thông thường khi kể chuyện, đặc biệt những chuyện có vẻ ly kỳ, rùng rợn. Thế nhưng, khác với các câu chuyện ma, chẳng hạn, sau mỗi lần người kể lặng im để tạo tâm thế căng thẳng, hồi hộp cho người nghe hoặc người đọc là một chi tiết bất ngờ, hoàn toàn bất ngờ, bài 'Thơ con cóc', ngược lại, sau mỗi lần ngắt hơi, lại lặp lại nguyên văn những điều đã nói. Điều này tạo nên một cảm giác nghịch lý: nó vừa nghiêm trang, trịnh trọng lại vừa rất nhàm, rất nhảm.

Tính chất nghịch lý ấy lại được nhìn thấy ở một phương diện khác: hình tượng 'con cóc', lặp đi lặp lại sáu lần, chiếm nửa số lượng từ vựng trong bài, luôn luôn đứng làm chủ ngữ trong mọi câu thơ, nổi bật, uy nghi, vừa như một tượng đài lại vừa như một quyền lực. Nửa số từ vựng còn lại chỉ vừa đủ để diễn tả bốn động tác căn bản của con cóc: ở trong hang, nhảy ra, ngồi lại và cuối cùng, nhảy đi. Những động tác này không những nhàm, nhảm mà còn vô nghĩa nữa. Sự vô nghĩa này lại được cố tình trình bày một cách trịnh trọng: yếu tố hài hước của bài thơ được khơi dậy từ đây; lý do chính khiến 'Thơ con cóc' bị coi là điển hình của cái dở nằm ở đây. Và cũng từ đây, chúng ta thấy được chủ đề của bài thơ: nó không phải là bài thơ tả con cóc mà, qua con cóc, bài thơ nói về những sự trịnh-trọng-vô-nghĩa. Sự kết hợp giữa hai yếu tố trịnh trọng và vô nghĩa góp phần mở rộng trường liên tưởng của bài thơ: với loài cóc, chỉ có thể có sự vô nghĩa chứ không có sự trịnh trọng. Trịnh trọng là khái niệm dùng cho con người, một loài vật có trí tuệ và khả năng tự giác để gán cho hành động của mình một giá trị nào đó có khi chính nó không có.

Bài 'Thơ con cóc' nhắc nhở chúng ta một sự thật: cuộc đời là... "*cái nó là*" chứ không phải... "*cái nó được nghĩ là*". Bỏ hết những sự diễn dịch đầy chủ quan, và do đó, đầy ảo tưởng, cuộc đời nào cũng chỉ còn lại vài động tác căn bản, đại khái nhảy vào, nhảy ra, thế thôi. Ừ, thì cuối cùng cũng chẳng ra làm sao cả, tưởng làm được điều gì ghê gớm lắm; té ra, không, chỉ ngồi ỳ một chỗ với áo cơm, với nợ nần, với mộng tưởng, với nhớ nhung lan man, chờ một ngày lại...nhảy đi nữa.

Mà đi đâu?

Bài thơ mở ra bằng một không gian hẹp, xác định và không chừng ám áp lắm: cái hang. Các động từ kế tiếp đều là những động từ chỉ phương hướng, rõ ràng: *nhảy ra, ngồi đó*. Ở câu cuối cùng, bài thơ đóng lại bằng một động từ không phương hướng để mở ra một không gian vô định: *nhảy đi*. Đi đâu? Ai mà biết. Chỉ nhảy đi. Vậy thôi. "*Bể vô tận sá gì phương hướng nữa*" (Vũ Hoàng Chương). Trời đất bao la, ai hơi đâu theo dõi cóc làm gì. Khác với tất cả những từ ở trên kết thúc bằng những nguyên âm mở (a/o), động từ 'nhảy đi' kết thúc bằng một nguyên âm hẹp, hẹp nhất trong các nguyên âm: i...



Nó gọi nhớ con đường đi vào cõi *hư không* mênh mông và tịch lặng, như thế, lại là một con đường hẹp. Và ngậm ngùi. Vô cùng ngậm ngùi.

\*\*\*

Bài 'Thơ con cóc' tràn trụi tuyệt đối. Như một cành gai. Không có đến lá, đừng nói gì là hoa. Nó thô tháp. Nó mạnh bạo. Nó sần sùi. Nó xoá bỏ hết mọi son phấn và loại trừ hết tất cả cảm xúc thừa thãi để bắt người đọc một mình sững sờ đối diện với sự vô nghĩa của cuộc đời.

Không thể có thứ ngôn ngữ nào giản dị hơn thế nữa. Nó có phần giống thứ ngôn ngữ Albert Camus dùng khi viết *Người xa lạ*: rời, tẻ, lạnh, không chỉ những từ thêu thùa, đầy đura mà cả những từ nổi, những từ có chức năng diễn giải, phân tích cũng bị tước hết. Không phải tôi chủ trương văn chương, muồn hay, phải cực kỳ giản dị. Có cái đẹp giản dị và có cái đẹp đài các, đầy son phấn. Ở đây, vấn đề không phải là từ ngữ mà là thái độ: đặc điểm nổi bật nhất của 'Thơ con cóc' là sự tự kiềm chế khi nói đến một chuyện cực cùng bi thảm.

Các nhà phê bình văn học hay đã kích *trường-phái-thơ-thị-nở* vụng về, ngọng nghịu hoặc *trường-phái-thơ-đồ-chiếu* khệnh khạng, lúc nào cũng lên gân, làm thơ cứ như giảng bài mà thường quên đi hoặc có khi đồng tình với *trường-phái-thơ-thuý-kiều* đến nay trong nền thơ Việt Nam, đẹp thì cũng có thể gọi là đẹp, nhưng là một cái đẹp rất sáo, rất cũ, đặc biệt, rất ru em và rất dằm dề. Ru em ở nhạc điệu: lúc nào cũng du dương, cũng nhẹ nhẹ, cũng à ơi. Dằm dề ở cảm xúc: động một chút là thở than, là rơi nước mắt.

Việt Nam không phải là dân tộc duy nhất theo 'đạo' thúy kiều. Đó là hiện tượng khá phổ biến trên thế giới ở thế kỷ trước, gắn liền với chủ nghĩa lãng mạn, xuất phát từ cái nhìn duy cảm, thói quen thi vị hoá và niềm say mê gãi những vết mụn âu sầu trong hồn mình. Thoạt đầu, nó chống lại tính chất duy lý, tính chất quy phạm, sự sùng bái cái đẹp vĩnh cửu và bất biến của chủ nghĩa cổ điển, mở ra con đường mới cho văn học bằng cách đưa ra một cái nhìn mới đối với vai trò của trí tưởng tượng, một thái độ mới đối với thiên nhiên, nhưng càng về sau tính chất sáng tạo càng phai dần, các nhà thơ đi sụt sùi trước những nắm mồ vô chủ, khóc lặng lẽ dưới mưa, ngẩn ngơ khi hoàng hôn xuống, lâu lâu lại gào lên não nột: "*Bữa nay lạnh, mặt trời đi ngủ sớm / Anh nhớ em, em hỏi, anh nhớ em.*"..

Ở Tây phương, người ta từ bỏ thói quen sụt sụt này từ cuối thế kỷ XIX, các nhà thơ trong nhóm Thi Sơn (Parnassians) của Pháp đã chủ trương đè nén cảm xúc và đề cao cái nhìn khách quan trong thơ; từ đầu thế kỷ 20, các nhà thơ thuộc phái Duy hình tượng (Imagism) của Anh và Mỹ đề ra một số nguyên tắc làm thơ, trong đó, về phương diện ngôn ngữ, nguyên tắc đầu tiên là không dùng tính từ, những từ, theo họ, chỉ làm nhão cảm xúc chứ không gọi ra điều gì cả; T.S. Eliot đưa ra quan niệm phi ngã trong thơ: nhà thơ không phải là người có một cá tính để thể hiện mà là người có một phương tiện đặc biệt để dùng: ngôn ngữ.

Riêng ở Việt Nam, chủ nghĩa lãng mạn được du nhập khá muộn màng, từ đầu thập niên 30, từ đó, nó cứ mãi mãi giữ địa vị thống trị trong thơ. Những thành tựu của Thơ Mới đã điều kiện hoá cách cảm thụ văn học của chúng ta. Ý thức thẩm mỹ của chúng ta trở thành hẹp hòi, phiến diện và cứng nhắc. Trong khi nhiều nhà thơ vẫn còn loay hoay dưới bóng của Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử... phần đông độc giả của thơ vẫn mang nguyên tâm trạng và tâm thế của thời 32-45.

Thay đổi một cách cảm bao giờ cũng khó khăn hơn là thay đổi một cách nghĩ, do đó, nói chung, những sự thay đổi trong thơ bao giờ cũng chậm chạp và nhiều trắc trở hơn các lãnh vực nghệ thuật hoặc các thể tài văn học khác. Từ thập niên 20, văn xuôi đã chuyển mình trong khi thơ cứ ì ạch mãi trong lối mòn. Đầu thập niên 30, tiểu thuyết Tự Lực văn đoàn ra đời được hoan nghênh tức khắc, nhưng cùng lúc, phong trào Thơ Mới xuất hiện kéo theo bao nhiêu là tiếng la ó, phản đối, phần lớn từ những người làm thơ hoặc tự nhận là yêu thơ.

Cuối thập niên 70 và không chừng đến cả hiện nay nữa, rất nhiều người trong chúng ta vẫn ngỡ ngàng trước những câu thơ của Thanh Tâm Tuyền. Sau năm 1975, ở hải ngoại, cũng như ở trong nước chúng ta ngỡ vực những cố gắng làm mới thơ của Chân Phương, Đỗ Kh, Bùi Chát, Lý Đợi...Dường như, trong thơ, sau khi lột bỏ chiếc áo tứ thân, cho đến tận bây giờ, đa số trong chúng ta vẫn mặc hoài chiếc áo dài Le Mur, cái mốt của thời Thơ Mới. Thơ, do đó, thay vì là sứ giả của tương lai, lại biến thành một thứ viện bảo tàng chất chứa các di chỉ một thời xưa cũ, cái thời, nói như Thường Quán, trong bài 'Xưa thơ':

*Xưa thơ niềm bình dị nắng trời cổ lục  
Màu gió xanh câu hát níu câu hò  
Chảy mãi suối nguồn núi sông uốn khúc  
Nước đưa người qua bến nắng thơm tho...*

*Chỗ trú của thơ là nơi nào trong tóc bỏ đuôi gà kia thâm lặng  
Nắng thả rơi lên một lá trúc đào.*

Buồn.

## **Cảm hứng, cảm xúc trong thơ**

*Dẫn nhập:*

*" Đêm nay ta nghe sao hôn cục cựa".*

*Một ông anh của tôi khi ngà ngà say thường ngâm nga câu trên. Ông thường bảo tôi: "Chú mày làm thơ hàn lâm lắm!" Tôi hỏi thế nào là hàn lâm, ông chỉ cười. Tôi không đồng ý với ông nhưng rất thích "hôn cục cựa". Dường như nó diễn tả rất đúng trạng thái tâm hồn tôi những lúc bị thơ hành. Thơ thường dựng đầu tôi dậy vào ban đêm, nằm sấp viết, đầu bưng bưng như sốt. Viết dăm chữ, một câu, tắt đèn, chốc chốc bật dậy viết tiếp. Thường tôi ghi lại tất cả những ý tưởng và con chữ bật ra trong cơn sốt ấy, ném vào góc phòng chờ rạng sáng hoặc lúc nào rảnh và có hứng ngồi vào máy vi tính sắp xếp lại, in ra bỏ túi áo mang theo đi làm, đọc và sửa. Để hoàn thành bài thơ, tôi phải sửa nhiều lần, có khi hàng vài tháng vẫn không vừa ý thì để đó tính sau. Cũng có lúc hứng khởi viết liền một mạch, nhưng rất hiếm khi như vậy. Lâu lâu lục lại có những bài bỏ thì tiếc, không đành, nhưng vẫn thấy non nớt, cọt sọt, thì sẽ quyết định số phận bài đó bằng cách "so kiếm". Tức là lục đại một tuyển tập thơ...nào đó, và **đọc thơ là...đọc...thơ...***

*Làm thơ, theo tôi yếu tố quan trọng nhất là cảm hứng, sau đó là kiến thức từ việc đọc và học hỏi bạn cùng mang nghiệp. Tôi nghĩ, tính thơ mộng không còn là yếu tính của thơ hôm nay, mà thơ là sự dấy loạn của ngôn ngữ, hình tượng, ý tưởng, cảm xúc...*

*Với tôi, cảm xúc quyết định sự thành công của bài thơ. Những yếu tố khác như: ngôn ngữ, hình tượng, cấu trúc... đều có chung một nhiệm vụ là bồi đắp và chuyển tải cảm xúc đến người đọc.*

*Không cũ là mới, ai cũng biết vậy. Làm mới thơ! Nỗ lực này như ngọn lửa cháy bùng trên những trang viết của số lớn các nhà thơ nhiều thế hệ, trong cũng như ngoài nước. Trừ số còn lại chấp nhận những thành quả thơ mình như những cựu chiến binh mãn mê mãi những huy chương sau*



*cuộc chiến, hay một lối nói khác, tàn nhẫn hơn nhưng chính xác hơn: những nàng - thơ - tất - kinh trần quý mở gương lược, phấn son ngày còn xuân sắc.*

*Nhưng thiết nghĩ, cái khó là làm sao nhận biết nơi nào là lần ranh chia cách cái cũ và cái mới. Cũ như thế nào là cũ và mới như thế nào là mới. Và còn nữa, cái mới và sự cố tình làm dáng, lập dị. Và còn nữa, cái mới dở và cái mới hay (hoặc chấp nhận được bởi một số người đọc.)*

*Cái mới là cái không giống ai, không là sự lặp lại. Mỗi nhà thơ có một nỗ lực thể hiện bản sắc và cái mới của riêng mình. Nhưng đã chớm có những phản nản từ phía người đọc rằng có nhiều bản sắc, 'cái mới' vô cùng giống nhau. Người đọc rất dễ nhầm lẫn nếu ta bỏ tên nhà thơ A vào dưới tác phẩm của nhà thơ B. Thế là cái mới không còn là mới, bài thơ vẫn là món ăn cũ được gia giảm gia vị và hâm lại phục vụ, làm thỏa mãn một số thực khách dễ tính. Liệu chúng ta có thể dùng khái niệm 'mới mới' trong những trường hợp này? (Ở đây, xin ngã mũ chào chữ "đềm đẹp" của nhà thơ Trần Dần.) Một cách thận trọng và bình tĩnh, người đọc có thể nhận ra những hiện tượng 'cái mới sinh non' này trên những trang thơ hôm nay.*

*Xin được ghi lại đây ý kiến của vài nhà thơ đã thành danh và có những nỗ lực làm mới được độc giả và các nhà phê bình ghi nhận trong những năm gần đây mà người viết có dịp tiếp xúc ở trong nước và hải ngoại. Vì vài lý do tế nhị, xin được phép không nêu danh tánh, bút hiệu của họ.*

*- "Thơ từ ngôn ngữ được thể hiện dưới hình thức chữ viết, thơ mà được thể hiện bằng những chất liệu, hình thức khác không phải chữ viết thì cần xét lại tính chất thơ của các sáng tạo đó."*

*- "Cái mới là cần thiết. Nhưng nhà thơ có tài năng thật sự là người có khả năng hà hơi, phù phép cho những con chữ phập phồng hít thở; mang máu me, xương xẩu của cuộc đời. Còn sự biểu diễn sắp xếp những "xác chữ" có cấu trúc lạ mắt, có âm điệu lạ tai... chỉ là những tiểu xảo trong trò chơi chữ nghĩa. Chưa phải là THƠ."*

*- "Cái mới và sự làm dáng, lập dị chỉ cách nhau một chút tơ sương mong manh. Nhà thơ là kẻ làm xiếc trên sợi tơ sương đó. Chính hấn, với lòng tự trọng và những rung động 'thật' sẽ quyết định cho ra đời, trình làng, bài thơ và cũng là món hàng 'thật', ít ra cũng phải có giá trị với người đọc đầu tiên và khe khắt nhất là chính hấn."*

*- "Thơ cũ thường có vần. Nhưng không vần, không nhạc chưa hẳn là mới. Và lắm khi thơ vẫn nhưng có tứ, ý, chữ... được dùng một cách tân kỳ, hiện đại thì vẫn là mới..."*

*Và bạn đọc thơ, ý kiến bạn đọc như thế nào?*

\*\*\*

Một hiện tượng rất phổ biến trong thơ: hoa giả.

Có hàng hà những bài thơ cứ ngồn ngộn chữ, cứ lấp lánh màu sắc và trầm trầm bồng bồng hơi nhạc nhưng lại rỗng tuếch, không nói lên được điều gì cả. Nó ném xuống ào ạt lá vàng nhưng không làm cho người ta thấy được mùa thu. Nó khua động âm ĩ nhưng không làm thành âm vang của tiếng hát. Nó dựng lên ùn ùn những khói nhưng không tượng hình nổi một làn mây. Nó có dáng dấp của hoa nhưng lại thiếu hẳn một làn hương. Nó có tất cả, trừ một điều: cảm xúc. Làm thơ là một cách thổi một luồng gió. Gió đo mình ở ngoài gió: ở mức độ lá reo.

Làm thơ là một cách tỏ tình. Nói lớn hay nhỏ, dài hay ngắn, bồng hay trầm, nào có quan trọng gì. Quan trọng là ở chỗ người mình yêu có chớp mắt xúc động hay không. Nhà thơ lớn nào cũng đều là những tâm hồn lớn có khả năng thu nhận và rung cảm trước những làn sóng vô từ xa, rất xa, ngoài bản thân họ. Nhà thơ lớn là những hạt muối. Hạt muối nhỏ nhưng chất chứa dồn nén trong mình tất cả những vị mặn chát của đại dương. Nhà thơ lớn là những chiếc lá ngô đồng. Chiếc lá nhỏ hanh hao, bay bay trong gió thổi thóp biết mấy nhưng lại mang trong mình tất cả tín hiệu của một mùa trời đất đang đi.

Lê Hữu Trác viết: "Thơ cốt ở ý, ý có sâu xa, thơ mới hay". Có điều, trong thơ, ý không thể là trần trụi ý, là nguyên chất ý. Ý phải nhập thân vào cảm xúc. Nhà thơ có một ý tưởng. Chưa đủ. Hắn phải đợi ý tưởng ấy làm bông lên trong lòng những luồng sóng vô. Cái nếp nhăn trên trán phải biến thành nếp nhăn trong tâm hồn. Cảm xúc phải dào lên song song với ý. Ý và cảm xúc. Vẫn chưa đủ. Ý và cảm xúc như là gió. Gió vốn vô thanh. Gió phải tìm đến lá cây để động tiếng rì rào. Ý và cảm xúc như là biển. Biển vốn vô ngôn. Biển phải tìm đến đá dựng để cất tiếng thì thầm. Để thành thơ, cần thêm điều kiện nữa: hình tượng. Ý, qua hình tượng, thành rõ ràng hơn. Cảm xúc, qua hình tượng, thành sâu sắc hơn. Ngược lại, nhờ ý và cảm xúc, hình tượng mới bay bổng vào cõi thơ, tạo nên khoảng cách xa lằng lác giữa thơ và vè. Thử đọc mấy câu thơ sau đây của Tú Xương:

*Sông kia rày đã nên đồng  
Chỗ làm nhà cửa, chỗ giếng ngô khoai  
Đêm nghe tiếng ếch bên tai...*

Chỉ là ba câu tả cảnh không có gì đặc sắc. Cơ hồ ai làm cũng được. Thế nhưng đến câu cuối:

*Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò.*

thì mọi sự đổi khác hẳn. Cảnh đồng dường như biến mất. Nhà cửa và ngô khoai cũng dường như biến mất. Còn lại buồn tênh những tiếng ếch kêu. Rồi ngay cả tiếng ếch kêu cũng biến mất. Còn lại, chỉ còn lại ngân nga man mác trong tâm hồn nhà thơ những tiếng gọi đò năm xưa. Không gian im của bức tranh tĩnh vật bỗng lộng vang lên khác ngoài những tiếng gọi đò. Chao ôi, tiếng gọi đò. Tiếng gọi đò vang vang trong đêm khuya.

Tiếng gọi đò vang vang lạnh buốt một vùng Nam Định đang trở mình thay đổi. Thời gian sững lại, xoá nhoà qua khứ, xoá nhoà hiện tại. Nhà thơ, với câu cuối, vừa làm một phép màu: con sông lấp kia lại trở thành con sông lao xao nước chảy như trước. Cái ảo ảnh trở thành có thật. Có thật như nỗi nhớ không người giữa lòng người.

## **Độc thơ là... đọc...thơ**

Nói độc thơ là đọc thơ, tôi muốn nhấn mạnh đến hai yếu tố: đọc và thơ.

Độc?

Thì ai mà chẳng đọc? Nhận định có vẻ hiển nhiên ấy, thật ra, chỉ hiển nhiên, đối với người phương Tây, trong vòng mấy trăm năm trở lại đây; và riêng đối với người Việt Nam, khoảng trên dưới một thế kỷ. Trước, khi chưa có chữ viết, không ai đọc; khi chữ viết chưa phổ cập, rất hiếm người đọc. Ở Việt Nam, trong cả hàng ngàn năm, hầu hết người ta chỉ nói thơ và nghe thơ. Chữ "nói thơ" ấy rất thông dụng ở miền Nam trước kia. Nói theo kiểu "nói Lục Vân Tiên". Nói, ở đây, không phải là ứng khẩu hay ứng tác. Mà, thật ra, là đọc. Có điều đó là cái đọc không có văn bản. Đọc từ ký ức. Và, trước đó, để thuộc lòng, người ta thường cũng không đọc. Người ta chỉ nghe ai đó đọc hay nói. Cả người dạy lẫn người học đều châu tuần chung quanh một sinh hoạt có tính chất truyền khẩu. Điều này không những đúng đối với văn học dân gian mà còn đúng với cả văn học thành văn nữa. Cái gọi là văn học thành văn của Việt Nam ngày xưa thực chất là một thứ văn học bán thành văn và bán truyền khẩu. Tác giả: Có. Tác phẩm: Có. Nhưng do tình trạng in ấn lạc hậu và nạn mù chữ cao, hầu hết các tác phẩm ấy đều chỉ

được lưu truyền dưới hình thức truyền miệng. Ngay đối với những tác phẩm được xem là kiệt tác như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du cũng không mấy người được đọc. Phần lớn người ta chỉ nghe ai đó thuộc lòng tác phẩm đọc. Rồi người ta nhớ. Rồi người ta lại truyền tụng tiếp. Cũng bằng miệng.

Phân biệt nói và đọc như trên cũng có nghĩa là ghi nhận một yếu tính của đọc: văn bản. Trong bốn kỹ năng ngôn ngữ cơ bản của nhân loại, chỉ có đọc và viết là gắn liền với văn bản; còn nghe và nói thì không. Văn bản, trong đọc và viết, không giống nhau hẳn: trong viết, nó được sản xuất; trong đọc, nó được tiêu thụ. Cũng có thể nói, đọc là cách tiêu thụ một văn bản. Bất cứ sự tiêu thụ nào cũng bao gồm hai yếu tố: tiếp nhận và tiêu hoá.

Hãy bàn về chuyện tiếp nhận trước.

Văn bản được hình thành từ hai điều kiện, đồng thời cũng là hai trong vài phát minh quan trọng nhất của nhân loại: văn tự và ấn loát (sau này là mạng lưới). Với hai điều kiện ấy, văn bản có thêm một kích thước mới mà các tác phẩm văn học dân gian không có: không gian. Bình thường, thơ vẫn được xem là một loại hình nghệ thuật thời gian. Giống như âm nhạc. Để đọc, cũng như để hát và nghe hát, người ta phải bắt đầu ở một thời điểm và kết thúc ở một thời điểm khác. Và cũng giống âm nhạc, nó cũng là một thứ nghệ thuật thính giác: Trong nền văn hoá truyền khẩu, người ta chỉ thường thức thơ bằng lỗ tai. Ngay cả khi kỹ thuật in đã xuất hiện, thói quen đọc to để nghe chính tác phẩm mình đang đọc vẫn kéo dài khá lâu. Được thưởng thức bằng tai, không có gì đáng ngạc nhiên, yếu tính của thơ nằm ở nhạc điệu. Vần, nhịp, luật bằng trắc, và, phần nào, cả niêm và đối nữa, được sử dụng để củng cố cái yếu tính ấy. Đọc, chủ yếu là để nghe cái âm vang và độ luyến láy của chữ. Ý nghĩa của bài thơ nổi lên, một mặt, ở ngữ nghĩa, hình tượng, sự hô ứng và độ đối xứng; mặt khác, ở khía cạnh ngữ âm. Các nhà thơ tượng trưng đẩy khía cạnh sau cùng đến cực độ khi chủ trương ngữ âm là yếu tố chủ đạo trong việc tạo nghĩa và làm nên tính thơ.

Được in trên mặt giấy hay được bày trên màn ảnh vi tính, thơ biến chất: nó là một nghệ thuật thời gian nhưng đồng thời cũng là một thứ nghệ thuật không gian. Xin lưu ý: tính không gian (spatiality) không làm tính thời gian (temporality) biến mất. Tính không gian xuất hiện như một bổ sung chứ không phải như một loại trừ. Đọc, người ta vẫn phải quét mắt từ trên xuống dưới, từ trang trước đến trang sau. Tuy nhiên, người ta cũng có thể, cùng lúc, phóng mắt bao quát toàn bộ văn bản để ghi nhận, chẳng hạn, những khoảng trống chung quanh văn bản cũng như những điểm nối từ chỗ này đến chỗ khác, những điểm nối dễ dàng bị bỏ qua nếu chúng chỉ được nghe bằng tai.

Là một nghệ thuật thời gian, phương tiện chủ yếu của thơ vẫn là ngôn ngữ; và sức mạnh chủ yếu của ngôn ngữ vẫn nằm ở nhạc tính; tất cả đều được tiếp nhận và cảm nhận theo một trật tự mang thời tính rõ rệt. Là một nghệ thuật không gian, thơ dần dần có xu hướng phi từ vựng hoá: trong bài thơ không những chỉ có từ vựng mà còn có nhiều yếu tố phi từ vựng, từ các dấu câu đến cách trình bày và cả những khoảng trống chung quanh các con chữ: Tất cả đều là, hoặc có khả năng là, những ký hiệu có nghĩa. Là một nghệ thuật không gian, bài thơ trở thành một vật thể. Có thể nói tính vật thể (materiality) là một trong những phát hiện mới mẻ và độc đáo của giới phê bình văn học trên thế giới trong nửa đầu thế kỷ 20. Không phải ngẫu nhiên mà các nhà Phê Bình Mới của Anh Mỹ thường xem bài thơ như một bức tượng bằng lời (verbal icon) hoặc một chiếc bình được chạm trổ hoàn hảo (well wrought urn). Tính vật thể của bài thơ dẫn đến hai hệ luận chính: Một, tính khả xúc (palpability): người ta có thể nghe, nhìn, thậm chí, có thể có thể sờ chạm được vào văn bản thơ để có thể ghi nhận và cảm nhận một cách cụ thể những chỗ trơn láng hay gồ ghề, sần sùi, thô nhám trong ngôn ngữ và hình thể của bài thơ; hai: tính bất khả thay thế: đọc thơ là đọc văn bản thơ đang bày ra trước mắt chứ không phải bất cứ một cái gì khác, từ những thông điệp mà người ta nghĩ là bài thơ muốn ký thác đến những nội dung có thể tóm tắt được trong vài câu hay vài đoạn. Đó là lý do tại sao các nhà Phê Bình Mới của Anh Mỹ kịch liệt phản đối việc diễn xuôi (paraphrase) thơ.

Là một nghệ thuật thời gian, thơ được tiếp nhận chủ yếu bằng tai. Là một nghệ thuật không gian, thơ cần được thưởng thức bằng mắt. Sự kết hợp giữa tính thời gian và tính không gian đòi hỏi người đọc sử dụng cả hai giác quan hầu như cùng lúc: thính giác và thị giác. Có thể nói, để thưởng thức thơ, người ta phải biết nghe những gì mình thấy. Chữ có nhạc tính, đã đành. Trong thơ, kể cả thơ cụ thể và thơ hình hoạ, ngay những đường nét và khoảng trống cũng cần có nhạc tính. Theo tôi, đó là ranh giới cuối cùng của thơ, điểm phân biệt giữa thơ cụ thể cũng như thơ hình hoạ với hội hoạ. Hội hoạ chỉ có hình, màu và cấu trúc. Thơ, sau hình, màu và cấu trúc, vang lên âm hưởng của chữ. Cảm giác thơ, theo tôi, chủ yếu vẫn là cảm giác về chữ. Tiếp nhận bằng tai là tiếp nhận ngôn ngữ ở khía cạnh cơ bản và nguyên thủy của nó: ngôn ngữ, trước hết, là âm thanh. Ngay cả khi đọc thầm, người ta cũng nghe được sự xôn xao của chữ, cũng cảm nhận được những nhịp văn lúc lên bổng lúc xuống trầm, lúc mau lúc chậm, lúc mạnh lúc yếu, lúc ngân lúc dứt chừa.

Tiếp nhận bằng mắt là quan sát hình thể của các con chữ. Quan sát sự chuyển động của các con chữ ấy. Quan sát cái không gian bao trùm cả bài thơ.

Quan sát chữ không phải là nhìn. Đọc khác với nhìn. Cầm trên tay một văn bản bằng thứ tiếng gì đó, người mù chữ nhìn; người biết chữ đọc. Như vậy, đọc không phải chỉ là nhìn. Đọc là nhìn và giải mã cùng lúc.

Ngôn ngữ, tự bản chất, là một thứ mã (code), làm bằng các ký hiệu. Không có ký hiệu nào tự nó và cho nó cả. Ký hiệu nào cũng là một ký hiệu của một cái gì khác. Ferdinand de Saussure phân biệt hai khía cạnh của ký hiệu (sign): cái biểu đạt (signifier) và cái được biểu đạt (signified). Đọc thơ, bởi vậy, là từ cái biểu đạt đi tìm cái được biểu đạt. Tuy nhiên, như các nhà hậu cấu trúc luận và giải kiến tạo chứng minh, cái được biểu đạt, tự nó, sẽ biến thành cái biểu đạt cho cái được biểu đạt khác; rồi cái được biểu đạt ấy lại trở thành cái biểu đạt cho một cái được biểu đạt khác nữa. Cứ thế, liên tục. Giải mã thơ, do đó, thực chất là quá trình phát hiện các mối quan hệ chằng chịt, phức tạp và hầu như vô tận giữa những cái biểu đạt / được biểu đạt / biểu đạt / được biểu đạt... Phát hiện các quan hệ là phát hiện tính hệ thống của một bài thơ. Bài thơ hay bất cứ một tác phẩm nghệ thuật nào cũng là một hệ thống. Tính hệ thống được biểu hiện qua cấu trúc. Giải mã một bài thơ, bởi vậy, nghĩ cho cùng, là khám phá ra cấu trúc của nó. Cái cấu trúc ấy, trước, theo các nhà Phê Bình Mới và cấu trúc luận, là một cái gì khép kín; sau, theo các nhà hậu cấu trúc và giải kiến tạo, là một cái gì mở, mở đến gần như vô hạn. Mang tính mở, nên cấu trúc không ngừng thay đổi. Khi cấu trúc thay đổi, văn bản tự động trở thành liên văn bản. Khi văn bản trở thành liên văn bản, ý nghĩa của bài thơ bị triển hạn. Triển hạn đến đâu? Không biết. Nó sẽ không có điểm tận cùng nào cả.

Với việc phát hiện ra các quan hệ cũng như tính hệ thống và cấu trúc của tác phẩm, người đọc đi từ tiếp nhận sang tiêu hoá. Tiêu hoá, trong đọc, trước hết là phân tích. Phân tích là lựa chọn, từ việc lựa chọn dữ liệu đến việc lựa chọn phương pháp luận. Với sự lựa chọn như vậy, phân tích biến thành một cách diễn dịch. Và diễn dịch, với mức độ nào đó, có thể nói, là một cách viết lại cái văn bản mình đọc. Đọc là viết-lại, là viết trên cái văn bản đã được viết, là tham gia vào quá trình sáng tạo, là, nói cách khác, trở thành tác giả của cái văn-bản-được-đọc. Xin lưu ý: chỉ là tác giả của cái văn-bản-được-đọc. Cái văn bản ấy chỉ một mình hắn biết. Đọc là viết-lại trong riêng tư, một cách thầm lặng. Mỗi đọc giả là một tác giả thầm lặng. Tính chất thầm lặng trở thành một trong những đặc điểm nổi bật nhất của đọc. Đọc là một cách nuôi dưỡng nỗi niềm thầm lặng: người đọc không những lọt vào sự thầm lặng mà còn hít thở và lớn lên trong sự thầm lặng. Họ được nuôi dưỡng bởi sự thầm lặng. Tập nghe ngóng những âm thanh vang lên từ thầm lặng. Để biết ngậy ngát trước những mùi hương của thầm lặng.

Người ta tiếp nhận bài thơ bằng tai và mắt nhưng tiêu hoá bài thơ chủ yếu bằng tri thức và trí tuệ. Một số người đề cao lối đọc thơ hồn nhiên và ngây thơ, chỉ cậy vào trực cảm. Đó chỉ là một ảo tưởng. Không có cái đọc văn học nào đi ra ngoài những tri thức về việc đọc và về văn học

nói chung. Người ta không thể đọc thơ nếu không biết cái văn bản mình đang đọc là thơ. Không phải ngẫu nhiên mà, ở buổi đầu của các cuộc cách mạng thơ, hầu hết các bài thơ tiên phong đều bị phủ nhận trước khi bị phê phán: Người ta không xem chúng là thơ trước khi chê chúng là thơ dở. Có thể nói, trong trường hợp này, yếu tính có trước hiện hữu, hay, nói theo cách nói của René Descartes, “Đó là thơ, vậy nó được đọc như thơ”. Nói cách khác, đọc thơ, dù muốn hay không, bao giờ cũng là đọc ngược: Ngược về những bài thơ trước đó; ngược đến tận những bài ca dao và những bài hát ru mà người ta nghe từ lúc mới lọt lòng. Con đường ngược chiều ấy càng dài và càng phong phú bao nhiêu, việc tiêu hoá bài thơ sẽ càng dễ dàng và sâu sắc bấy nhiêu. Con đường ngược chiều ấy dài bằng lịch sử thi ca của một nước hay nhiều nước, lại càng tốt hơn nữa: người ta sẽ có nhiều cơ hội để phát hiện, ít nhất, những tính chất liên văn bản trong văn bản của bài thơ ấy: có khi chính những làn sáng hắt từ xa, rất xa, làm bài thơ đẹp hẳn lên. Ngược cả trong lịch sử tư tưởng của nhân loại, hoặc ít nhất, của một dân tộc, về thơ để có thể nắm bắt được những nền tảng mỹ học đằng sau bài thơ và những cách tân, nếu có, mà bài thơ ấy mang lại. Đọc thơ, dù muốn hay không, bao giờ cũng là đọc toả, theo chiều rộng, đến những bài thơ khác cùng đề tài hoặc cùng thể loại; đến những chữ có họ hàng với những chữ trong bài thơ. Nguyên tắc là càng toả rộng ra ngoài bài thơ bao nhiêu thì càng có cơ hội lắng xuống chiều sâu của bài thơ đang đọc bấy nhiêu. Đọc thơ nên đọc nhảy, nhảy về phía trước, phía của tương lai, để có thể nắm bắt được những cái đẹp đang hình thành, những mùa hoa vừa mới chớm, đang còn e ấp trong nụ. Như những người nhạy cảm nhất trong một thời đại thường đọc khi lần đầu tiếp cận với những bài thơ đầu mùa.

Đọc thơ, như vậy, là một sự tương tác. Có vô số kiểu và vô số mức độ tương tác. Tương tác giữa kiến thức và trí tuệ. Giữa kinh nghiệm và kỳ vọng. Giữa ký ức và ước mơ. Giữa lý trí và tình cảm. Giữa óc phân tích và khả năng cảm thụ. Quan trọng nhất vẫn là sự tương tác giữa người đọc và chữ. Sự tương tác này có giới hạn: người đọc không thể thay đổi chữ trong văn bản. Nhưng người đọc có thể tác động lên diện mạo của chữ bằng cách phát hiện những sự tương tác giữa chữ và chữ. Có ba phạm vi tương tác: trong nội bộ một từ hoặc một ngữ (phrase); giữa từ này và từ khác trong một tác phẩm; giữa một từ nào đó trong tác phẩm và những từ khác nằm ngoài tác phẩm, từ trong văn học đến ngoài đời sống. Hai phạm vi sau tương đối dễ hiểu. Tôi chỉ muốn nói một chút về phạm vi đầu: sự tương tác trong nội bộ một từ. Lấy từ “cõi người ta” trong câu “Trăm năm trong cõi người ta” mở đầu *Truyện Kiều* làm ví dụ. “Cõi người ta” là gì? Để trả lời, trước hết phải hỏi “người ta” là gì? Đó là một từ ghép với hai từ tố: “người” và “ta”. Tuy nhiên, để ý mà xem, trong “người ta”, chỉ có “người” chứ không có “ta”: “Người ta” là người khác, những người khác, đối lập với mình. Bởi vậy, người Việt Nam mới có thể nói, chẳng hạn: “Minh nghĩ vậy nhưng người ta thì nghĩ khác”. Có thể nói, “người ta” là sự vong thân của “ta”, ở đó, “ta” bị đè bẹp và cuối cùng, bị hư vô hoá. Khi “người ta” kết hợp với “cõi” thành “cõi người ta”, ngay cả “người” cũng bị vong thân nốt. Thì nghĩ lại mà xem, “cõi người ta” đâu phải “cõi đời” hay “cõi thế”. Chữ ‘cõi’ đã trừu tượng hoá ý niệm “người ta”, biến “người ta” thành một thứ quan hệ chứ không còn là một thực thể. “Cõi người ta” là nơi không có người, chỉ có tính người và tình người; có điều, cả cái “tính” và cái “tình” ấy đều nhuốm chút màu sắc tiêu cực: “Cõi người ta” bao giờ cũng là một *mảnh đất nhiều người lắm ma*, nói theo nhan đề một cuốn tiểu thuyết của Nguyễn Khắc Trường. *Truyện Kiều* mở đầu bằng “cõi người ta”, do đó, cũng là mở đầu một cuộc hành trình đi vào một thế giới bị tha hoá, đầy những nghịch lý và những bi kịch.

Tương tác giữa người đọc và chữ, do đó, dù muốn hay không, cũng dẫn đến sự tương tác giữa người đọc và tác giả. Sau bài thơ nào cũng có một con người. Khi giới lý thuyết và phê bình nói đến cái chết của tác giả, họ không hề phủ nhận tác giả: họ chỉ phủ nhận vai trò của tác giả trong việc quyết định cấu trúc và ý nghĩa của tác phẩm. Tác giả không chết, nhưng tác giả luôn luôn vắng mặt. Viết là tự bôi xoá, là làm cho mình trở thành kẻ vắng mặt. Đọc là đối thoại với một kẻ vắng mặt, hơn nữa, kẻ tự huỷ. Tác giả tự huỷ bằng cách nhập thân vào tác phẩm.



Nhưng tác phẩm chỉ là chữ. Chữ, một phần thuộc về cộng đồng; phần khác, thuộc về lịch sử; và phần khác nữa, thuộc về kiến thức và kinh nghiệm của người đọc. Hệ quả là bức chân dung của tác giả mà người đọc có thể hình dung được bao giờ cũng có, ít nhất một phần, chân dung của người đọc. Từ đó dẫn đến một hệ quả khác: sự tương tác giữa tác giả với độc giả trở thành sự tương tác trong bản thân độc giả.

Đọc thơ là một cách đọc thoại.

Khi đọc thơ, người ta không chỉ đọc thơ. Đọc thơ còn là đọc các cảm xúc và ý nghĩ dậy lên từ chính tâm hồn của mình. Không thể nói được cái đọc nào quan trọng hơn. Cả hai có quan hệ liên lập: không có cái này thì không có cái khác. Theo tôi, việc thưởng thức thơ rất giống việc thưởng thức rượu. Người ta cân nhắc cái ngon và cái dở của rượu ở đâu? Không phải ở cái chai hay cái ly. Cũng không phải ở cái chất lỏng trắng tinh, vàng óng hay nâu đậm... được gọi là rượu. Không, người ta cân nhắc ở cái vị hay cái hậu của rượu còn lại ngay trên chính đầu lưỡi hay vòm họng của mình. Đọc thơ cũng thế: từ phân tích, người ta đi đến tự phân tích, từ văn bản người ta đi vào sâu, sâu hút, trong tâm tư của chính mình.

Nhưng tâm tư không phải là một cối riêng. Ngay chính tâm tư của con người cũng là một sản phẩm của xã hội. Tâm tư nào cũng đầy chữ. Mà chữ thuộc về đám đông. Những âm vang mà bài thơ khuấy động trong tâm tư thực chất là cuộc hoà tấu của văn hoá và thời đại. Đọc thơ, do đó, là tương tác với cả thời đại. Đã có nhiều người nói: Mỗi thời có một cách viết khác nhau. Theo tôi, cũng đúng sự thật nữa, nếu nói: Mỗi thời có một cách đọc khác nhau. Có tuổi-thời-đại của bút pháp. Cũng có cả tuổi-thời-đại của phê bình. Người đọc cũng bị những hạn chế lịch sử không thua kém gì người cầm bút. Để thoát khỏi hạn chế của lịch sử, ở đâu cũng cần tài năng và dũng cảm, do đó, tính tiên phong hay tiên vệ không phải chỉ có, và cần có, ở sáng tác mà còn cả trong việc đọc nữa.

Nói một cách tóm tắt, đọc, trước hết, là tiêu thụ một văn bản, là giải mã và diễn dịch văn bản; sau đó, thông qua văn bản, tương tác với ngôn ngữ, văn hoá, thời đại, với tác giả và với chính mình. Đọc có tính tổng hợp: Nó huy động cả giác quan (chủ yếu là thính giác và thị giác) lẫn tri thức và trí tuệ, nghĩa là, huy động hầu như toàn bộ nội lực văn hoá của con người. Bởi vậy ít có cái đọc nào giống nhau. Cùng đọc một tác phẩm, hai người có hai nội lực văn hoá khác nhau, sẽ thấy những điều hầu như khác hẳn nhau. Khác về chiều sâu. Khác về chiều rộng. Có khi khác cả về bản chất: với người này, nó là một tác phẩm nghệ thuật; với người kia, nó có thể chỉ là một công cụ tuyên truyền hay giải trí. Ngay ở một người, hai cái đọc ở hai thời điểm khác nhau, với những kinh nghiệm và quan điểm khác nhau, tác phẩm cũng có thể có những diện mạo khác nhau. Người ta hay ví một tác-phẩm-được-đọc với dòng sông của Heraclites, nơi không ai có thể tắm hai lần là vì vậy.

Cái thú lớn nhất của việc đọc, kể cả đọc thơ, không chừng nằm ở đó.

Ở chỗ: người ta không thể thực sự đọc cái gì hai lần.

Đi vào thơ là đi vào thế giới của các trinh nữ. Vĩnh viễn trinh nữ.

## Bình thơ

— Rành. Nói chuyện thơ chơi. Nhá.

— *Thơ Lý Bạch hả? Được quá chứ lại. Đáng nói lắm... Ủa! Không phải Lý à? Thế thơ Đỗ Phủ, thi sĩ của dân đen chẳng?* <sup>[1]</sup>

— Không. Thơ Tô Thùy Yên.

— *Nữa!*

— Vâng. Lại Tô Thùy Yên nữa. Quả nhân hữu tật. Tật yêu thơ ông Tô Tử.

- Ông Tô? Thi sĩ của...
- Của loài người.
- *Bạn liệu cái mầm của bạn. Họa tòng khẩu xuất. Ba hoa cho lắm vào.*
- Vào đề ngay nhé:

*“Khuya rồi, nước đã đầy trăng,  
Đi về suốt bãi sông Hằng, gặp ai?  
Lạnh trời, đâu lửa hơ tay?  
Đêm còn, cứ bãi sông này lại đi.  
Thấy gì chẳng, chẳng thấy gì,  
Nước rào, trăng rạt, ta thì mỗi mê...  
Chày khuya, nước ủ trăng ê,  
Uổng công, bãi ấy đi về một ta...  
Mãi rồi trời cũng sáng ra,  
Phần trắng trắng lặn, phần ta ta về.  
Vấn sông, vấn bãi bốn bề,  
Sang đêm, ai nữa đi về, gặp ai”*

- Bài nào vậy?
- “Đi về”.
- *Đi đâu về đâu vậy cà?*
- Đã rõ: “đi về suốt bãi sông Hằng, cứ bãi sông này lại đi, đi mỗi mê, đi về uổng công...”
- *Đi đâu về đâu? Không thấy nói đến.*
- Như thế vấn đề càng rõ.
- *Nhưng con sông Hằng?*
- Hầy. Đây không phải một chuyến đi du lịch, không phải Tây du thỉnh kinh. Bởi nếu thế gặp Hằng Hà ở Ấn-độ Phật quốc tất có màn nhảy xuống tắm một cái tức thì; có đâu cứ qua qua lại lại đi đi về về mãi đến mỗi rồi kêu uổng công? Vậy đừng nghĩ tới tắm tức. Cũng đừng suy ra ý nghĩa xa vời nọ kia, rồi “sụp lạy cúi đầu”: nhọc nhằn đấy, nghe chưa?
- Vả lại, mây gì, nước nào, không phải cái chính. Có phải đi màn ăn, đi tị nạn chính trị đâu mà định rõ phương hướng cùng địa điểm?
- *À há!... Sông Hằng...*
- Không chừng là hằng hữu, là vĩnh hằng v.v... Không chừng thế. Nhưng cái thần của bài thơ, những con mắt của nó mở ra ở những chỗ “thấy gì chẳng, chẳng thấy gì, nước rào sông rạt, nước ủ trăng ê, vấn sông vấn bãi bốn bề...”
- *À há!*
- Ở cái mỗi mê, cô đơn, cái mịt mờ, cái vô vọng, vĩnh viễn bất tuyệt của sự đi về.
- *Vấn đề không phải của riêng một tầng lớp nào nhỉ?*
- Không của dân đen dân đỏ nào cả. Của loài người. Của mọi loài.
- *À. Bạn ba hoa không phải không lý do. Bây giờ chúng ta đi vào cái hay của bài thơ chứ?*
- Bây giờ là xong, còn đi vào đi ra gì nữa?
- *Kìa. Thơ ấy hay ở chỗ nào? tại sao hay? chúng ta đã mở xẻ đâu?*
- Bạn quá đáng. Một người mai mối đầy hảo tâm mang đến giới thiệu với bạn một kiều nữ. Bà mai tính quay lưng để đôi bên tự do trao đổi, bạn túm lại, la toáng lên, đòi bà ta giải thích cho ra lẽ: cô gái đẹp ở chỗ nào? vì sao cho là đẹp? Giải cách nào cho ra lẽ với bạn? Ai đi giải nghĩa được người xinh?
- *Ừa, kỳ vậy?*
- Thôi được. Cho rằng bà mai nọ cố gồng mình trở tài: Cậu xem giùm cái nước da của cô đi: Trứng gà bóc ra là y hệt vậy chứ gì nữa? Cậu coi kỹ cặp nhũ hoa của cô đi. Tôi mến cậu, tôi tiết lộ cái này, cậu giữ kín cho: Kết quả đo đạc cực kỳ chính xác cho thấy: lấy con số chu vi vành tròn ở sát ngực chia cho con số chiều cao từ chân tới đỉnh nhũ hoa thành ra con số đúng tỉ lệ

giữa chu vi và chiều cao Kim tự tháp Cheops! Đúng y chang cậu ạ. Tỷ lệ vàng, cậu ạ. Chính vì thế nó đẹp ngắm không bao giờ chán mắt. Thì Kim tự tháp Ai-cập người đời ngắm mãi mấy nghìn năm, càng ngắm càng thấy đẹp, thấy không? Cậu xem giùm... Cậu xem... Cậu xem...

Bà ta nói đến đâu, bạn gục gặc đến đấy. Nhưng rốt cuộc bạn vẫn ngẩn tò te thôi. Có ai nghe giảng mà nhận ra gái đẹp? có ai chờ giảng mới cảm được gái đẹp? Trong khi ấy, nếu có chàng trai nào — một chàng trai đích thực là trai — nó đi ngang qua, liếc ngang, bắt được cái đẹp của cô gái. Thế là bạn mất toi cơ hội lấy vợ xinh.

— *Đáng tiếc nhỉ?*

— Tiếc cái gì mà tiếc? Bạn chẳng nhận ra cô ấy đẹp, bạn chẳng phân biệt đẹp xấu thì việc gì mà tiếc? Cô nào cũng như cô nấy thôi. Bạn cười nàng Lọ Lem có phải đơn giản chuyện đời không?

— *Này. Không được nói thế nhé.*

— Dắt vợ Lọ Lem dạo quanh ao rau muống mà ngắm cảnh. Hợp lắm.

— *Đã bảo không được nói thế. Cấm.*

— Đồng ý nói thế là nhảm. Làm thế càng nhảm. Cũng như nghe tán huyên thiên về ý nghĩa, rồi cứ ôm thơ dờ mà đọc. Nhảm lắm.

Tôi không nói nhảm nữa. Bạn cũng đừng đòi giải nghĩa gái đẹp, giải nghĩa cảnh đẹp nữa, nhé!

— *Hừm. Du ngoạn vẫn phải có hướng dẫn, có thuyết trình...*

— Là thuyết trình về lai lịch, về các đặc điểm của cổ tích, của thắng cảnh cơ. Còn bạn bắt các cô hướng dẫn viên giải về cái đẹp của nắng sáng ở Hàng Châu, mây chiều ở Giang Nam v.v..., các cô lần lượt mất "rộp" hết trơn. Bạn thấy đẹp thì bạn ở chơi; bạn không cảm thấy gì, bạn được phép ngáp lên ngáp xuống một hồi, rồi lên xe về khách sạn ngủ.

Các cô hướng dẫn không giải thích, các ông thi sĩ cũng không hề giải thích cho bạn đâu:

*"Hoàng Hà viễn thượng bạch vân gian  
Nhất phiến cô thành vạn nhận san"*

Vương Chi Hoán bày ra trước mắt bạn bốn món: sông vàng, mây trắng, thành lẻ, núi cao. Thế thôi. Bạn thấy cảnh ấy là đẹp? Tốt! — Bạn chẳng thấy gì? Mặc xác bạn. Không có ông bà thi sĩ nào chịu khó lải nhải nói thêm cho rõ tại sao cô thành hợp hơn liên thành, tại sao ở đây núi phải trùng trùng muôn trượng v.v... Cảnh đẹp, để yên cho nó tự đẹp. Giải thích giải thích là trò rối của kẻ lảm mồm. Ích gì? Nếu quả có ích lợi, ở đời đã có nghề dành cho hạng chuyên viên đi dạy cách xem gái đẹp và cảnh đẹp. Cũng là tăng thêm ý vị cho cuộc nhân sinh nhiều chứ, không sao?

— *Lảm mồm là bạn. Nói cho lảm vào, bạn làm rối vấn đề. Thơ văn, sao có thể ví với cảnh với người? Cảnh nọ người kia, là những cái tự nhiên. Do trời. Cảnh với người hình dạng thế nào, không do sự xếp đặt tính toán của ai cả. Đã không có bố trí thì không thể đem các nguyên tắc bố trí ra mà cắt nghĩa. Đã tự dựng thành, hình kia dáng nọ không có chủ ý dàn dựng, thì không thể suy tìm một chủ ý, một nguyên tắc, một dụng tâm thẩm mỹ nào trong đó cả.*

*Còn thơ văn do con người làm ra. Tại sao chọn chữ này mà không chọn chữ kia? tại sao dùng thể này mà không dùng thể khác? tại sao rút ngắn chỗ này, kéo dài chỗ nọ v.v... Phải luận cho ra lẽ chứ? ra phải trái chứ?*

— Hầy. Ông Cao Thắng bắt được cây súng tây, tháo từng bộ phận ra xem, hiểu hết máy móc; hiểu rồi, ông làm ra được súng, bắn đoàn đoàn, Tây mất mạng lãn kênh. Phân tích thơ, tháo gỡ từng câu từng chữ ra xem xét tường tận, hiểu hết lý do cái hay của thơ, kết quả có được như hiểu súng chẳng?

Cụ Nguyễn Du viết xong cuốn *Kiều*, cụ vất nó ra cho thiên hạ mua vui. *Kiều* nằm tênh hênh giữa cõi đời tạt nạt này ngót hai trăm năm; biết bao nhiêu kẻ táy máy đã sục sạo moi móc khắp cùng, tha hồ phanh phui mọi chỗ hiểm hóc không ai che đậy. *Kiều* dài dầu đến thế. Kẻ sĩ



trong thiên hạ lại không thiếu hạng có tài thuồng của người làm của mình. Vậy mà bạn đã gặp người Cao-Thắng-văn-nghe nào sản xuất được súng *Kiều* tân chế chưa? Bạn không có ý định kể tên *Đoạn trường vô thanh* đấy chứ?

— *Thế bạn bảo làm thơ là do phép thần thông, vô phương thấu hiểu, bảo thơ văn không phép không tắc gì cả à?*

— Bạn là kẻ giỏi giang, ham mê lý luận, tôi chưa có cái may đọc thơ văn của bạn. Người nhà quê, cô đi cấy cậu đi cày, từng làm ra vô vàn thơ ca hò hát, tình tứ hay ho muốn chết; họ không rành một phép tắc nào cả.

— *Thế bạn nhất định thơ văn không phép tắc? Có, hay không? Bạn đừng ỡm ờ. Thơ là công trình của người hay của Trời? Bạn trả lời dứt khoát tôi xem.*

— Có Trời mà cũng có ta. Phần của Trời, không xía vào được. Phần của ta, dành để tán dóc cho vui.

Này, trước khi phóng tay làm một bài thơ phải có một cái tứ thơ, phải không? Đó hoặc là một ý tưởng, hoặc một cảm xúc, hoặc một tình cảm v.v... Cái này lấy từ đâu ra? tra cứu cách nào cho ra cái tứ thật cao giá, thật xuất sắc? Không được. Cái tứ thường tự nó “nảy” ra. Thoắt cái, từ đâu đó nó nảy ra bất ngờ vậy thôi. Để diễn tả tính cách đột ngột ấy, người ta dùng những chữ cảm hứng, chữ “*inspiration*”. Vu vơ, bất định.

Thi tứ, nó như ông Từ Hải. Tung tích ở đâu không rõ, bỗng nhiên “khách biên đình” xuất hiện. Và làm chủ bài thơ. Nó không phải chỉ là một cái đầu đề: Đi về, Thu điếu, Đây thôn Vĩ Dạ, Tống biệt hành v.v... Nó xuất hiện và khống chế toàn bài thơ: ý thơ, không khí bài thơ, lời lẽ nhịp điệu thơ v.v... Nó chỉ đạo tất cả. Và nó ở ngoài mọi tính toán của tác giả.

— *Á à. Bạn muốn nói đó là phần của Trời? Được rồi. Sau đó đến công việc thực hiện ra bài thơ. Tác giả trở tài, vận dụng kỹ thuật, ứng dụng các phép tắc... Đây là phần của ta chứ gì?*

— Mừng lắm. Phần nọ phần kia, bạn phân tích như thế là đúng. Đúng chút chút. Thật ra khó có phép tắc nào đưa tới những câu: “Gió theo lối gió mây đường mây, Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay... Lạnh trời đầu lửa hơ tay... Nước rào trắng rạt ta thì mỗi mê, Chầy khuya nước ủ trăng ê, Uổng công bãi ấy đi về một ta” v.v... Kể thông thạo luật tắc tính toán cách nào cho ra câu cán như thế? Vẫn bắt được của Trời thôi, bạn ạ.

Chủ trì toàn bài là một cái tứ lớn. Mà mỗi câu cũng do một tứ, mỗi chữ cũng một tứ, nhỏ nhỏ. Mỗi thành công cục bộ đều do một cái tứ hay ho.

Chủ trì toàn *Truyện Kiều* là một cái tứ lớn. Nhưng nếu không có những câu tài tình “Lơ thơ tơ liễu buông mành”, “Vàng trắng ai xẻ làm đôi, Nửa in gối chiếc...” v.v..., nếu không có 3254 câu thơ tuyệt vời thì còn ra cái gì. Mỗi câu như thế đều là một sáng tạo cả. Bộ bạn tưởng cụ Tiên Điền chỉ cần bắt được ý lớn, xong giao việc “thực hiện” cho một thợ thơ, sau khi dặn dò chỉ vẽ phép tắc ngón nghề cho cặn kẽ là được sao? Tứ của Nguyễn Du mà giao cho Nguyễn Diệc “thực hiện” thì cuốn *Kiều* bị vất vào sọt rác từ khuya. “Thực hiện” chính thị là công việc sáng tạo, là nghệ thuật đấy. Chưa hề có phép tính nghệ thuật. Lại Trời nữa, bạn ơi!

— *Tứ lớn bắt được, tứ nhỏ cũng do bắt được. Bạn nói nhằm vừa thôi chứ. Văn thơ rốt cuộc chỉ là trò may rủi hên xui thôi sao?*

— Đâu có. Làm gì có cơ hội đồng đều cho mọi người! Lộc Trời không hề rải xuống lung tung. Không phải hôm nay ông này bắt được một tứ thơ lạ, ngày mai cô kia có thể chộp trúng ý hay. Không có chuyện lung tung xoe như thế. Một mình ông Lý Bạch ngày nào cũng vớ được cái xuất sắc; còn các ông Lý Hắc, Lý Hồng, Lý Lục, và cả ông Lý Tía nữa, hễ chơi với quơ tay ra toàn tóm phải cái nhảm. Trời không tổ chức xổ số. Phạm ý hay tứ đẹp cảm xúc tinh vi tế nhị thường chỉ đến với những ai có phần có phước. Tức những kẻ nào có xu hướng tâm hồn, có tính tình, có sở kiến sở văn sở học thích hợp, có thân thể, truyền thống thích hợp, có kiến trúc sinh lý, có tạng phủ thích hợp v.v... Người hăm hờ lạc quan như ông Reagan khó bắt nhằm tứ

thơ nước ử trăng ê. Người hơi bạo tính như cô nàng Madonna chắc chắn không mấy khi nảy ra cái ý đêm đêm đi về suốt bãi sông Hằng tới mỗi mê...

— *Tốp! Cứ lan man như thế biết bao giờ xong chuyện? Thế tú lớn tú con đều do Trời gieo xuống bất thần, vậy đâu là phần ta đóng góp?*

— Khi cầu cơ, thì thần tiên giáng bút từng bài thơ làm sẵn, hoàn tất. Thành thạo cũng có trường hợp một vài thi sĩ bảo có lúc nằm mơ chính tai mình nghe nguyên vẹn những câu thơ tuyệt diệu, thức dậy quơ bút chép lại. Đó là chuyện lạ.

Chúng ta nói chuyện thường. Thường thì khi thi sĩ chú tâm vào đề tài gì sẽ có nhiều ý, nhiều chữ, nhiều tiếng, nhiều cách diễn tả khác nhau nảy ra, kéo xô đến trình diện. Nhà thơ điếm mặt, chọn lựa, xếp đặt dạng thức trình bày thích hợp.

— *Có phải ý bạn muốn nói ở giai đoạn này nhà thơ giữ vai chủ động, tự do sử dụng các yếu tố được cung cấp...*

— “Dieu propose, l'auteur dispose”. Trời chỉ gợi ý, tác giả toàn quyền quyết định. Khởi sự tại thiên, thành sự tại nhân.

— *Bạn phách lối, phạm thượng.*

— Tuy nhiên Trời vẫn không xô số. Lờ hay ý lạ kéo nhau đồng đảo, chen lấn nhau trình diện ông Nguyễn Du. Trước bàn giấy ông Nguyễn Diệc, khách khứa lơ thơ. Thẩm thức ông ta lại yếu, ông chọn lựa sai lầm, xếp đặt vụng về v.v...

Thành thử cái tự do của ta cũng chút chút thôi. Bất quá để làm nên sự phân biệt khéo vụng thôi. Cái đẹp không được quyết định ở đây.

— *Quá trình sáng tác qua các giai đoạn, bạn nói cứ vanh vách như nắm giữ cả thiên cơ! Như thế là thế nào? Ai có thể tin được một lối leo lẻo vô trách nhiệm như vậy?*

— Đừng tin cả. Tôi... tôi chẳng qua chỉ suy diễn, ước đoán. Nên tin chút chút. Trái lại, nếu bạn tuyệt đối không chịu tin tí nào, thì tôi nghĩ chơi. Vì bạn thuộc phần tử cực đoan, bạn cực đoan như ông Buchanan. Không tốt.

— *Nói chuyện với bạn mất cả thì giờ. Nói mãi một lúc vẫn không biết bài thơ đẹp ở đâu.*

— Bất cứ nói chuyện với ai, bao lâu, cũng không biết được cái ấy. Thơ đẹp như gái đẹp. Thấy hay không thấy, tự mình. Không giải được. Tùỵ tạng người: Kẻ thích gầy người thích béo, kẻ hợp với vẻ sần muện người ham tươi tắn...

— *Tắt một lời. Bỗng dưng có dịp gặp bài thơ hay, làm thế nào?*

— Chỉ đọc, không nên làm gì khác.

Thơ đẹp như gái đẹp. Hoặc nhất kiến bị cú sét đánh: bắt ngay, mê ngay. Hoặc như lửa gần rơm, chung đụng chầy ngày, cứ dần dần ngộ ra, đâm mê mẩn. Ngoài ra, đừng làm gì cả.

— *Thế... thế ngộ lỡ gần gũi chung đụng mãi mà lửa nó không chịu bén rơm...*

— Ở hay! Sá gì cái thơ cái thần mà cứ đeo đẳng mãi, ai chịu thấu? Vứt bỏ nó đi, xa lánh hẳn nó đi. Tìm những cái khác: Truyện ông Đác-ta-nhăng, truyện ông Lệnh Hồ Xung, truyện điệp viên 007, v.v... mà đọc. Tìm sách tiểu lâm, sách bí mật phòng the mà nghiên cứu.

Ngộ cấp kỳ, lo gì?

\*\*\*

*( Xin xem phê bình thơ trong bài tiểu luận của Hoàng Ngọc Hiến qua “Thơ, thi pháp & chân dung” của Đặng Tiến ở trang 82)*

Hạ văn chương

## Vương Văn Quang

Gần đây, trong sinh hoạt văn chương có một vài sự kiện hay hay. Nó khiến cho cái không khí buồn tẻ của văn đàn sôi động lên phần nào. Ví dụ như trong bài *Trò chuyện với hoa thủy tiên* (\*) tôi thấy nhà văn Nguyễn Huy Thiệp viết một câu rất chí lý: “*Nghệ thuật đương đại, xét cho cùng chính là nghệ thuật suy đồi. Hy vọng rằng trên những bãi cứt suy đồi ấy sẽ mọc lên kỳ hoa dị thảo như hoa cứt lợn chẳng hạn*”. Với “*sự kiện Hoa thủy tiên*” người ta gọi đây là “*tranh luận văn chương*”, nhưng theo tôi, từ bài “*khai pháo*” cho tới bài “*phản pháo*” đều ở dạng “*tranh cãi văn chương*” hay đúng hơn là “*cãi vã*” (mà người viết này có tham gia). Bởi vì trong đó hoàn toàn là những ý kiến chủ quan, cảm tính, không hề có một chút học thuật, cơ sở khoa học nào. Thứ “*văn chương cãi vã*” này hoàn toàn vô bổ cho sự phát triển văn học. Nhưng nó lại có tác dụng gây không khí vui vẻ, sôi động, như kiểu thư giãn ấy mà.

Hôm rồi, lợ mợ lên mạng lưới vớ được bài *Thơ và chúng tôi không làm thơ* của Lý Đợi. Đọc xong, thoạt đầu tôi thấy buồn cười, sau đấy tôi nhận thấy có một số vấn đề cần “*cãi vã*” với anh Lý Đợi.

Để khẳng định cho cái dòng “*Thơ Việt trẻ tại Sài Gòn*” đầu tiên anh kể ra món “*Mùa hoa đỏ lè*” của Bùi Chát. Vâng, tôi hoàn toàn đồng ý với anh: “*Mùa hoa đỏ lè*” hoàn toàn là của anh Bùi Chát. *Bùi Chát* không đạo văn, tất nhiên. Tôi không cần biết cái phương pháp *pastiche*, *collage* hay kính thưa các kiểu trường phái như *da da*, *lập thể*, *siêu thực* hay *tân hình thức* với “*cách tân, phá vỡ truyền thống*”...ra sao. Tôi cũng chẳng cần biết các anh cường chế hay...*cường dâm* thế nào. Bởi vì thứ thơ này tôi (và các bạn tôi) đã làm từ lâu rồi, cách đây hơn hai chục năm, khi còn học cấp một (lớp 3, lớp 4).

Anh thử thường thức nhé:

*Học đi em, học đi mà chữi già  
Bố mẹ ta già cả  
Không đánh được ta đâu  
Ta bóp cổ chị dâu  
Chặt đầu thằng anh rể  
....*

Nguyên bản là:

*Học đi em, học đi mà nhớ mãi  
Quê hương ta một dải  
Từ mũi Cà Mau  
Tới đạ cầu Móng Cái  
...*

Vì thời gian đã quá lâu, tôi không còn nhớ được trọn vẹn nguyên bản và tác giả. Thời đó chúng tôi gọi là thơ xuyên tạc, anh Đợi ạ. Cái thứ này chúng tôi chỉ dám đọc thì thầm với nhau rồi cười rích rích thôi. Nếu để thầy cô giáo nghe được có khi bị đuổi học đấy.

Những bài thơ thứ hai, thứ ba anh dẫn ra, với những thuật ngữ đi kèm, nào là *concept*, nào là *decentering*, nào là *consumptive* v..v.. nghe đến ù hết cả nhĩ. Nhưng xin thưa với (các) anh, rằng chẳng cần đến những thuật ngữ đó thì cách đây hơn hai chục năm chúng tôi đã làm thơ thể loại này rồi.

Anh lại chịu khó nghe nhé:

*Càng vố càng vu  
Chè tu càng tít  
Đánh địt rất hay  
Hay, bay bướm  
Chơi quay rất thích  
Cái xích rất căng  
Cây găng xanh tốt  
Bớt, thốt nốt  
Ca-bớt thổi um  
Công tum, Đắc lắc  
Ta sóc lọ xuống  
Cờ trường đánh rằm  
Pu...ùu..m*

Anh Đợi thấy không, bài thơ cũng đầy ý niệm ảo đầy chứ. Thế thì thơ các anh đâu có mới, lại càng không phải thơ trẻ. Bởi tôi (và các bạn) sáng tác những cái thứ đó từ khi 8, 9 tuổi. Chỉ có điều tôi (và các bạn) khác anh một chỗ:

Chúng tôi không coi đó là tuyệt tác. Càng không bắt ai phải công nhận mình.

Các quan điểm của anh Lý Đợi rất là đáng khâm phục. Nó cho thấy anh có vẻ là mầm mống của một thiên tài. Anh không muốn tiếp nối một ai, anh không cần đến hệ quy chiếu nào, anh phủ nhận mọi giá trị cũ kỹ. Quý hóa quá! Nghệ sĩ phải vậy. Nhưng sao anh lại viện đến lăm thuật ngữ, trường phái này nọ thế. Anh đã sáng tạo nên những giá trị mới, vậy anh phải dùng thuật ngữ của chính anh, để tuyên ngôn cho cái trường phái thơ của anh. Vậy mới oai. Còn vẫn phải nệ vào mấy thằng Tây, thằng Tàu thì xem ra anh cũng chỉ là kẻ học đòi “a dua lòn loẹt” mà thôi.

Anh Đợi viết: “Nguyễn Huy Thiệp (nhà văn và những người ham đọc thơ) thì đọc đến thơ của Phan Huyền Thư là đã lè lưỡi, đá ra quần, không phải là họ thiếu nhiệt tình “ủng hộ cái mới, cái khác, cái trẻ”, mà thậm chí nhận thức của họ chỉ đến đó, cái ngưỡng tri kiến và tuổi tác rất ngại, rất khó để vượt qua, kịch bờ tường, và họ cố thủ”.

Ghê quá anh ạ. Mới rờ vào Phan Huyền Thư, tôi (những người ham đọc thơ) và nhà văn cỡ Nguyễn Huy Thiệp *đã lè lưỡi, đá ra quần*. Cũng may, tôi ít đọc thơ anh (và các bạn), và có lẽ từ nay nếu cứ nhìn thấy tên Lý Đợi thì phải cẩn thận tránh xa, nếu không sẽ phải *bịt lỗ đít* (chữ của anh) vì sợ ỉa ra quần. Đọc thơ mà phải đến phọt cả cứt thì ngại quá, anh Lý Đợi nhỉ?

Nghệ thuật nói chung và thi ca nói riêng thật bao la, không biết đâu là tuyệt đích. Người làm nghệ thuật cũng thật khó xác định mình đứng ở vị trí nào (So với ai? So với cái gì?). Những so sánh trong nghệ thuật luôn tương đối. Vậy mà anh Đợi cho những người như nhà văn Nguyễn Huy Thiệp và những người ham đọc thơ là “thậm chí nhận thức của họ chỉ đến đó...khó vượt qua...kịch bờ tường...”. Anh Đợi tự đặt mình cao vượt hơn người khác. Thật phi lý và lố bịch quá anh ạ.

Trong nghệ thuật, anh có thể tìm tòi, thể nghiệm. Anh không cần đến hệ quy chiếu nào cả. Muốn làm gì cũng được. Cái đó tốt thôi, làm nghệ thuật cần tự do tuyệt đối mà. Nhưng không nên bắt người khác thích cái của mình cũng như chê bai rửa xả cái của người khác. Anh đã không cần đến hệ quy chiếu nào cả thì tại sao lại bắt người khác soi vào anh. Anh cứ việc thủ dâm đi, nhưng chỉ mình anh sướng thôi, sao anh lại bắt chúng tôi sướng cùng.

Văn thơ là một rừng mênh mông, thừa chỗ cho mọi người. Cổ thụ, cây nhỏ, cây leo, cỏ cây đều có chỗ để tồn tại mà. Sao cứ đòi “khép lại sự nghiệp văn thơ” của người khác làm gì? Thế hệ @ cùng với nhóm thơ nữ 8x, sau đổi tên là Ngựa Trời với Lynh Bacardi, hoặc giả như chị Phan Huyền Thư, hay nhóm “Mở miệng” ở Sài Gòn, họ chỉ...”mở miệng” chuyện thân xác và giở lòng chiều. Thẻ tài nào cũng vậy, các anh các chị cứ viết cho thật hay coi, dầu ở đâu, sống ra sao, người thường ngoạn cũng đón nhận hết, sao lại phải rầy rà đưa ra những khái niệm, những hệ quy chiếu “vô thức”, “cõi tự nghiệm”, “phi thời gian”, “dự báo thời tiết”, “bên kia bờ vũ trụ” với...”nghệ thuật đương đại”.

Với cái dòng “*Thơ Việt trẻ tại Sài Gòn*”, tiếp đến với Bùi Chát không chịu chật chội, tập trung nhiều về hình tượng và họ chú trọng trong việc chặt lọc kỹ càng con chữ để diễn đạt các hình tượng đó. Một số nhà thơ họ trình bày thơ theo dạng, hình thể, với những...”ảo giác”. Qua những thuật ngữ, trường phái này kia thì thực ra từ xưa, Apollinaire đã làm thơ “xếp hình” trong *Calligrammes*, gần đây đã xuất hiện hypertextes và nhiều kiểu cách tân khác chứ chẳng phải sáng tạo nặng “dose” gì cho hợp với cảm quan thời hậu hiện đại!...

\*\*\*

Có một người bạn phóng viên kể chuyện với tôi, rằng trong *Đại hội những cây bút trẻ phía Nam*, họp hồi cuối năm ngoái, khi được hỏi về thơ có vần, thì hầu như các nhà thơ trẻ đều nhếch mép cười khinh bỉ. Sao thế nhỉ? Bản thân vần điệu đâu có xấu? Tôi chợt liên tưởng, không biết các nhà mỹ thuật trẻ của chúng ta, họ có nhếch mép khinh bỉ khi nói về hội họa, điều khác thời Phục Hưng chẳng.

Người bạn phóng viên kể tiếp chuyện *Xem tranh* ở Hà Nội mới đây, chuyện rằng:  
*Có một anh họa sĩ trẻ, một ngày xấu giờ bỗng bị con ma màu ám. Thế là lao vào vẽ. Say lắm, bốc lắm, quên ngủ quên ăn, có ngày vẽ mấy bức.*  
*Bạn bè đến xem, đa phần chẳng hiểu gì vì có phải ai cũng hiểu tranh đâu, vì đây không phải tranh trường phái da da, siêu thực hay hiện thực mà là tranh hậu hiện đại, tân hình thức. Và (lại càng) có phải ai cũng hiểu thiên tài đâu? Chỉ cần gặp một chuyện là đã vỡ mẹ nó đầu rồi. Trong trường hợp này, là cả hai.*  
*Thế nên, có người hỏi những câu ngu ngốc như:*  
*- Đây là cái gì?*  
*Anh chỉ cười bí ẩn. Sau một nên anh không cười nữa, chỉ giữ bộ mặt bí ẩn.*  
*Giữ bộ mặt bí ẩn cũng mệt. Nên một hôm, trước câu hỏi ngu ngốc, anh buột ra:*  
*- Cái buổi!*  
*Một cách nói rất nghệ sĩ. Rất hậu hiện đại. Rất tân hình thức.*

\*\*\*

*Trong đám người thường ngoạn trầm trồ. Ủ ờ nhỉ, rõ quá rồi. Đây này, vươn lên đây này. Chỗ này chẳng là cái chỗ phình ra à. Còn đám màu rối tinh rối mù chẳng phải đám mao? v..v..và v..v.. Thế là ran lên những lời tán tụng.*  
*Những kẻ bạo mồm nhất, dùng ngay cách nói rất nghệ sĩ của anh:*  
*- Vẽ buổi mà đến thế thì tuyệt tác.*  
*- Đây là buổi mà như không ấy nhỉ?!*  
*- Đây đâu phải buổi thường, đây là buổi thăng hoa!*  
*v..v..và v..*

*Bỗng có một tiếng cất lên:*

- Về như buổi ấy!

\*\*\*

Tôi biết qua “4 khuôn mặt thơ Bắc Hà” cũng như có biết sơ sơ các nhà thơ trẻ Sài Gòn (biết tiếng). Nhưng tôi chẳng quan tâm tới thơ các anh, các chị lắm. Tôi không dám chê. Tôi cũng chả khen. Chẳng phải “...không dám nhìn rộng ra, sợ ảnh hưởng tới nhận định xưa cũ và bảo thủ của mình” mà chỉ đơn giản vì tôi không thích.

Cuối cùng tôi có mấy “nhời” muốn chia sẻ các anh các chị TRẺ, rằng trong nghệ thuật, luôn tìm tòi đổi mới là nhu cầu nội tại, một đòi hỏi tất yếu của nghệ sĩ. Nhưng trong nghệ thuật nói chung và văn chương thi phú nói riêng, bên cạnh cái “mới – cũ” thì cái “hay – dở”...”xấu - đẹp” cũng không kém phần quan trọng. Và không phải nghệ sĩ nào cũng đạt được điều đó. “Lập thân tối hạ thị văn chương”. Không hiểu cái ông Ta, ông Tây, ông Tàu đã thổ lộ câu này? Câu nói này có từ đời tám hoánh nào rồi, nhưng sao tới nay nghĩ vẫn thấy đúng. Văn chương, thi phú...rất là trò vớ vẩn.

Kẻ viết bài này vốn dĩ bất tài, làm gì cũng hỏng. Đã mấy lần tầm sư học...mồ chó, nhưng đều thất bại. Nếu không, giờ này đã có mặt ở chợ Ông Tạ, hay đầu cầu Thị Nghè, gúp vui cho các bạn nhậu. Thế chẳng phải làm đẹp cho đời sao? Nhưng lực bất tòng tâm, nên phải cắm mặt vào bàn phím thế này. Thật đúng là giờ ì ạch!

(\*) “Trò chuyện với hoa thủy tiên” xin đọc  
“Con đường của nhà thơ” của tác giả  
Nguyễn Huy Thiệp trang 87.

## Phụ đính chùm thơ Lý Đợi và Bùi Chát

### Rau muống luộc của Bắc kỳ

Lý Đợi

Sống ở Việt Nam ăn rau muống luộc là tốt nhất  
luộc là tốt nhất  
luộc là tốt nhất  
luộc là tốt nhất...

### Mở miệng

Bùi Chát

Làm sao được  
Thèm thịt chó nhưng  
Chúng tôi nhớ thịt người

Từ Nước                      Những khúc ca  
Xứ bò cạp trên bình thủy                      Bể  
Cái chân chạm đất

Chúng tôi bắt đầu                    Thế giới  
Hàm răng hô  
  
    Rồi  
Đôi môi mọng nhọn  
Thế là  
  
    Ăn cháo để  
Đánh bộn gieo hạt

chú:

- Dạng thơ trình bày của tác giả được giữ nguyên mẫu

## Hà Nội đêm phải gió

*Bùi Chát*

mỗi ngày  
tối năm  
đít mềm  
& ấm  
cũng có lúc vú mát & săn  
lưỡi lè cứng những phương trời thổn thức  
thì không  
  
đầu tôi có sợi tóc vừa mới bạc  
(thì cũng từ ngày đẹp cảnh sát bình xuyên)  
đầu ngực em thâm vuông bốn cạnh một pháo tháp  
một đôn tây lô cốt bỏ hoang  
trời trở lại dưới nịt vú & đằng sau lần áo mỏng  
(ừ thủy lô cắm vận cảng hải phòng)  
lý dợi – bùi chát\* vai ngang & kissinger miệng rộng  
  
hà nội  
vào giờ đồng cô về nhà cạo lông chân  
& bán xôi lục lạc vào thành phố  
  
đêm hà nội váy chùng  
em đít ấm & tôi dương vật ngóng



ai ngờ đít nóng cho nên cặc phỏng

vì bất cẩn nên thất nghiệp vài tuần\*\*

mặc quần  
rất khó

-----

chú:

\* lý đơi tên thật: hà văn bầy & bùi chất: bùi quang viễn ==> lý đơi - bùi chất vai  
ngang tức Bầy Viễn vai ngang

\*\* phỏng quá nặng

## Hà Nội 1000 năm

Lý Đơi

Thăng Long ơi?

Hu, hu, hu...!

## Cà Phê Muối

### Phí Ngọc Hùng

Càng có tuổi càng đốc chứng gì không đâu chả biết nữa, như nghe hơi nôi chỗ ở chỗ này chỗ kia có cây Nhật lùn già cỗi, cái đĩa cổ tự trăm năm, là thế nào cũng lần mò tới sẫm soi sờ mó. Sau đấy tính về ngủ cho béo mắt, nhưng người cứ thủng ra vật vờ đêm khuya trần trọc với những thôi thúc, giảng co và cuối cùng cũng đành khuân cái của móc ấy về giữ như giữ mã tổ cho chặt nhà chặt vườn. Đầu đó lại thêm cái bệnh trái nắng trở trời nữa mà các cụ gọi là của người phúc ta... Như thấy bằng hữu có cuộc tình nào bỗng bênh nổi trôi một chút, cái đầu lại chộn rộn với “*buồn trông con nhện giảng tơ...*”, rồi ôm rơm rậm bụng với giấy trắng mực đen, quều cào ngậ chữ dăm trang cùng trường xưa bạn cũ để thành truyện.

Để rồi, nhớ lại một bài viết năm nào:

“...Sau ba mươi mấy năm, không hẹn mà gặp, hai thằng bạn học xưa cũ thuộc diện thâm căn cố cựu, nhẹ cánh phiêu bồng tạt qua Trúc gia trang. Ba thằng ngồi ngoài vườn, nhìn những chiếc lá vàng lác đác, u hoài với bóng câu qua song cửa, khui chai rượu tao ngộ để tửu lạc vong bản trong một ngày cuối đông, đầy the lương và ẩm đạm. Bất chợt, thằng bạn đời trong cơn mê chiều, say bạn say tình. Mặt đỏ cay đỏ cọi, bốc nhằng cái điện thoại cầm tay ới người tình cũ như gọi đồ sang sông qua men rượu lè nhè mà chả quặc cựa được gì hết... Tôi hiểu rằng thằng này chuột quá, như định mệnh đã an bài, đã được đời cho đi vào quên lãng cho một cuộc tình không tên có... tên là tình buồn, tình chết.

Nhìn mái tóc bỗng bênh muối tiêu mà muối nhiều hơn tiêu của nó bèn chợt cảm hoài “*Tuổi trẻ bao lâu mà đầu bạc, trăm năm thân thể bóng tà dương*” và cũng để chợt động tình động não,



hãy đốt lò hương cũ qua vài ba trang giấy. Hãy thương vay khóc mượn cho chuyện tình của hai đứa, mà một thời tôi đã có mặt. Chả phải dệt chuyện gì người tình một thưở một thời của nó nom cũng ngọt nước lắm, chả bịa tạc tí nào chứ trông đẹp một cách...điều đúng, người ngợm đầy...ừ hự. Ấy vậy mà sau đó mấy đêm, tôi vẫn nằm mơ thấy người tình một thưở của nó mà vẫn chưa dám đụng bút tới. Kiểu hồn vía vẫn bay lượn đâu đó mà chưa thấy hình hài mà nhập vào, chắc phải đợi một “cơ duyên” nào đó...Cuối cùng tôi đành buông lời vì thiếu cảm hứng, không có những rung động của người trong cuộc...”

Đất sinh cỏ già sinh tật lại vẫn chẳng chữa cái tật mò cha không khóc đi khóc cái tổ mới. Số là, gần đây nghe như một thoáng mây bay rằng thằng bạn cùng trường khác lớp với mười năm tình lận đận. Thế là lại cứ táo tác cả lên như ếch vồ hoa mướp, vì cả hai đều về một bến mơ, tận cùng là một cái đám cưới, hiểu theo nghĩa là một chuyện tình có thật. Để rồi lòng dạ đeo bông những cảm hoài mênh mông, như mang nặng một thiên chức, trộm nghĩ rằng nên vẽ vờ về một cái gì đó có một món quà tao ngộ cùng thằng bạn ngày nào năm ấy: Nay đang ở cái tuổi lá vàng ẻo uột, đang ngồi lấp lửng ở một thành phố hắt hiu nào đó và cũng đang cong lưng cắm đầu làm thơ có cái tựa đề *Bài hành 60 “Theo lớp người đi giữa phố đông...”* Nhưng ấy là ở khúc sau...

Nhưng có cóc khô gì để mà viết, vì yêu nhau, lầy nhau là hết chuyện. Mà không viết thì chân tay ngứa ngáy, làm như có cái gì vướng mắc, nào có khác gì hạt sạn nằm trong chiếc giày. Nên đành cào cấu vay mượn qua thơ văn, nhón chỗ này, véo chỗ kia và cuối cùng cũng kéo dài được năm sáu trang giấy đặc nghệt những chữ là chữ. Mà đã lỡ nghịch ngợm với chữ nghĩa, không ít thì nhiều, người viết chỉ mong mỗi một điều, rằng cứ cho là truyện tình này có hậu đi...Để mỗi người mỗi nhìn qua lăng kính khác nhau, đơn thuần chỉ là mẩu chuyện được nghe kể lại, quanh một ly cà phê, trong một ngày có nắng và sau đó là mưa.

Thêm một lần, để có một truyện ngắn....với *“Chàng”* và *“Nàng”*  
Thực tình người viết chúa ghét hai chữ *“chàng”* và *“nàng”*, rằng chàng 20 trẻ trung, nàng 18 xuân tình. Thường tình cả hai hẹn hò rủ nhau sáng lên núi, chiều xuống biển để...”độc thoại”, ngật tự duy siêu hình, siêu thoát cứ như ông già năm mươi bất nhĩ hoặc, nghe nó ngọng nghịu như thế nào ấy. Tuy nhiên đây là chuyện kể để thành truyện viết, không ít thì nhiều là hư cấu, chẳng hẳn có nghĩa là không tưởng, hư hư thực thực, giữa mê và ngộ...

\*\*\*

Trời không nắng thì cũng mưa...thời thì đường khó khăn với chính mình quá, hãy nhìn ra ngoài cửa sổ, trời xanh, mây trắng, nắng vàng, chẳng ở biển hay núi mà đằng một góc phố có một chàng trai và một cô gái và tất cả xảy ra tại một nơi chốn, không có bóng thời gian và không gian.

Ở một ngã ba đường có một quán nước nhỏ, một quán nước như bất cứ quán nước nào trong thành phố. Quán vắng chiều hôm chỉ có cái mái vãi bố từ bờ tường nhà nhô ra, vài ba cái bàn sộc sộc và mấy cái ghế thấp tè, dễ hiểu hơn một chút thì quán nghèo và buồn. Nơi đây, hàng ngày có một chàng trai ngồi uống cà phê không đường và trời đất dường như cũng như một ngày như mọi ngày, như trên vẽ vờ với...trời xanh, mây trắng, nắng vàng. Trời chợt nắng rồi chợt mưa, mới đầu tưởng như mưa bóng mây, chỉ nặng hạt trong giây lát. Nhưng chính trong những giây lát bất chợt ấy, đằng ngã ba đường, thường là khúc rẽ của định mệnh cho bất cứ ai, trong một quãng đời nào đó. Nào có khác gì Bích Câu Kỳ Ngộ, bỗng dưng có một cô gái vào trú mưa, với tháng bảy mưa Ngâu, se ngọn chỉ hồng, và cũng như định mạng đã an bài: Cô gái vô tình ngồi gần với chàng trai.

Nếu có ai lơ đãng nhìn thoáng qua sẽ thấy cô gái có một dáng dấp thùy my và kín đáo, chàng trai thâm trầm ít nói giống một thiên sinh, lúc nào cũng nhìn đâu đâu vào khoảng không... Thế đấy, thế nhưng trong đầu chàng trai đang vẩn vơ về chiếc áo dài màu hồng của cô gái, màu hồng nhạt trinh trắng, của những cánh hoa đào năm ấy còn chờ gió đông. Thường thì các cô hay đóng đưa với *“Áo nàng vàng, anh về yêu hoa cúc”* của miền Nam mưa nắng hai mùa. Để rồi với màu áo, chàng trai đang đẩy đưa về một cô gái Bắc kỳ nho nhỏ, trong đám đông, giữa đám đông...Rằng *“Em có nhìn thấy anh không?”*.

Và tháng sáu trời mưa, trời mưa không dứt nên không phải là mưa bóng mây, mà cũng chẳng phải là mưa rào, mà là mưa bụi lất phất... Như ở đâu, ở đâu xa lắm lạc về, với những hạt mưa nhẹ, thật nhẹ, bay bay theo gió mây và tạt vào quán nhỏ để đẩy đưa cô gái phải ngồi gần với chàng trai hơn. Mưa thì buồn, bầu trời ngoài kia thì mông lung, ở trong này, cả hai cũng tư lự trong tĩnh không cũng khá lâu. Bất chợt chàng trai lững lờ hỏi với cô gái: “Tôi có thể mời cô một cốc cà phê?”.

Giọng trầm và ấm và hình như hơi nhanh, như cố gắng lắm mới diễn đạt hết được câu nói của mình. Cô gái lắc đầu. Chàng trai gọi thêm cho mình một ly cà phê, đây là lần đầu tiên trong đời, chàng trai uống hai ly cà phê trong một ngày. Vì như mọi người đã thấy, đây cũng là những giây phút ban đầu, nên chàng trai cũng không quên gọi cho cô gái một ly nước chanh. Tại sao lại là ly nước chanh? Không ai biết, chẳng ai hay. Nhưng cũng có thể là âm hưởng của con đường Duy Tân, cây già bóng mát, và cả hai vẫn đang ẩn mình trong bóng mát của hoang vắng.

Mỗi người mỗi theo đuổi một ý nghĩ riêng tư...

Mặc dù đang mưa lạnh và gió lùa, nhưng chàng trai như Quang Dũng *“Cuối năm trên đường đi Bồ Hạ, tháng Chạp mùa cam lửa đỏm vàng”*, cũng như bất cứ ai chẳng một lần *“Tri giao quáĩ ngã sâu đa mộng, thiên hạ hà nhân bất mộng trung”*, để nổi trôi thả hồn về đường lên biên giới... Và cũng không xa lắm, dưới thung lũng, tháng này chưa có hoa đào, mặt mới nẩy lộc xinh xinh màu hoa lý, trà chưa ra hoa mà mộc thì chưa hé nụ. Nhưng hoa châu, sang đến giữa tháng này, nở rục cả một góc rừng và thỉnh thoảng có một cơn gió nhẹ, những cánh hoa châu trắng như tuyết bay lả tả, phủ một lớp mỏng trên thảm cỏ xanh ẩm ướt và đầu dây, giữa lưng đèo nơi triền dốc, cũng có một quán nhỏ và lữ khách bên đường, đang dùng dằng nửa ở nửa đi... Như cô này đây:

*Tiền nước trà em rồi nắng ấm  
Đường xa chóang vầng núi và mây  
Hồn ai vẩn vơ vai sợi tóc  
Tôi thương mà em đâu có hay*

\*\*\*

Cô gái cùng những giây phút trống trải, cũng vẩn vơ như mới thoáng trong ngày: Chuyện là cô vừa đi qua một căn nhà sân rêu tường mốc có khu vường nhỏ gần như hoang phế, chơ vơ chỉ có một hòn đá mốc meo. Cô nghĩ chủ nhà đã *“Nước non ngàn dặm ra đi”*, chuyện đổi thay, vượt biên, vượt biển, vượt lên những biến dịch vô thường qua hòn đá ở lại, để rồi cứ ám ảnh cô mãi... Cô lại đẩy đưa đến mảnh vườn thiên vương vực của người Nhật, thiếu vắng màu xanh của cỏ cây hoa lá, mà chỉ trái sỏi toàn một màu trắng mênh mang, cùng những gợn sóng như “sóng biển” và giữa là một hòn đá cô tịch, biểu tượng cho trầm luân. Cô đắm chìm trong khoảng vường tĩnh lặng ấy, để đi tìm bản ngã của chính mình, để rồi cô mường tượng, hòn đá nhập thể như hệ lụy, giữa “biển sỏi”, để rồi cô tự hỏi, đâu là bến giác...? Để chẳng một ai, trừ cô, đang hình tượng đến hòn đá hóa thân trong hư vô, đắm mình với cơn mưa trong cơn mê chiều, như ngày hôm nay, cùng mê với ngộ:

*Thà như giọt mưa  
Vỡ trên tượng đá  
Thà như giọt mưa  
Khô trên tượng đá  
Có còn hơn không*

\*\*\*

Cho đến lúc bác chủ quán mang nước uống ra, chàng tai lơ đãng nhìn quanh quẩn trên cái bàn mộc và thô, hình như có một cái gì đó thiếu vắng. Hiểu theo nghĩa là không có mặt và chẳng hiểu nghĩ sao chàng trai hỏi:

- Bác cho...chút muối.

Bác chủ quán ngạc nhiên vì biết chàng trai hàng ngày uống cà phê không đường, nhưng bác lẳng lặng không nói, vì đó là không phải là chuyện của bác vì bác cũng đang tất bật với hai, ba người khách mới vào....Riêng cô gái, như bút rứt và không dẫn được tờ mờ, chum chim cười phá tan bầu không khí cô đọng:

- Anh uống cà phê với...muối?

Chàng trai hơi đỏ mặt, múc một thìa muối vừa khuấy vừa chậm rãi trả lời, giọng nói không được tự nhiên lắm:

- Khi tôi còn nhỏ, gia đình tôi sống ở ven biển...

Nhấp một ngụm cà phê, chàng trai thở ra. Như thở dài và kể lể:

- Buổi sáng cũng như buổi chiều, khi tôi chơi ở ngoài biển, tôi có thể cảm thấy vị mặn của nước, giống như cà phê cho muối vào vậy. Nên bây giờ mỗi khi tôi uống cà phê với muối, tôi lại nhớ tuổi thơ và nơi chốn xa xưa của mình.

Khẽ quậy tách cà phê, chàng trai miên man tiếp về những ngày tháng, nhưng bóng mát của cái tuổi ấu thời, như ngô trúc trắng lên rong chơi hội hè, tiếng sáo diều lang thang theo nhau về biển...Cô gái lắng nghe và trong tâm tư cũng lan man, những người bạn trai cùng lớp đến với cô thường vu vơ về những chuyện trời trăng mây nước, thì riêng...“tượng đá” này lại lang thang về nơi mình đã sinh ra đời, nơi mình hiện hữu và vụn vặt gắn bó với làng trên chạ dưới trong hàng huyện cùng tình tự dân gian...

\*\*\*

Và cô gái chợt nghĩ đến chuyện nhà, chuyện ông anh cả của cô, gà trống nuôi con cũng đã mấy năm nên chiều ý gia đình, đi xem mắt một người con gái, nghe nói cũng cùng làng cùng nước mãi tận đâu đâu. Rồi hai người gặp gỡ, đi lại bình thường và ông anh cô, như bắt đầu lại từ đầu với những bước chân dọ dẫm, cho đến một ngày...Ông anh cô tới nhà chơi, cũng vừa lúc hai cụ thân sinh của chị dâu cô đang to tiếng, lúc ấy hai người chưa lập gia đình. Người con gái mới quen ấy vào can gián hai bậc sinh thành và đằng sau cánh cửa khép hờ, ông anh cô chỉ nghe được đúng bốn chữ và không hơn: “*Thôi mà, bố mẹ*”. Sau này, anh cô kể lại, chỉ bốn tiếng ấy không thôi, ảm, nhẹ, và cam chịu, tiếp đến là đám cưới. Chỉ vì một câu nói đầy duyên lưu tha thiết. Lúc này ông anh cô đang có một mái ấm gia đình, bình dị và ấm êm với mộng bình thường, bằng lòng và an phận với những gì mình đang có.

Để rồi...Ai chẳng một lần với...mộng và mơ.

Cô gái hơi nhúu mày như tìm kiếm...vì hình như vang vọng đâu đây, có âm hưởng cũng thiết tha và luyến lưu, nhẹ và ảm...

Bỗng chàng trai lại hỏi cô:

- Có bao giờ cô nghĩ...

Ngần ngừng trong giây lát, như cố gắng bày tỏ:

- ...Một ngày nào đó, cô đi hết biển và sẽ đi về đâu?

Cô gái như hụt hẫng, vì chẳng bao giờ cô nghĩ như vậy cả, và cũng không hiểu tại sao... “tượng đá” này lại hỏi óai oăm như vậy, và cô mím môi khẽ lắc đầu. Chàng trai trả lời như trong hư không, giọng nói quyện vào nhau, như cơn gió thoảng:

- Nếu đi... và đi mãi..., vượt qua biển mênh mông, cùng đất liền bát ngát, và đi nữa thì cuối cùng lại trở về quê mình, làng mình, cô ạ.

Cô gái như chóng mặt, ngất ngây như vướng mắc trong vòng tục lụy. Cô lại đong đưa, mới bước vào quán đây, cô mang theo mảnh vườn thiên cùng “biển sỏi” và chẳng biết đâu là “bến giác”, thì lúc này, “tượng đá” lại đưa cô ra biển... Đi và đi mãi, cuối cùng thì ngừng chân lại quê nhà. Chỉ có sự khác biệt là, cái vườn thiên của cô thì nhỏ bé, trong tầm tay, vùng biển của “tượng đá” thì rộng lớn hơn, xa vời hơn. Để cô hình dung thấy có một điều khác lạ là, sáng này đi qua căn nhà hoang vắng, cô nhớ mông lung hòn đá ấy, thoáng như có những lớp rêu phong xanh ẩm ướt, ẩn hiện chỗ đậm chỗ nhạt như một bức tranh trừu tượng. Trong cô, đang có cảm nhận về cái đẹp của một hình tượng, mặc dù chưa rõ nét, qua một hòn đá đơn độc, hoang dã trong một buổi chiều ngập hoang lạnh.

Cả hai đều nhìn về một khoảng không, gần hay xa, khoảng cách cũng không hơn một gang tay, cô gái thì thu hẹp, thật gần, qua... một hòn đá. Còn chàng trai thì bỗng bênh lảng đàng, về một làng quê heo lánh, có tiếng vông kéo kẹt giữa trưa hè, cùng tiếng ru con ạ ơi qua những điệu ca dao mộc mạc, bình dị và êm ả trong u tịch. Và xa vắng hơn một chút nữa trong một ngày tàn, qua lũy tre làng, qua những cánh đồng chiêm ngai ngái mùi mạ non, mơn mớn và dung dị như những cô gái đất Bắc. Tất cả như bàng bạc ngủ yên trong tâm khảm, từ đời này qua đời khác. Nhưng bỗng dưng, chiều nay, như người về tự trăm năm với nghìn năm mây bay: *“Hỡi cô tát nước bên đàng, sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi”*. Và cũng chợt tỉnh cơn mê hoang, không hẹn mà gặp, để cùng cảm nhận trong một khoảnh khắc, gió mưa là bệnh của trời, đường mưa ướt đất... *“Người ơi, người ở đừng về...”* và ngoài kia, như vẫn còn mưa rơi.

Chàng trai chợt bắt gặp cô gái cầm ly nước chanh và nhấp từng ngụm nhỏ.

Và cô gái thoáng nhẹ nhặn mặt... như một cơn gió thoảng.

Để rồi chỉ có một mình chàng trai thâm hiểu... trong tâm lặng.

\*\*\*

Rồi hai người quen nhau, yêu nhau, bình thường như ăn với ngủ, lâu lâu họ cũng trở về quán cũ trong những ngày có mây u ám, *“Nón lá áo toai ra quán chợ - Trơ vơ trên bến nước sông đầy”* cùng *“Ôn lại những ngày mưa gió cũ”* qua ly cà phê muối. Thỉnh thoảng chàng cũng *“Sầu nghiêng mái quán mưa tong tả”* qua ngấn mắt ẩm ỉm ướt, qua ly nước chanh đường của người tình chợt nắng lại chợt mưa. Nhưng bây giờ không còn là “chàng trai” lảng lờ nữa, quán vắng bên đường, những giây phút sụi sùi, ngắn dài, đã soi mòn thành “gã”.

Gã bắt đầu làm thơ, thơ gã như nước chảy mây trôi theo con đường tình ta đi, cùng nước mắt của người tình như những hạt mưa trên đá. Với gã, thơ và tình yêu như sống và thở, không ngừng nghỉ, không biết bắt đầu từ đâu và ngừng lại ở chỗ nào..

Giống như chuyện của cụ bạn của ông cụ gã vậy...

\*\*\*

Cụ một thời là tri huyện xưa, một tay chơi thanh lịch của đất Hà Thành, ăn đình ngủ quán ở phố Hàng Lọng, vào Nam ăn dầm ở dê vòm Tư Cao trong hẻm Trương Minh Ký để... “bắn khỉ”.

Nhưng cụ không biết làm thơ, cho đến năm quá nhi nhĩ thuận... Năm ấy, sau 75, cụ nghe qua đài giọng ngâm của một ngâm sĩ Bắc Hà thời danh bấy giờ, tên Kim Dung, và sau đó cụ mê mẩn người kỳ nữ này lúc nào không hay. Cô còn có thêm một tiết mục là: Con tầm nhả tơ thì cũng phải có người quay tơ, vì vậy cô ngâm thơ cho thi nhân mặc khách với một chút thù lao nho nhỏ để làm duyên. Cụ bắt đầu làm thơ để được nghe giọng ngâm như Hồ Điệp ban Tao Đàn, như ru hồn cụ vào lòng người, lại là người của đất ngàn năm văn vật, quê nhà một thời của cụ ngày nào:

*Ai ra bến nước trông về Bắc*

### *Chỉ thấy mây trôi, chẳng thấy làng*

Thơ cụ dày theo năm tháng, một lần trong bữa cơm gia đình, gã đọc thơ cụ, và cụ như người mộng du để chẳng nhớ đó là đứa con tinh thần của chính mình. Vì cụ còn đang hòa nhập với “Tình Già” cùng cụ Phan Khôi: *“Thương được chừng nào hay chừng nấy, chẳng qua ông trời bắt đôi ta phải vậy... Ôi ! Đôi ta, tình thương nhau thì vẫn nặng, mà lấy nhau hẳn là không đặng”*. Chưa hết, nhà thanh bản gần như trống trải, một lần, cụ phải bán bức tranh quý của Nguyễn Gia Trí, bạn cụ, để có tiền duyên nợ với nàng thơ, người tình cuối đời, một chuyến đò nên duyên qua làn sóng của đài phát thanh bên kia đèo Hải Vân, mỗi chiều mây trắng dăng dăng đầu núi.

Để rồi một chiều cuối năm, cụ về Bắc, cụ chẳng thăm quê cha đất tổ mà cụ mò mẫm tới căn nhà gần làng Ngọc Hà. Theo cụ kể lại thì từ cái lúc trời đất vẫn chưa đổ đên, đứng dưới gốc cây gạo, thân già vác dùi nặng, tay cụ khư khư ôm lọ nước hoa Channel no.5 còn rơi rớt lại của cô con gái. Chán rồi cụ thả rong bước một, đi qua đi lại cái cổng mà đằng sau là *“Mận hỏi thi đào xin thưa - Vườn hồng rộng mở nhưng chưa ai vào”*... Nhưng cụ chưa dám vào vì cứ ngần ngừ và băn khoăn mãi, lý do dễ hiểu là...”mận” nay đã khộm nên cụ đã lờ úp mở, đối giá với tuổi cụ đâu đó mới khoảng nhi bất hoặc. Cuối cùng thì cụ cũng đành kéo chuông “kính coong”, đằng nào cũng một lần và vội vã: *“Thằng con tôi, có món quà gửi cô”*. Và cũng vội vàng rời Hà Nội ngay sáng tinh sương hôm sau, cũng chẳng ít lâu thì cụ mất, trống vắng và buồn tênh.

\*\*\*

Gã và cô gái, hai người yêu nhau cùng ngày rộng tháng dài, để rồi đằng sau một cuộc tình thì hai người lấy nhau cho hợp lẽ trời đất với sinh tồn, sinh con đẻ cái và không phải cứ lấy nhau là hết chuyện như trên đã lạm bàn. Vì câu chuyện có hậu không ngừng ở đây, vì mỗi sáng, một ngày như mọi ngày, vợ gã đều pha cà phê muối và gã đều cảm ơn vợ gã vì đã pha ly cà phê thật đậm thắm cùng những ngọt bùi, như chưa một lần trong đời. Mặc dù mỗi năm trôi qua với ngày là gió tháng là mây cùng thế sự thăng trầm quân mạc vẫn.

Nước mắt nhà tan tứ tung thất tán với ba phương bốn hướng, với thế sự thăng trầm...Biển như gấn bó không rời với vợ chồng gã, một ngày tay bế tay bồng xuống thuyền, nhớ ngày nào, như mới đâu đây, bố mẹ gã gồng gánh đất gã xuôi Nam theo vận nước nổi trôi. Và bây giờ đến lượt gã, dẫn vợ con, đi...đi mãi...về một nơi vô định, không phải quê mình, làng mình. Cuối cùng thì mệt mỏi ngừng chân ở một vùng đất tận miền Bắc Âu xa vời vợi, xa vắng như một ốc đảo và gia đình gã nhận nơi này là quê hương vĩnh viễn thứ hai, đất ấm tình nồng đâu không thấy, chỉ thấy *“Quê ta xa mãi bên kia biển, chỉ thấy toi bời mây trắng vương”*.

*Lên non tuốt một bộ sào  
Xuống thuyền Bá Vọng, qua ao Ngũ Hồ  
Ai đưa ta đến chỗ này  
Bên kia là núi, bên này là sông*

Gã không tìm thấy quê nhà đâu cả. Mặc dù đã đi hết biển...

\*\*\*

Cuối xuân sang hạ và hôm nay đánh dấu ngày gã oe oe chào đời, ra quán ngòi một mình. Trời đất loay hoay không có một chút nắng vàng, trên dưới chỉ một màu xám chì như mùa thu đất Bắc, với nỗi buồn da diết khôn nguôi...

*Từ lâu khép kín lòng u uẩn  
Đâu ngờ dấu vết của tang thương  
Đã hẳn lên mặt người như thế  
Mỗi nếp nhăn nheo một nhớ nhàng*

Hắn ngồi trong lẳng đọng và lẳng lờ với “*Bài hành 60*”, hắn viết về phiên chợ chiều cùng thể sự thẳng trâm quân mạc vấn. Với cái tuổi lục tuần nhi nhĩ thuận để chọt u hoài đến cụ bạn của ông cụ già “*Mỗi nếp nhăn nheo một nhớ nhàng*”. Cụ đã bị dẫn vật, giằng co trong những buổi hòang hôn cuối đời, vì dối già nên đã không nói thật...

Và, như một thoáng mây bay, nay thì gã cũng đã sáu mươi, tóc trắng da mồi cùng những day dứt: “*Từ lâu khép kín lòng u uẩn*”. Gã lật qua trang giấy khác, lúi húi viết, không phải làm thơ, cũng không phải là viết thư trần tình, nghe lao xao quá. Có lẽ, ý tứ nên hiểu như một lời xưng tội, vì vô hình chung, xưng tội gần như đồng nghĩa với...tha thứ và cũng gần gũi với vợ gã hơn:

Mùa xuân Skjetten, năm 2004

Gửi vợ yêu của anh,

Xin em tha thứ cho lời nói dối suốt đời của anh. Đó là lời nói dối duy nhất về cốc cà phê muối. Em có nhớ lần đầu tiên anh mời em ly chanh đường không? Anh định xin ít đường cho ly đá chanh của em, nhưng vì rối ren và bối rối nên anh gọi nhầm ra là...muối.

Và anh đã bắt gặp em thoáng nhẹ nhặn mặt. Vì em đang uống ly nước chanh...không đường. Để anh bàn thân trong tâm lẳng, bởi lẽ chỉ có một mình anh thâm hiểu...

Anh cũng quá lúng túng và không thay đổi được nên đành phải tiếp tục lấy muối cho vào cốc cà phê của anh và nghĩ ra câu chuyện tuổi thơ ở gần biển để được nói chuyện với em. Anh đã định nói thật với em rất nhiều lần, nhưng rồi anh sợ em giận và sẽ không tha thứ cho anh. Và anh tự hứa với chính mình, sẽ không bao giờ nói dối em một lời nào nữa, để chuộc lại lời nói dối ban đầu.

Bây giờ anh sáu mươi, mai này, một ngày nào đó anh sẽ đi thật xa, ở một nơi chốn vô cùng, nên anh đành nói sự thật với em: *Anh không thích cà phê muối.*

Nhưng mỗi sáng được uống cốc cà phê muối từ ngày lấy em, anh chưa bao giờ cảm thấy hối tiếc vì mình đã phải uống cả. Nếu anh có thể làm lại từ đầu, anh vẫn làm như thế, để có được em và anh sẽ uống cà phê muối suốt cả đời....

Chồng yêu của em

\*\*\*

Đã mấy ngày nay, đôi giày tôi đi hình như có một cái gì lẩn cấn, hơi khó chịu một chút thôi, nhưng vì hay đi dép nên cứ để vậy, chẳng ngó ngang gì tới nó. Chiều nay viết xong bài viết này, cảm thấy vừa lòng và mãn nguyện, nên tự thưởng cho mình, bằng cách ra quán, để có những giây phút lẳng đặng, phiêu bồng, làm một đĩa ốc nhồi, hớp một ngụm rượu màu hổ phách. Và cứ ngỡ chẳng có gì để mà vấn vương...

*Tạt vô quán nhỏ ngồi trong góc  
Xoay hoài ly rượu ở trên tay  
Có chờ cho đến tàn đêm cũng*



*Chẳng gặp được ai tàn cuộc say*  
“trích Bài hành 60”

Chẳng gặp được ai và cũng chưa tàn cuộc say... Thế nhưng vẫn còn cái gì vương mắc ở dưới lòng bàn chân, quán vắng chẳng có ai, tôi tháo giày ra mảy mò tìm kiếm, rồi thì cũng thấy nó. Quảng hạt sạn nhỏ đi...nhấp ly rượu, tôi thấy ngọt như...ly cà phê muối.

Thạch trúc gia trang  
Hạ trưởng, Canh Dần niên  
(tự Hùng già)  
Ngộ Không Phí Ngọc Hùng

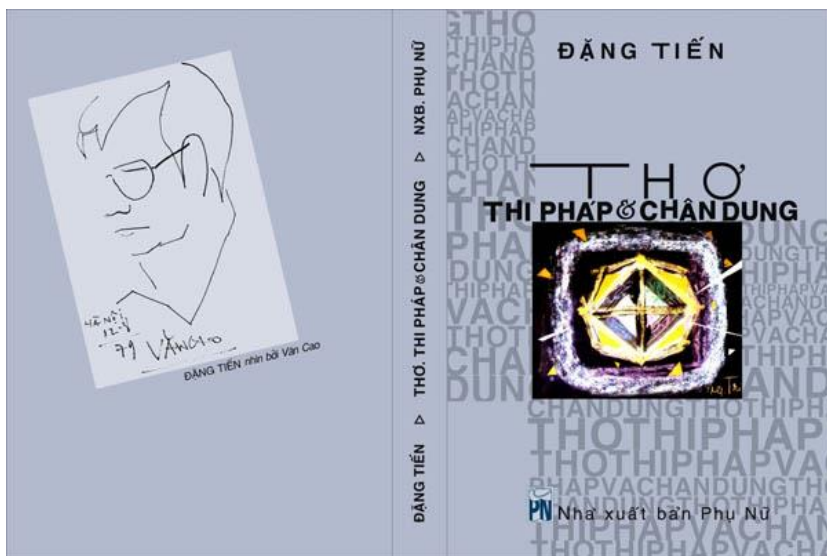
*Nguồn :*

*Bài viết Cà Phê Muối nguyên bản trong tuyển tập truyện cực ngắn ngoại quốc với tựa đề “Những Mẫu Chuyện Sưu Tâm của Latdat”.*

## Thơ, thi pháp & chân dung Đặng Tiến Hoàng Ngọc Hiến

*Đặng Tiến là nhà phê bình văn học miền Nam trước 75  
hiện đang ở Paris*

*Hoàng Ngọc Hiến là nhà phê bình văn học miền Bắc  
hiện đang ở Hà Nội*



Tôi viết bài này để nhắc nhở bạn trẻ làm thơ và phê bình thơ đọc tập chuyên luận của Đặng Tiến về Thơ [1], chỉ ít đọc 6 chương đầu: *Thơ là gì? Roman Jakobson và thi pháp, Claude Lévi-Strauss - Bách niên giai lão, Nguyễn Tài Cần trên nền thi học Việt Nam, ý thơ và lời thơ, Thơ và khoa Ngôn ngữ học Tây phương*, qua những chương này độc giả có thể nắm được lý thuyết

của R. Jakobson về ngôn ngữ thơ, lý thuyết này đối với người làm phê bình thơ có khi còn quan trọng hơn chủ nghĩa duy vật biện chứng đối với người nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin. Tôi cũng muốn nói lời nhắn này với cả những bạn trẻ viết văn xuôi và làm phê bình văn xuôi, vì tính nhạc, yếu tính của lời thơ, cũng được đặt ra cho câu chữ văn xuôi, trong văn xuôi, câu chữ trước hết phải chính xác, mà “*từ chính xác là từ có tính nhạc*” (Gustave Flaubert). Cả những bạn trẻ làm khoa học xã hội và nhân văn cũng nên đọc, các bạn không thể nào bỏ qua những cách tiếp cận cấu trúc luận về dân tộc học cũng như về văn chương của Lévi-Strauss được tác giả trình bày tinh tế và thoág gọn ở chương 3. “*Vả chăng Thơ được sử dụng như một phòng thí nghiệm của nhiều khoa học khác: ngôn ngữ học, ký hiệu học, dân tộc học... Thơ là con chuột bạch cho nhiều ngành khoa học nhân văn đương đại*” (Đặng Tiến).

Cách đây gần nửa thế kỷ, tôi đương học ở Nga thì một nghiên cứu sinh người Pháp đưa tôi đọc tiểu luận của R. Jakobson “*Linguistique et Poétique*” (Ngôn ngữ học và Thi pháp), ý tưởng mới lạ, tinh khôi và tư duy rành mạch của tác giả đã hấp dẫn tôi nhưng tôi đọc khó nhọc lắm, lúng củng nhiều thuật ngữ lạ hoắc... tôi chỉ mong sao có người nắm thật vững lý thuyết này và “nói vo” trình bày lại cho tôi, thay vì những khái niệm trừu tượng là những “ví dụ cụ thể” thật đích đáng. Đặng Tiến chính là người tôi chờ đợi, tập sách thơ của ông đã giúp tôi ôn lại và nắm được lý thuyết thơ của Jakobson trong không đầy một tiếng đồng hồ.

Qua cách trình bày của Đặng Tiến (tác giả thấy trước có “nguy cơ giản lược và thiên lệch lập luận” tr.58) [2] mà cũng rất có thể tôi hiểu không đúng thuyết trình của ông, tôi cảm thấy như Jakobson hiểu rất trúng *ngôn ngữ của thơ* nhưng đâu đó chưa hiểu thấu đáo *thơ*. Trước sau tôi vẫn cho rằng Paul Valéry hiểu thơ hơn cả: “*Bài thơ - cái sự dừng dằng (hesitation) kéo dài này giữa âm thanh và ý nghĩa*” [3] (có thể tôi dịch từ *hésitation* chưa sát). Trong khi trong quan niệm của Valéry, cả “âm thanh” và “ý nghĩa” đều quan trọng trong việc tạo ra thi tính thì trong sơ đồ của Jakobson, đặc tính của ngôn ngữ thơ “*không nằm trong thông điệp được truyền đi*” (tức là trong *ý nghĩa*) “*mà nằm trong vỏ âm thanh của từ ngữ được sử dụng*” (tr. 11, 12). Trong khi trong quan niệm của Valéry, thi tính được tạo ra bởi “*sự dừng dằng giữa âm thanh và ý nghĩa*” (tôi hiểu “dừng dằng” như một sự tương tác cực kỳ phức tạp, không suôn sẻ chút nào, tạo ra sự ngân nga giao thoa giữa “thảm âm” và “tạo nghĩa”, sự ngân nga giao thoa này tạo ra “không khí” và “tâm trạng” bàng bạc trong bài thơ, tẩm trong môi trường đó, từ mang những sắc thái biểu cảm mới và những hàm nghĩa sâu xa, bất ngờ và “âm thanh”, “tiết điệu” có khi hàm chứa những rung động “siêu hình” vượt siêu thế giới “khả niệm”). Còn trong sơ đồ của Jakobson, một khi tương quan giữa “ý nghĩa” và “âm thanh” được thay bằng tương quan giữa “chức năng thông tin” và “chức năng thẩm mỹ” thì chức năng thông tin chịu tác động *một chiều* của chức năng thẩm mỹ (“tăng sức hấp dẫn, sức thuyết phục cho thông tin” [tr. 23]) còn chức năng thẩm mỹ tự thân nó là một “chức năng độc lập”, không dính dáng gì đến ý nghĩa (xem tr. 24). Trong quan niệm của Jakobson, ý nghĩa trong câu thơ có một vai trò hết sức vớ vẩn: nghĩa chẳng qua chỉ là làm cho người ta “chú ý” đến câu thơ (xem tr. 16) còn câu thơ hay đâu phải “*vì ý nghĩa mà hay vì hơi nói, giọng nói*” [xem tr. 16] (chúng ta đều biết sự tham gia của âm thanh và tiết điệu vào việc tạo ra giọng nói).

Tư duy của con người thường xuất phát từ sự đối lập những trái ngược: nóng và lạnh, cao và thấp..., âm và dương... Tư duy Hy Lạp, đầu nguồn của tư duy phương Tây có xu thế “*dựng những trái ngược lên thành những “vật tự nó”, biến những “vật tự nó này” thành những bản chất loại trừ nhau*”. Jakobson tư duy về thơ xuất phát từ sự đối lập giữa ý nghĩa và âm thanh, ngữ nghĩa và ngữ âm, ngôn ý và ngôn hiệu, chức năng thông tin và chức năng thẩm mỹ... Trong lý thuyết thơ của ông những trái ngược có xu thế trở thành những thực thể độc lập, lấn lướt nhau: đặc biệt âm thanh và chức năng thẩm mỹ có xu thế độc quyền tạo tác thi tính, trở thành những thực thể áp đảo ý nghĩa và chức năng thông tin, thậm chí vô hiệu hóa khả năng góp phần tạo ra thi tính của chúng, xem ra chúng bị lép vế và bị động so với âm thanh và chức



năng thẩm mỹ. Tư duy về thơ của Valéry cũng xuất phát từ hai mặt đối lập của thơ: ý nghĩa và âm thanh, nhưng ông đã “*không trừu xuất chúng khỏi dòng chảy của những quá trình*” thơ, ông đã “*duy trì chúng trong một thứ liên can với nhau*”, ông không bị cuốn vào “*thao tác cắt đứt và loại trừ mà tư duy Hy Lạp đã khai thác để kiến tạo một cõi lý tưởng tính không có trên đời này*” [4]. Valéry định nghĩa bài thơ như là “*sự dùng dằng*” giữa âm thanh và ý nghĩa, đây là một quá trình kéo dài, trong đó chức năng “*thẩm âm*” và chức năng “*tạo nghĩa*” hợp đồng, hỗ trợ nhau, những sắc thái âm thanh và ý nghĩa được lựa đi, lựa lại, được ước mớm thử đủ chiều, do đó mới *dùng dằng*, dĩ nhiên luôn luôn có những sáng tạo và khám phá bất ngờ. Tôi thấy trong định nghĩa của Paul Valéry về thơ sự đòi hỏi *kết hợp cân bằng âm thanh và ý nghĩa*, quan điểm này càng rõ nếu được đặt vào một quan niệm rộng lớn hơn của ông về viễn cảnh phát triển của văn học, nghệ thuật. Đánh giá những sự cách tân sáng giá của những trường phái chủ nghĩa hiện đại ông viết: “*... tất cả những sự cách tân này cần thiết cho sau đó một chủ nghĩa cổ điển mới có thể xuất hiện...*”. Mà chúng ta biết thi pháp mọi chủ nghĩa cổ điển đều bao hàm nhu cầu kết hợp cân bằng, hài hòa... Chủ nghĩa cổ điển mới đặt ra sự kết hợp cân bằng những trái ngược vốn có trong văn học nghệ thuật: cái phải là và cái thực là (Aristote), cái “*chính xác*” và cái “*mơ hồ*” (Verlaine), “*siêu thực*” và “*hiện thực*” (Aragon), “ *hư*” và “*thực*” (Tê Bạch Thạch), “*âm thanh*” và “*ý nghĩa*” (Jakobson), cái “*phôi pha*” và cái “*hằng hữu*” (Đặng Tiến)... Sự cân bằng trong văn học, nghệ thuật vốn mong manh. Sự cân bằng trong chủ nghĩa cổ điển quá khứ thiên về sự cố định, do đó dễ cứng nhắc. Trong “*chủ nghĩa cổ điển mới*”, sự cân bằng “*hoạt ứng*” hơn, biến hóa linh động, không “*trung dung*” một cách “*rẻ tiền*”, không nhất thiết là cứ phải 50/50, có khi lệch về phía đối cực này hoặc đối cực kia thì mới là cân bằng!

Đặng Tiến là một “*fan*” của Jakobson. Ông có sự ráo riết trong đầu óc phân tích, sẵn sàng đẩy tới mọi sự trừu xuất nhưng mặt nào đó ông gần với minh triết của Valéry trong tư duy về thơ. Thuyết trình lý thuyết của Jakobson ông luôn có sự tỉnh táo. Khẳng định luận điểm cơ bản của Jakobson: “*Thơ là một ngôn ngữ tự lấy mình làm đối tượng*” ông có sự rào trước: ở đây có “*sự nói quá đi một chút*” (tr. 12). Về việc đưa luận điểm này vào sự phân tích thi ca ông có lời dè chừng: “*... chúng ta phải dè dặt, vì bài thơ là một mô hình phức tạp. Cái nhìn khoa học... là cần nhưng chưa đủ để nắm bắt câu thơ*” (xem tr. 16) Cần có sự “*tổng hợp nhất quán*” nhiều ngữ cảnh, nhiều quan hệ mà trực giác mạch bảo, trong thao tác này tư duy suy lý xem ra bất lực. Đáng quý nhất trong tập sách này là những ý kiến riêng của Đặng Tiến về thơ và phê bình thơ.

– “*Nguồn thơ nào mà không mang ít nhiều nhan sắc của phôi pha, nếu bản chất của thơ không phải chính là di tích của phôi pha...*” (tr. 135)

– “*Yêu văn là yêu người, Yêu thơ là yêu mình. Cảm thơ, hội ý với thi nhân, ta trở thành “tri âm” với nàng thơ, “ta bình đẳng với tác phẩm”, câu nói được truyền tụng từ họa sĩ Raphael... (tr. 62)*

– “*Thi nhân dùng những vì sao cũ để làm nên ánh sáng mới trong một tinh hệ mới, do mình cố ý hoặc tình cờ tạo dựng...*” (tr. 61)

– “*Tôi đi tìm một Tản Đà nào đó, không nhất thiết phải là Tản Đà duy nhất hoặc chân chính. Cũng không nhất thiết là Tản Đà của tôi. Dĩ nhiên là tôi không bao giờ nghĩ mình có cái nhìn nhất quán và dứt khoát về Tản Đà, cũng như về bất cứ một nhà thơ nào khác.*

...

Tập sách Thơ của Đặng Tiến có gần bốn trăm trang bàn về những tác gia và tác phẩm thơ Việt. Tác giả đề cập đến “*Quốc Âm thi tập của Nguyễn Trãi, Tập thơ Việt Nam đầu tiên*”, “*Nữ tính trong thơ Bà Huyện Thanh Quan*”, “*Tản Đà, thi sĩ của phôi pha*”, “*Đức tin trong hồn thơ Hàn Mặc Tử*”, “*Những đóng góp của Thế Lữ vào phong trào thơ mới*”, “*Hành trình Xuân Diệu*”, “*Thơ thời kỳ kháng chiến chống Pháp*”, “*Quang Dũng, Một thoáng mơ phai*”, “*Văn Cao, Lá khát vọng*”. “*Lê Đạt và Bóng chữ*”, “*Hoàng Trúc Ly - Nụ cười trong và đôi mắt sáng*”, “*Thi giới Đinh Hùng*”, “*Bùi Giáng nguồn xuân*”, “*Đông chí*” của Chính Hữu, “*Núi Đồi*” của Vũ Cao, “*Trường Sơn*” của Phạm Tiến Duật... và nhiều thi sĩ, thi phẩm khác. Mỗi độc giả hẳn là có những chân

dung riêng của mình về những tác gia nói trên, chắc chắn là khác những chân dung Đặng Tiến phác họa. Thi giới của Đinh Hùng – tôi muốn nói Đinh Hùng của Đặng Tiến – là một “thế giới hư ảo” “hoàn toàn độc lập với thực tại” được “hư cấu” bằng “vật liệu-ngôn từ” (xem tr. 381), nhà thơ vùng vẫy trong cõi hư ảo ấy bằng những câu thơ đẹp (hầu như câu nào cũng đẹp), những câu thơ “vẽ sự thật lên mộng”, biểu lộ “tình thật trong một thế giới không thật” (xem tr. 399). “Thi giới Đinh Hùng kết tinh bằng *Thiên nhiên huyền bí, bằng dị thảo kỳ hoa, biển Giáp, non thần...*, nuôi dưỡng bằng một mạch sống mãnh liệt – hay mạch sâu bất diệt – đã nở thành những đóa hoa đẹp nhất trong lịch sử thi ca Việt Nam...” (tr. 395). Đây là cách nhìn của Đặng Tiến... Riêng tôi, nhìn vào cõi hư ảo Đinh Hùng, tôi chợt nhớ đến hai câu thơ của Tề Bạch Thạch định nghĩa thi pháp (tức họa pháp) của ông: “*Hư quá thì dối đời / Thực quá là mỉa tặc*”. Tài năng của Đinh Hùng trước hết là ở chỗ đến cảm chỉ vượt quá thì “dối đời” ông biết dừng lại. Hay là ông đã vượt quá mà mỹ cảm dung tục của tôi không nhận ra được. Thơ Đinh Hùng là “*cơn mê trường dạ*” (Tạ Ty). Với tiêu chí của một Valéry xác định “*phẩm cách đích thực của một nhà thơ đích thực là ở những gì khác hẳn với trạng thái giác mê*” [5] thì chắc chắn tư cách thi sĩ của Đinh Hùng, cả tư cách phê bình thơ của Đặng Tiến nữa bị nghi ngờ. Tôi không lấy tiêu chí của Valéry làm chuẩn. Tôi xem đây là những “gu” khác nhau. Tề Bạch Thạch có “gu” của Tề Bạch Thạch, Valéry có “gu” của Valéry, Đặng Tiến có “gu” của Đặng Tiến... Và Hoài Thanh có “gu” của Hoài Thanh. Đi vào thi giới của một Đinh Hùng, Hoài Thanh thấy “*đi trong đó, mới đầu thì cũng thấy hay hay, nhưng dần lâu cơ hồ ngạt thở*”. Tôi không khỏi ngạc nhiên thấy Đặng Tiến trước việc Hoài Thanh chê thơ Đinh Hùng bèn đắc ý *như muốn nói với bạn đồng nghiệp của mình*: “Tôi mới là người có trong tay chìa khóa đi vào thi giới Đinh Hùng, bác cóc có...” (xem tr. 396). Có thể tôi không hiểu hết ý của Đặng Tiến, có khi ông nói chuyện chìa khóa để nói chuyện khác.

Cách phê bình thơ của Đặng Tiến chung quy lại vẫn là “*diễn nghĩa*”, “*bàn góp*”, “*tán rợ*”... (những phân tích âm pháp, tiết điệu khá tinh tế của tác giả vẫn là những điều quá giản đơn so với những điều tinh vi hơn rất nhiều mà những độc giả bình thường cảm nhận được bằng trực giác của họ, tuy nhiên tôi vẫn cho rằng những phân tích đó không phải là thừa). Số phận của những người viết phê bình ở nước ta là trở đi trở lại vẫn là ba cái trò: “*diễn...*”, “*bàn...*”, “*tán...*”. Hơn nhau là ở chỗ *biết* “*diễn...*”, *biết* “*bàn...*”, *biết* “*tán...*”. Không biết “*diễn*” thì thành “*diễn thuyết*” dạy tác giả, độc giả, không biết “*bàn*” thì thành “*bàn suông*” hoặc “*nói leo*”, không biết “*tán*” thì thành “*tán phét*” (đành rằng biết tán phét không phải là dễ). Đặng Tiến có một nền văn hóa, kiến văn rất tốt, thuận cho sự “*hoạt ứng*” của tác giả trong sự “*diễn..., bàn..., tán...*”, tất nhiên nhân tố quyết định vẫn là cái “*gu*” của tác giả. Thế nào là *biết* “*diễn..., bàn..., tán...*” Tôi chỉ nêu lên ở đây mấy điều kiện:

Điều kiện thứ nhất, đúng hơn căn bản thứ nhất do Đặng Tiến khẳng định: “*Những câu chữ bao giờ cũng đặt trên một nền chung: niềm tin vào văn học, lẽ phải, tình người, dân tộc và đất nước*” (tr. 8). Lẽ phải, tình người bao giờ cũng *đẹp* và *thật*. Đã *đẹp* và *thật* thì không thể không lương thiện. Nghệ thuật cũng như tình yêu không thể sống được ngoài cõi “*đẹp* và *thật*”. Bất chước Lão tử tôi nói rằng: đến lúc cảm thấy không *đẹp* nữa, không *thật* nữa thì người ta bắt đầu nói đến cái “*thiện*”.

Ngoài ra phải tin ở chủ quan của mình, chủ quan này càng phong phú, sâu sắc càng tốt, nhưng trước hết nó phải “*vô tư*” (hiểu theo nghĩa câu “*vô tư đi!*” tuyệt vời của người Hà Nội), “*vô tư*” còn có nghĩa là không vướng mắc những món nợ “*lần khân*”: không mắc nợ những ý đồ ngoài văn học của chính mình, không vướng những hệ lụy của “*ngụy tín*”, không mang nợ những lý thuyết triết học, mỹ học, nhân học, văn học... “*thời thượng*”: phân tâm học, ký hiệu học, chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa hậu hiện đại, cấu trúc luận, chủ nghĩa “*tân hình thức*”... kể cả lý thuyết thơ của Jakobson.

Câu văn phê bình thơ cũng phải có thi tính. Những câu văn có hoạt tính thơ đã phả tươi mát vào cuốn sách Thơ ngày cộp của Đặng Tiến:

- “Vũ trụ thơ của Ước Trai là một áng mây bên suối, một ánh trăng trong khoang thuyền, tiếng chim kêu trong rặng hoa, là giọt sương trên chồi cúc” (tr. 113).
  - “Thế giới của Đinh Hùng nghe như lúc nào cũng xô xao; thiên nhiên đợi đổi mùa, tình yêu đến giờ gặp gỡ hay lúc chia phôi, nắng chiều đợi tàn phai, tiếng dương cầm hắt hiu lời vĩnh biệt, hoặc vàng thu sắp sửa làm thương nhớ, Gió mùa thu sớm bao dư vị, Soi màu trắng cũ lẫn vào đêm (tr. 385).
  - “... Quang Dũng đã đến giữa lòng cuộc đời, dịu dàng như một nét hoài nghi, rồi anh lại đi nhẹ nhàng như một thoáng mơ phai” (tr. 241).
  - “Niềm tin Văn Cao đi từ những giấc mơ thét gào thực tại, là những rạn vỡ đời lại toàn bích, là chiếc lá gào gọi trời xanh” (tr. 285).
  - “Và Quang Dũng không phải... là người duy nhất, ba mươi năm sau còn ngất ngây trong một cơn say, còn sống chưa tàn một đêm hóa mộng” (tr.247).
- Phê bình thơ..., họa chăng còn lại trong ký ức độc giả là những câu thơ hay được trích dẫn, những câu chữ có thi tính của người viết, cái sáng trong vô tư trong chủ quan người viết,... phần còn lại là... “phôi pha”.

\*\*\*

*1 Đặng Tiến - Thơ. Thi pháp & Chân dung. Nxb Phụ Nữ, 2009.*

*2 Số trang sách đã dẫn.*

*3 le poème - cette hésitation prolongée entre le son et le sens.*

*4 Ba câu in nghiêng vừa dẫn là tóm tắt những ý kiến của F. Jullien xác định phương thức tư duy của Trung Hoa cổ đối lập với phương thức tư duy của Hy Lạp cổ.*

## Con đường của nhà thơ Nguyễn Huy Thiệp

*Dẫn nhập:*

Tác giả Nguyễn Huy Thiệp ngoài bài viết “Con đường của nhà thơ” dưới đây, ông còn nhận định về thơ qua bài tiểu luận “Trò chuyện với hoa thủy tiên” như sau:

“...Trong khoảng hơn một thập kỷ đổi mới, xã hội Việt Nam đã tiến những bước nhảy vọt về nhiều mặt, Việt Nam đã hoà nhập được với nhiều nước ở trong khu vực và trên thế giới. Quá trình toàn cầu hoá đang diễn ra trên nhiều lĩnh vực như chính trị, kinh tế và tri thức bất chấp những tư tưởng cục bộ và “sô-vanh” bất hợp tác. Về văn học, những cố gắng trong và ngoài nước đã làm cho nhiều nhà văn “thức thời” ở ta nhận ra được con đường gian khó nhưng cũng nhiều triển vọng ở trong nghề nghiệp của mình. Khi xã hội phát triển, nhu cầu hưởng thụ và làm ra những sản phẩm văn học nghệ thuật có phần nào tưởng như dễ dàng nhưng lại khó vô cùng. Tôi rất ngạc nhiên và không thích thái độ kỳ thị và xem thường việc xây dựng nên những công nghệ ở trong lĩnh vực giải trí, trình diễn như ca nhạc, tạp kỹ v.v.. Việc đào tạo, đánh bóng nhằm tạo ra những ngôi sao ca múa nhạc tạp kỹ hoặc thể dục thể thao v.v.. là rất cần thiết. Ngay trong lĩnh vực văn học, đáng lẽ cần phải khuyến khích, xây dựng thành một công nghệ đào tạo nhà văn mới thì vài năm trở lại đây lại có ý kiến bỏ đi trường viết văn Nguyễn Du. Bỏ thì dễ nhưng xây thì khó. Nhìn vào danh sách hơn 1000 hội viên Hội Nhà văn Việt Nam người ta

đều thấy đa số đều chỉ là những người già nua không có khả năng, sáng tạo và hầu hết đều... "vô học", tự phát mà thành danh.

Trong số này có tới hơn 80% là nhà thơ tức là những người chỉ dựa vào "cảm hứng" để tùy tiện viết ra những lời lẽ du dương phù phiếm vô nghĩa, nhìn chung là lãng nhãng, trừ có dăm ba thi sĩ tài năng thực sự (số này đếm trên đầu ngón tay) là còn ghi được dấu ấn ở trong trí nhớ người đời còn toàn bộ có thể nói là vụt đi cả.

Giai thoại có một nhà thơ nói về tình cảnh thơ ở trong bài thơ sau đây (tôi đã đưa chuyện này vào trong tiểu thuyết của tôi vì nó quá hay) khá tiêu biểu cho thực tế đó: "Vợ tôi nửa tỉnh nửa mơ/ Hôm qua nó bảo: Dí thơ vào l.../ Vợ tôi nửa dại nửa khôn/ Hôm nay lại bảo: Dí l... vào thơ!", tôi cũng không phủ nhận cảm tình của nhân dân đối với thơ nhưng quả thực trên thực tế cái danh nhà thơ là một thứ nhìn chung chỉ là nhặng nhít, hữu danh vô thực, chẳng ai muốn dây vào nó: nhà thơ đồng nghĩa với sự chập cheng, hâm hấp, quá khích, vớ vẩn, thậm chí còn lưu manh nữa...".

\*\*\*

Năm 1941, khi ấy Nguyễn Bính 23 tuổi, Nguyễn viết bài thơ Oan nghiệt. Bài thơ nôm na, không phải câu nào cũng hay cả:

*Hôm nay bắt được thư Hà Nội  
Cho biết tin Dung đã đẻ rồi*

Dung là tên nhân vật trong bài thơ, theo nghề ca xướng (kỹ nữ). Đưa con gái lớn lên, theo nghề mẹ, một bữa kia bỗng gặp bố vốn là thi sĩ ở chốn lầu xanh:

*Chàng chàng thiếp thiếp vui bằng được  
Bố bố con con chẳng nhận ra*

Bài thơ hay, tê tái bởi chuyện loạn luân oan nghiệt tình cờ (môtíp O'đíp). Đoạn cuối bài thơ có câu:

*Nhất kiêng đừng lấy chồng thi sĩ*

Tôi tiếc Nguyễn Bính giải thích lý do đừng lấy chồng thi sĩ tầm thường. Có thể trong thâm tâm, Nguyễn cay cú nghề thơ, coi nhà thơ chẳng ra gì. Đa số nhà thơ chẳng ra gì, điều ấy thực, bởi một phần do lối nói quá lên và đặc tính xảo ngôn (nghệ thuật tu từ) của thể loại. Thiên tư mơ mộng ở nhà thơ và lối thể hiện uốn éo (hoạn quan hoặc pê-đê) những thiên tư ấy đã chứa ẩn suy đồi. Một số (rất ít) thoát khỏi sự tầm thường phải là người có thiên nhãn.

Song, những nhà thơ như thế thì người bình thường không ai chịu nổi: cách luyện công của họ na ná như trò làm loạn. A.Rimbô (là một người như thế) nói: Thi sĩ làm cho mình thành người có thiên nhãn bằng sự gây rối loạn lâu dài, rộng khắp và có suy tính tất cả các giác quan. Tất cả các nền chuyên chính quân chủ, chuyên chính cộng hòa, chuyên chính dân chủ khi nghe A.Rimbô nói vậy đều cau mặt xiết tay lại: họ không cần đến thứ công dân như thế.

Ta nên lưu ý đến câu suy tính tất cả giác quan mà A.Rimbô nhấn mạnh. Điều ấy là gì nếu không phải là ý thức kiểm soát chặt chẽ mọi nhận thức? Vậy, sự gây rối loạn ở nhà thơ khác hẳn sự gây rối loạn phạm phụ tục tử. Dù cho A.Rimbô có thời đi buôn vũ khí nhưng ông chưa bao giờ là người chủ trương bạo động xã hội. Các nhà thơ nếu có bản thì bản chỉ thiên: đó cũng là một lầm lỗi nữa ở trong thiên tư của họ tinh thần cải lương (hóa giải) với địch!

Tôi rất khó chịu với những câu thơ đầu môi chót lưỡi về lòng nhân từ bản năng, tính thiện bản năng hoặc là trò ngậm ngội thứ lòng tốt nhỏ kiêu từ thiện xã hội. Tác giả của nó mới chỉ la liếm ở vành ngoài của tính thiện. ở vành ngoài của tính thiện bao giờ cũng như bản: nó là máu me, là những cuồng nhau sót lại của bà mẹ ác. Chỉ có đối mặt thẳng thắn, lý giải nó bằng triết học, nhà thơ mới tìm ra được một giải pháp tương đương, có tính chất toàn bộ nhằm chống chọi và giữ được thế cân bằng với cái ác trong bản chất sự sống. Thực ra thiện ác cũng chỉ là nhất nguyên thể (Bởi chưng hay ghét cũng là hay thương). Vậy thì nhà thơ phải đứng cao hơn điều mình viết. Y bắt buộc phải thấm nhuần ý tưởng siêu thiện ác nếu như y muốn trở thành một người đáng kể.

Phải thừa nhận rằng hầu như tất cả những ai làm công việc sáng tạo (viết văn, làm toán, xây dựng, làm chính trị) đều chịu ơn thơ. Thơ giữ vai trò người mẹ lấm lẫm, người mẹ lấm lộn cho công việc sáng tạo. Nhưng nước mắt chảy xuôi khi thành đạt, những kẻ thành danh đều ngượng ngịu khi phải thú nhận rằng mình có lúc để cho tình cảm chi phối mà ngậm ngội...

- Thế còn các nhà thơ chuyên nghiệp?

Tôi rất ngạc nhiên bởi danh hiệu nhà thơ chuyên nghiệp! Làm gì có thứ đó! Ta chỉ có các viên công chức, các bác thợ, các ông kênh, bà kênh. Có ai làm thơ mà sống được và có ai chỉ sống để làm thơ? Thơ vô vọng đến nỗi kẻ nào dính vào nó, có ý định đi hết đường với nó nghĩa là bất hạnh, là hiểm họa, quá lên nữa sẽ là sung sướng trong tan nát. Dấu hiệu của nghệ thuật thơ ở đỉnh cao (thậm chí có thể của tất cả các loại hình nghệ thuật) là làm cho kẻ sáng tạo ra nó sung sướng trong tan nát.

Có một viên thanh tra cảnh sát nói về nghề nghiệp của mình:

- Muốn tôn trọng nó, đến một lúc nào đó phải biết rút lui khỏi nó.

Câu nói trên rất hợp với việc bình luận nghệ thuật nói chung. Có điều, đối với nhà thơ, việc rút lui ở đây nghĩa là buộc anh ta tiến tới triết học con đường đau khổ để tránh hổ thẹn. ở nhà thơ - nhà triết học dứt khoát phải biết gạt các cảm xúc sang bên để nghiên ngẫm về bản chất. Bản chất ở đây nghĩa là bản chất con người chứ không phải là bản chất đồ vật hoặc cảnh trí thiên nhiên. Thái độ của Spinoza với các hành vi của con người là thái độ duy nhất đúng mà ta học tập: Tôi đã cố gắng một cách thận trọng để không chế giễu hay thương hại hoặc ghê tởm những hành vi của con người, mà chỉ để thấu hiểu chúng. Hỡi ơi, thấu hiểu nghĩa là đau đớn tột cùng, nghĩa là gánh chịu nỗi đau của Chúa đóng đanh câu rút.

Khi ai đó nói thơ là kinh nghiệm thì đây chắc chắn phải là kinh nghiệm tâm linh chứ không có kinh nghiệm gì khác. Kinh nghiệm tâm linh tốt cùng nằm ở nơi kết thúc các sự kiện, nằm ở sự chết của sự kiện. Con người xông pha trong cuộc đời (đuổi theo danh vọng, tình ái, tiền bạc, thậm chí danh dự(!), làm cách mạng gia đình(!) với ý niệm cho rằng ta có thể tìm được hạnh phúc ở ngoại giới (!) (thực sự là một ý định kiếm chác phàm phu), lúc nào cũng nghĩ rằng mình gần đạt được điều mình mong muốn. Họ chỉ dừng chân khi nào họ bị cuộc đời hất hủi, chơi cho một bữa. Những cú pan ấy, những nhát búa triết học ấy có ít chất thơ nhưng làm tăng nhanh số người điếm đạm. ở một xã hội điếm đạm dễ chịu hơn nhiều so với một xã hội cuồng nhiệt hăng say. Đây không phải nhận xét cá nhân mà là bài học về lịch sử văn minh nhân loại.

Tôi nghĩ thơ là kết quả của trạng thái sáng tạo trong đó Sự Thật biểu hiện. Quan niệm ấy na ná như một quan niệm tôn giáo nhưng thật ra không thể hiểu khác được. Quan niệm ấy về khía cạnh nào đó sẽ dị ứng với yêu cầu xã hội hóa. Muốn gì thì gì, thực tại thế giới bên ngoài vẫn tồn tại vô cùng tàn nhẫn giữa thiện một bên và ác một bên, hư và thực, tử tế và đẽu cáng, địch và ta. Nhà thơ đứng ở ranh giới giữa hai làn đạn để làm một việc là biểu hiện sự Thật mà thôi.



Đừng lấy chồng thi sĩ. Lời khuyên ấy của Nguyễn Bình là một lời khuyên chân thành xuất phát từ nhu cầu an toàn của một nếp sống nhỏ. Nhưng đấy chỉ là lời khuyên cho người tình của nhà thơ. Thế còn nhà thơ? Anh cũng phải lựa chọn hoặc là bậc thánh nhân hoặc là tên đê tiện. Cần lưu ý là bọn đê tiện cũng có thơ và thơ của chúng còn nhiều là khác. Tôi không dám khẳng định rằng một dân tộc đi đâu cũng thấy tiếng thơ véo von là một dân tộc suy đồi nhưng bất hạnh là chắc chắn.

Cần phải tiến tới triết học. Đấy là đích đi đến của nhà thơ. Nhưng muốn tiến tới triết học, nhà thơ bắt buộc phải vượt qua nhịp cầu tâm lý học. Nhà thơ - nhà tâm lý không thiếu việc làm: anh ta liên tục quan sát, liên tục nhận xét và liên tục tìm cách cải thiện các mối quan hệ để thể nghiệm những nhận xét ấy.

Nhà tâm lý theo Nitsơ - phải quay mặt đi đừng nhìn mình để nhìn thấy tất cả. Và đây, một điển hình cho một bài tập tâm lý mà tôi thấy không chê trách được: Giữa đám quần thoa Chân lý! Ồ! Chị không biết chân lý là gì rồi! Nó chẳng phải là một toan tính xâm phạm pudeurs (tiết hạnh) của chúng ta sao?

*(Nitsơ - Làm thế nào triết lý với cây búa).*

Vậy nhà tâm lý học có chối từ thơ hay không? Đối với các vĩ nhân tình lẻ thì chịu, câu hỏi này không sao trả lời được. Nhưng với Đặng Thơ, Gơơ, Nguyễn Du, Nguyễn Bình Khiêm, Hồ Xuân Hương... thì họ quả có chối từ một vài thứ thơ nào đấy.

Nhà thơ, nhà nghệ sỹ đáng quý hay không đáng quý? Không biết. Nhưng theo phân tích tâm lý của Nitsơ thì đây là kẻ tự bản chất có thể thiết yếu là một người đa dục, xúc động trước tất cả mọi sự kích thích và những gì gợi ra sau sự kích thích này. Nhưng dưới ảnh hưởng của sứ mệnh hần, của ý chí đi tới tự chủ của hần, hần thường tiết độ nghĩa là trinh khiết.

Trinh khiết giữa cuộc đời ô trọc và phàm phu, hướng tới sự sống, tuyệt giao với mọi biểu hiện suy đồi theo tôi, đấy chính là đạo đức rồi.

Chỉ cần một thứ để làm nên bất tử thôi: Tác phẩm.

Con đường của nhà thơ thật dài.

## Thơ miền Nam, một thời chinh chiến



Bài viết dựa theo nguyên bản Tạp ghi văn nghệ: *Phiêu du từ “Thơ miền Nam trong thời chiến”* của Nguyễn Mạnh Trinh. Nhưng được thêm bớt với Tô Thùy Yên, Nguyên Sa, Hà Thúc Sinh, Cao Tần. Để đầy đặn hơn, thì chẳng thể thiếu vắng Pleiku với Đặng Tiến, Nguyễn Bắc Sơn. Hoặc giả như theo chân Trần Hoài Thư đi tìm Vũ Hữu Định ở thư viện Cornell New York. Nói cho ngay người góp nhặt chỉ là người sửa soạn cơm nước với những món ăn đã đã được nấu nướng sẵn để dọn lên bàn và thêm bát thêm đĩa vậy thôi. Vì vậy người góp nhặt xin cáo lỗi và cảm ơn tác giả Đặng Tiến, Nguyễn Mạnh Trinh, Trần Hoài Thư - *Phí Ngọc Hùng*

\*\*\*

Nhập :

“...Qua một thời nhiều nhượng biết bao nhà thơ bị cuốn hút vào cuộc binh đao. Thực ra nhiều người làm thơ, giản dị là muốn làm thơ, để cho mình hoặc bạn bè mình đọc. Họ viết trong cái tâm tư ấy nên có nhiều tác phẩm không được phổ biến. Gần đây, *Thơ miền Nam thời chiến* là bộ sưu tập do hai người lính VNCH năm xưa thực hiện: Nhà thơ Trần Hoài Thư và nhà văn Phạm Văn Nhân. Những công trình gom góp lại từ 263 thi sĩ. Trải qua bao nhiêu cuộc biến thiên, thơ miền Nam đã bị xóa nhòa trong sử thi. Những người chủ trương Thư Án Quán đã khởi đi trong tro tàn để sưu tập cho được những chân dung đã một thời tạo nên một thời đại tính. Trong tuyển tập này có nhiều tên tuổi lạ nhưng là tác giả của những bài thơ thật hay như Diên Nghị, Võ Ý, Chinh Yên...”

Sáng dậy, người viết ngồi bên cạnh cửa sổ, đọc xong phần nhập đề bài *Phiêu du từ “Thơ miền Nam trong thời chiến”*. Bèn ngó ra ngoài trời. Nắng rõ nắng, nắng ong ong. Ngược mắt lên tủ sách. Không nhìn nhưng cũng thấy những quý ông Tô Thùy Yên, Hà Thúc Sinh, Cao Tần đang lặng lẽ nép vào nhau, lom khom nhìn xuống như muốn rủ rê người viết về lại một khoảng thời gian, không gian nào đó. Nhòm cái bàn hình vuông, bề bộn đến độ thảm thương. Ông dựng bút hời hợt vô tích sự, có mấy cái bút lười biếng thì không mó tới cả tuần nay. Bao thuốc lá lụi đụi bên cái bật lửa gặt gù...Đám mây trắng ngoài kia lững thững mãi chưa đi tới được cái cột đèn...Bỗng cảm thấy thật mệt mỏi để viết văn, làm thơ lúc này, lặn tẩn làm gì cho mệt, có gì mà chảnh chọe. Nói cho ngay viết văn làm thơ nào có gì mơ màng ngày xưa.

Đầu óc rối bời bời nhìn quyển sách ngả nghiêng trên bàn như cái mộ bia là Vũ Hữu Định. Đối diện với cái nghĩa địa văn học kia là cái bia đá Nguyên Sa. Họ nhìn người viết vừa ngáp, vừa ngái ngủ. Buổi sáng lãnh đẵng hương đất trời, cùng hương tàn khói lạnh lẫn khuất. Dường như họ cũng đang muốn lôi kéo người viết làm bạn đồng hành với tác giả Nguyễn Mạnh Trinh để rong ruổi tới ngày tàn của cuộc chiến cùng một cõi đi về. Thế nên mới có bài viết này...

Vậy đấy, thế đó...

\*\*\*

Thôi thì người viết bắt đầu với Đặng Tiến trước đã: đọc bài giới thiệu của ông, một bài văn viết rất hàm xúc của những người phê bình đầy thâm hậu. Ông có một thời sinh sống khá lâu ở bên Pháp, vậy mà hiểu rõ được những sinh hoạt văn học ở miền Nam là một điều bất ngờ kỳ thú. Ông viết: “Cũng như những người lính có ý nghĩ khác với người không phải là lính. Họ có những suy tư ý nghĩ khác nhau, không phải như kiểu *đồng phục một loạt* của những nhà văn nhà thơ của Miền Bắc.

*Họ có những suy tư ý nghĩ khác nhau...* thì hãy đảo qua Phạm Thị Hoài phỏng vấn nhà văn Nhật Tuấn (em ruột của Nhật Tiến) cái đã. Ông giải bày: “Gương mặt của chiến tranh? Nói cho



đúng ra, viết về chiến tranh, các nhà văn, nhà thơ Miền Nam ít ràng buộc hơn Miền Bắc. Như nhà thơ Lê Huy Quang, Chu Hoạch họ viết theo cái lối vót nhọn con người như vậy khó mà hay được. Đó chính là những cái mỗi người được trải qua và được chính kiến. Tôi nhớ tết năm 74, tại một đỉnh đèo trên Trường Sơn, tôi thấy một anh lính lái xe trong đơn vị, quăng cái bi đồng nước rồi nhảy xuống đường, chữ đồng: “Mẹ kiếp, thằng Miền Bắc cứ ở ngoài Bắc, thằng Miền Nam cứ ở trong Nam, đánh nhau làm đếch gì cho bố mày khổ như chó thế này?”. Đó là một sự thật “trong mắt tôi”. Tôi chỉ xin nói về những đồng đội của tôi – họ chẳng hình dung lý tưởng gì hết. Tôi còn nhớ một tối cũng giữa Trường Sơn, chúng tôi ngồi hỏi nhau: “Mai mốt được về nhà, việc đầu tiên chúng mày làm cái gì?”. Thằng thì: “Lôi ngay con vợ vào buồng trong, khỏi rửa ráy”. Còn tôi, “Tao sẽ chạy ra phố Lý Quốc Sư đớp một bát chín dừ”. Bây giờ, những người ngồi bó gối với nhau tối hôm ấy, họ bị bom bi ở cầu Cà Tang (Quảng Bình), người chết ở sông A Vương. Hầu hết họ đã nằm xuống, tôi có nói gì chẳng nữa cũng chẳng có ý nghĩa gì với họ, thừa chi”.

Đặng Tiến tiếp: “Còn với người lính làm thơ Miền Nam, họ phức tạp hơn, đó cũng là sắc thái đặc biệt vì họ làm thơ không vì một điều gì khác thúc đẩy ngoài việc họ muốn nói lên tâm tư của thế hệ họ”. Ngay như Phùng Quán gặp Vũ Hữu Định ở Sài Gòn sau 75, khi đọc thơ họ Vũ, Phùng Quán nói: “Thơ đúng là thơ”.

Và dưới đây là một chứng từ :

*Mai ta đụng trận ta còn sống  
Về ghé sông Mao phá phách chơi  
Chia sót nỗi buồn cùng gái điểm  
Đốt tiền mua vợ một ngày vui*

Ấy là một đoạn thơ Nguyễn Bắc Sơn đã từng làm xao xuyến dư luận khi xuất hiện trên báo giới Sài Gòn khoảng 1970 trên tuần báo Khởi Hành. Nhiều người đọc, ngạc nhiên và sáng khoái trước những lời thơ ngang tàng, bi tráng, ý thơ u uất, kiêu bạc, bất cần đời. Câu thơ phơi trải tâm trạng một lớp thanh niên Miền Nam, vào thời điểm quyết định của chiến tranh và từ đó làm chứng từ cho một khía cạnh của cuộc chiến kéo dài non hai mươi năm.

Tâm trạng kia và chứng từ nọ đã được ghi lại trong tập thơ *Chiến tranh Việt Nam và Tôi* xuất bản năm 1972 thời đó đã ít người được đọc trực tiếp nguyên tác; bây giờ dĩ nhiên là tuyệt bản. Thì may thay, các bạn ở nước ngoài đã sưu tầm và tái bản tập thơ để tặng biếu bạn bè. Đây là một việc đi từ tình bằng hữu thủy chung đến việc bảo tồn văn học lâu dài. Nhiều người nhớ đoạn thơ nói trên vì tâm tư một thời đại, nhưng nó tồn tại lâu dài trong tâm thức là nhờ giá trị nghệ thuật bên cạnh giá trị lịch sử mà không ai chối cãi.

Diễn hình cho thi pháp Nguyễn Bắc Sơn là từ vựng diễn tả niềm hoang mang trước cuộc sống mỏng manh, bao quanh một chủ từ “*ta*” phù du hiu hắt; “*mai*” là cuộc sống đếm từng ngày; động từ “*đụng*” vừa chủ động: có đi mới đụng, vừa thụ động vì có tính cách tình cờ, tai hại ngoài ý muốn: “*anh đi nè nhẹ, đụng giường má hay*”. Người lính *đụng trận* như người thường đụng xe, đụng mưa, bình thường, chính xác hơn, người khác sẽ nói: đụng giặc, đụng địch. Nhưng trong thơ Nguyễn Bắc Sơn không thấy có đối phương. Trong câu “*Về ghé sông Mao phá phách chơi*” thì sông Mao là một thị trấn nổi danh vì chiến tranh: từ 1955 Sư đoàn 5, người Nùng đóng ở đó, với khu gia binh di cư vào, và đời sống mang sắc thái riêng, về sau là các căn cứ quân sự Hoa Kỳ. Do đó địa danh sông Mao, tự nó đã có âm hưởng chiến tranh, và quả thật nơi đây “*có nhiều nhà điểm và nhiều trại lính*” như lời thơ tác giả.

Nói *phá phách chơi* là phách lối chơi, nói cho hả, nói cho đã, chứ Nguyễn Bắc Sơn là thông dịch viên “*hiền khô, lính cậu*” thì sức vóc bao nhiêu mà phá phách, nhưng giọng thơ ngang tàng ở đây pha lẫn một ít Lương sơn bạc, Tiểu ngạo giang hồ với tính cách Lê dương mà tác giả, sinh năm 1944, còn ghi trong ký ức. “*Đốt tiền*” cũng là lối nói ngông, như Nguyễn Bình “*tiêu*

*hoang cho đến hết*”, nhưng chữ “đốt” ngông cuồng, nóng nảy hơn, cho ý đồ “*mua vội một ngày vui*” với những âm môi *m*, *v* mập máy và luyến láy, như hấp ta hấp tấp. Tâm tình tác giả buồn vui lẫn lộn, mâu thuẫn: “*chia sớt nỗi buồn*” nghĩa là nỗi buồn tràn bờ, nỗi buồn hiện hữu làm căn bản cho cuộc sống. Sau trận đánh còn sống, tự thân nó, chưa phải là niềm vui, cho nên phải đốt tiền để mua vui.

Ở một bài thơ khác, Nguyễn Bắc Sơn nói rõ:

*Một trẻ con mới sinh*  
*Chắc gì là một điều đáng vui*  
*Một người chết*  
*Chắc gì đã là điều đáng tiếc*

Một câu thơ khác, hào sảng, bi tráng hơn:

*Đời mình như ly rượu cạn,*  
*Hắt toẹt đời đi chẳng nhàu mày*

*Hắt toẹt* là một hình ảnh kinh bạc chưa từng thấy trong thơ. Đời đáng sống hay không đáng sống là câu hỏi đã ngàn năm của loài người. Nhưng ở mỗi thời điểm nó dấy lên nét bi đát riêng. Vào khoảng 1970 hơi thơ Nguyễn Bắc Sơn tính phi lý và bi kịch đã được chiến tranh, vào giai đoạn cuối, nâng tầm lên cao điểm. Có nhiều lối nhìn khác nhau về bản chất cuộc chiến, nhất vẫn là lối nhìn từ kẻ chiến thắng.

Đây là cách nhìn của tác giả:

*Chiến tranh này cũng chỉ một trò chơi*  
*Suy nghĩ làm gì lao tâm khổ trí*  
*Lũ chúng ta sống một đời vô vị*  
*Nên chọn rừng sâu núi cả đánh nhau*  
*Mượn trời đất làm nơi đốt hỏa châu*  
*Những cột khói già rỗng thiêng uốn khúc*

Đây là trò chơi súng đạn, sống chết và hai đối thủ xem nhau như cừu thù:

*Ta bắn trúng người vì người bạc phước*  
*Vì căn phần người xui khiến đó thôi*

Đây là kinh nghiệm đánh chác:

*Dừng chân nơi đây nói chuyện tiếu lâm chơi*  
*Hãy tựa gốc cây, hãy ngắm mây trời*  
*Hãy tưởng tượng mình đang đi pic nic*  
*Lúc này đây ta không thèm đánh giặc*  
*Thèm uống chai bia, thèm châm điếu thuốc*

Khổ thơ này cũng như đoạn “*mai ta dựng trận*” trích ở đầu bài nằm trong bài thơ mang tên *Mặt khu Lê Hồng Phong*, một chiến trường ác liệt ở Phan Thiết, Phan Ri năm 1970. Trước trận sông Mao này không lâu, là Thiện Giáo, 1969, cũng là chiến trường ác liệt.

*Chiều Thiện Giáo hồn mình đầy bóng núi*  
*Con đường mìn ươm vết máu đơm khô*

Nhưng nhà thơ “lao đao” vì bị lắc lư trong trực thăng nhiều hơn vì lo toan về chiến cuộc, nên vẫn thả hồn phiêu lãng:

*Đêm ngủ đổ ngâm thơ cùng đại bác*  
*Hồn lao đao trong chuyến trực thăng bay*  
*Đâu có chắc mặt trời mai sẽ mọc*  
*Trời rây mưa lạnh lạnh khiến thêm say*

Thơ trích từ bài *Nhắc đến Ma Lâm*, một thị trấn gần Phan Thiết, địa danh nghe ma quái như con sông Ma Hỷ gần đó:

*Buổi chiều uống nước đồng Ma Hỷ  
Thằng Xuân bắn chết thằng Mang Khinh*

Câu thơ nghe rờn rợn: Thằng Xuân, thằng Mang Khinh là ai? Đồng đội hay đối phương? Bắn chết trong hoàn cảnh nào? Ở đây, sao cái chết dễ dàng quá. Bản thân Đặng Tiến, ông có kinh nghiệm đọc thơ, cảm nhận bi kịch trong câu thơ và nhận diện được câu thơ hay, ông thổ lộ: mặc dù không hiểu cặn kẽ ý nghĩa cụ thể của sự kiện. May mắn là được Nguyễn Bắc Sơn kể lại câu chuyện.

Trong một cuộc hành quân cấp đại đội, đến một con suối thì dừng quân xuống tắm. Mang Khinh là một đồng đội gốc Chăm đứng chơi trên bờ. Xuân là trung đội trưởng, nghe thấy hay nhìn thấy động tĩnh gì đó, bèn lia một tràng đạn về phía khả nghi. Mang Khinh đứng chơi lơ ngơ bên bờ suối lãnh đủ băng đạn. Nhà thơ bơi nhờ trong lòng suối thì không việc gì, bèn bàn luận về tử sinh:

*Hỡi ơi sống chết là mưa nắng  
Gió tối mưa đêm chó lạnh mình*

Bài *Thảo khấu* này, câu kết thật hay, nhưng cũng vì những cái chết phi lý mà tác giả đã kể ra tưng tưng:

*Chiến chinh, chinh chiến bao giờ dứt  
Sắt đá ở sao lại nhớ nhà*

Nhạc sĩ họ Trịnh được đặt tên là phản chiến. Nguyễn Bắc Sơn thẳng thừng tự xưng:

*Trong thành phố này ta là người phản chiến  
Ngày qua ngày ta chỉ thích đi câu*

Lý do phản chiến thì nhiều: có khi vì lý tưởng hòa bình, có khi vì sợ chết, sợ khổ. Nơi Nguyễn Bắc Sơn có thể còn lý do riêng: ông bố đi kháng chiến chống Pháp, tập kết ra Bắc. Có thể ông bố lại vào Nam chiến đấu, và khách quan, có thể là đối tượng trước mũi súng Nguyễn Bắc Sơn, và khó bề dễ dàng, an nhiên "*nhắm thẳng đầu thù mà bắn*".

Trong thực tế, ông cụ đã vào Nam chiến đấu "phía bên kia", cùng trong một địa bàn với con, ở cương vị phó chủ nhiệm cục chính trị quân khu 6. Trung ương tình báo VNCH có lẽ cũng biết được nên đã đưa Nguyễn Bắc Sơn ra đơn vị chiến đấu. Sau ngày kết thúc chiến tranh, người cha đã trở về đoàn tụ với gia đình, trên cấp bậc đại tá quân đội nhân dân. Ông có bao che cho con cái và bạn bè của con, trong cùng cảnh ngộ, như Lê Mai Linh bị tù cải tạo đến cuối 1983, gần đây chân thành đã kể lại chuyện ấy. Sau này, ông cụ qua đời trong một tai nạn xe hơi đã gây nhiều nghi vấn.

Tác giả có làm bài thơ nhớ bố:

*Bố tôi qua đời đúng năm năm  
Tôi viết thơ này  
Để tâm sự cùng người khuất núi  
Bố tôi ước mơ làm cho loài người sung sướng  
Và thế là ông từ tuổi thanh xuân  
Cùng bạn bè đi làm cách mạng  
Ông càng làm cách mạng chừng nào  
Thì loài người càng thêm...sạch máu*

Mang Khinh và hoàn cảnh bố con Nguyễn Bắc Sơn nhắc lại một câu chuyện Võ Phiến kể:

Cũng trong năm 1972, trong đó anh tóm tắt số phận người dân Việt Nam trong ba mươi năm chiến tranh, qua cái chết của hai anh em nhà kia, trong một câu ngắn gọn đến tàn nhẫn “*kẻ chết do cối, người chết do cầu*”. Chuyện như sau: người anh đi dân vệ ở trong đồn, chết vì đạn súng cối bên ngoài nã vào, gọi là “mọt thụt”. Đồng thời đưa em nhỏ lui cui trong vườn trúng đạn trọng pháo trong đồn “cầu” ra. Rồi Võ Phiến thắc mắc: *kẻ chết do cối người chết do cầu, đổ ai biết được giữa địch ấy và ta ấy, có cái gì khác nhau trong “tư tưởng”*. Võ Phiến là nhà văn lập trường kiên định, không giống Nguyễn Bắc Sơn, kẻ làm thơ đôi khi biến thành du dương; nhưng cái nhìn về cuộc chiến, trên căn bản, không khác nhà thơ. Vì vậy, Võ Phiến đã có bài giới thiệu thơ Nguyễn Bắc Sơn trên báo Bách Khoa trong *Chúng ta qua cách viết*, 1972. Năm 1994, ở Mỹ, anh còn viết bài ca ngợi thơ mới làm sau này của Nguyễn Bắc Sơn mà dường như anh không quen biết.

Chiến tranh, sau này mới biết, để lại những vết thương nan y, trên cơ thể và trong tâm hồn. Tác giả đã tiên cảm được điều này:

*Ta mắc bệnh ung thư thời chiến  
Thoi thóp còn một trái tim khô  
Sợ hãi con người hơn thú dữ  
Nhìn nơi nào cũng thấy hư vô*

*Mai kia trong những ngày ngưng chiến  
Ta chắc rằng không thể yêu ai  
Nhà thương điên nếu còn chỗ trống  
Xin chiếc giường cho xác tàn phai*

Nhưng rồi chiến tranh kết thúc, nhà thơ vẫn sống bình thường, bên cạnh vợ con, trong ngôi nhà xưa, thành phố cũ là Phan Thiết:

*Ta may mắn tay chân lành lặn  
Nhưng tâm hồn trống rỗng bơ vơ  
Mỗi ngày chữa bệnh bằng ly rượu  
Tối nằm đánh vật với cơn mơ*

Thỉnh thoảng trong đêm mù thác loạn, Nguyễn Bắc Sơn có những cơn khủng hoảng, nghe đâu có nhảy lầu tự tử hụt đôi ba phen. Nhưng thơ tác giả, như bài *Tâm hồn trẻ thơ* kể chuyện đi hớt tóc, làm khoảng 1990, vẫn còn hào khí sung mãn trong thanh thản:

*Buổi sáng mang tiền đi hớt tóc  
Vô tình ngang một quán cà phê  
Giang hồ hảo hán dẫm thẳng bạn  
Mãi mê tán dóc chẳng cho về*

Thơ Nguyễn Bắc Sơn cũng như bất cứ dòng thi ca nào đều có cội nguồn. Nhà thơ suốt đời quanh quẩn trong quê nhà Bình Thuận, hành quân, đánh chác loanh quanh những sông Lũy, Ma Lâm. Gần Nguyễn Bắc Sơn hơn, Hoàng Trúc Ly có viết “*Người bên chân trời đánh giặc mươn - Ta theo cuộc đời đi viết thuê*” thì hành trang trong thơ tác giả, bạn bè là một lớp bụi đời, bên lề đường chinh chiến, “*như hạt bụi nằm con gió trốt*”. Họ là những mảnh vỡ mà cuộc đời vun lại bên nhau:

*Có khi nghĩ trời sinh một mình ta là đủ  
Vi đám đông quây bản nước hồ đời  
Nhưng lại nghĩ trời sinh thêm bè bạn  
Để quàng vai ấm áp cuộc rong chơi*

Thậm chí tình yêu cũng vậy, nó nằm ngoài văn học dù truyền thống hay lãng mạn:

*Ta vốn ghét đàn bà như ghét cú  
Nhưng vì sao ta lại yêu em?  
Ôi mắt em nhìn như là bầy chuột  
Ta quàng xiên nên đã sa chân*

Chuyện tình yêu như là bầy chuột trên trích từ bài *Trên đường tới nhà Xuân Hồng*, tức là tào khang của nhà thơ. Trong dòng thơ ngang tàng trước Nguyễn Bắc Sơn, thì phải nhớ *Độc hành ca* của Trần Huyền Trân làm năm 1940:

*Nhớ xưa cùng đổ bụi giấy  
Vỗ đùi ha hả thơ mà rượu tao*

...  
*Vung tay như vạch ngang trời  
Bảo rằng đâu nữa cái thời ngát ngư*

Trong trường phái khí phách này Thâm Tâm có bài *Tổng biệt hành* như nhiều người đã biết, ông còn những bài *Tráng ca*, *Vọng nhân hành*, *Can trường hành*, báo hiệu một Nguyễn Bắc Sơn sẽ có mặt sau này:

*Phiếm du mấy chốc đời như mộng  
Ném chén cười cho đã mắt ta  
Thà với mãng phu ngoài bến nước  
Uống dấm chén rượu, quăng tay thước  
Cái sống ngang tàng quen bốc men*

Vào thời điểm 1944, Nguyễn Bính vốn thân thiết với Thâm Tâm, Trần Huyền Trân, đã sáng tác bài *Hành phương Nam* nổi tiếng, trong cùng một nguồn thi hứng:

*Ta đi nhưng biết về đâu chứ  
Đã dấy phong yên khắp bốn trời  
Thà cứ ở đây ngồi giữa chợ  
Uống say mà gọi thế nhân ơi*

Lần lên xa hơn nữa, theo lịch sử thì thơ cổ Trung Hoa đã có truyền thống trầm hùng, nhiều trước tác về chiến tranh như bài văn điếu *Chiến trường cũ* của Lý Hoa, đầu đời Đường, có âm hưởng *Đại mộng* của Trang Tử “*Tiêu nhiên chi lai, tiêu nhiên di vãng – Kỳ nhập bất cụ, kỳ nhập bất hã*”. Nhưng được truyền tụng nhiều nhất là thi phẩm của phái Biên tái như Sầm Tham, Cao Thích. Gần Nguyễn Bắc Sơn nhất là bài *Luơng châu từ* của Vương Hàn: “*Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi - Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi - Túy ngọa sa trường quân mạc tiểu - Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi*”. Cũ và mới, gần hơn chút nữa là di cao cuối đời của Vũ Hoàng Chương trên bìa báo Nhà Văn, số xuân Ất Mão 1975 qua bài thơ *Khúc trăm tấu*. Hai câu cuối là “*Đồi ngọa dữ sa trường túy ngọa – Cổ lai thùy dã chiếm cao danh*”. Vì vậy có thể nói đây là áng thơ thơ say cuối cùng trong thời chinh chiến của Miền Nam.

Thơ chinh chiến của cổ nhân là thơ quan quyền: ra quân phải có nhạc tỳ bà trên lưng ngựa; rượu thì phải bồ đào. Thơ Nguyễn Bắc Sơn là thơ lính, ra quân không đưa đời mỹ tửu nhưng phải có “đế Nùng” do người Nùng địa phương sông Mao sản xuất từ các trại gia binh.

*Mùa này gió núi mưa bùng  
Trong lòng thiếu rượu anh hùng nhát gan  
Mùa này gió bụi mưa ngàn  
Trong lòng thiếu rượu hoang mang nhớ nhà*

Vào khoảng 1970, khi thơ Nguyễn Bắc Sơn xuất hiện, nhiều người cho rằng có hơi hướm thơ Quang Dũng, ít nhiều qua bài *Tây Tiến* như “*Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi – Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi*” hoặc “*Anh bạn dãi dầu không bước nữa – Gục lên mũi súng bỏ quên đời*”,



hay “*Tây tiến đoàn quân không mọc tóc – Quân xanh màu lá dữ oai hùm*”, hoặc giả như “*Áo bào thay chiếu anh về đất – Sông Mã gầm lên khúc độc hành*”. Tuy nhiên thơ Quang Dũng qua đề tài chiến tranh với lời thơ bi tráng. Nhưng xét kỹ thì không đúng: thơ Quang Dũng lãng mạn và lý tưởng, thơ Nguyễn Bắc Sơn ngược lại, phi lãng mạn và phi lý tưởng. Nếu có chung một âm vọng, thì cả hai thi nhân đều mang vào thơ những chiến tích, những địa danh. Dẫu gì ấy cũng là thể loại thơ của một thời trận mạc.

Nếu có khác biệt này kia thì thử hỏi ở ngoài miền Bắc có bao nhiêu Quang Dũng. Còn ở trong Nam đại bác đêm đêm vọng về cớ Nguyễn Bắc Sơn, Vũ Hữu Định, Tô Thùy Yên thì chật như nôm cối.

Ấy đấy, chuyện là như thế đó.

Lại nữa, so với các nhà thơ khác vừa trích dẫn, thơ Nguyễn Bắc Sơn cũng có nét khu biệt, là chất bụi đời, mà nhà thơ tự cho là “*du dương*”. *Tổng biệt hành* là thơ để đời, tác giả là thơ bụi đời. *Độc hành ca* là loại thơ “*miếu đền*”, Nguyễn Bắc Sơn là thơ lẽ đường, quán sá. Hoàn cảnh miền Nam thời đó đã tạo một nguồn cảm hứng như thế và chỗ đứng cho một thể loại bất cần đời như thế. Và dư luận thời đó, của những nhà văn tên tuổi như Võ Phiến trên *Bách Khoa*, Chu Tử trên báo *Sống*, Doãn Quốc Sĩ trên báo *Văn*, đã đồng loạt hoan nghênh. Vẫn một giọng thơ, một cốt cách, một phong thái. Võ Phiến, hai mươi năm sau cuộc chiến, có một khoảng cách để nhìn lại thơ văn một thời đại và cảm thông hiện tượng Nguyễn Bắc Sơn, trước sau như một: “*cũng cái nông nghênh ấy*”, ngay cả sau cuộc chiến:

*Bày ra một ván cờ thiên cổ*  
*Thua trận nhà người cứ trả tiền*  
*Mẹ nó, tiền ta đi hót tóc*  
*Gặp ngày xúi quẩy thua như điên!*

“...Ngày trước trong chiến tranh, ông kể chuyện chơi trò nổ súng các cù rất độc đáo; ngày nay hòa bình, thì ông nói chuyện hót tóc cạo râu, lại càng rất độc đáo. Thành thử giữa ông Nguyễn Bắc Sơn trong chiến tranh và ông Nguyễn Bắc Sơn sau chiến tranh vẫn có một chỗ đồng nhất. Tuy hai mà một. Do hoàn cảnh khác nhau nên đề tài câu chuyện khác nhau; nhưng phong thái vẫn là một thôi. Thực ra thơ ông phát biểu về một thái độ sống. Sống là nhẹ, không phải chỉ riêng: đánh nhau là giỡn, là nhẹ. Đời không có nghĩa phải quấy. Một khi đời đã không có nghĩa, hoặc giả nó có được trao cho ý nghĩa thì ông cũng không lý đến. Hót tóc cạo râu là chuyện nhỏ; bắn nhau các cụp lỗ có trúng đạn chết tươi cũng là...chuyện nhỏ thôi...”.

Làm sao mà Võ Phiến có thể viết sành sỏi ngon lành như thế về Nguyễn Bắc Sơn? Xin thưa: tâm tình ấy được Nguyễn Bắc Sơn diễn đạt bằng một phong cách nghệ thuật tài hoa, vừa hồn nhiên vừa bi tráng. Kinh nghiệm sống chết hàng ngày được thăng hoa qua một thi pháp tươi trẻ mà già dặn. Tác phẩm Nguyễn Bắc Sơn, bên dưới những chứng từ lịch sử, cơn bão lịch sử thổi tạt cái bình thường đến chỗ lạ thường, biến thành biệt lệ văn học là những bài thơ hay, trong lối văn “*thôn tâm thiên cổ*” với “*tác lòng lưu vọng ngàn năm...*”.

*Về đâu đâu cũng là đâu đó*  
*Đâu cũng đi hui đất Hán Hồ*  
*Hót tóc cạo râu là chuyện nhỏ*  
*Ba ngàn thế giới cũng chưa to*

Thế đấy.

\*\*\*

Thế mà buổi sáng rồi cũng qua, rất vội. Màu nắng trẻ tràng vàng quánh ngoài kia như muốn đẩy đưa người viết...Ừ thì với những bước chân di, cứ lần theo *Phiêu du từ thơ miền Nam*

trong thời chiến của Nguyễn Mạnh Trinh thì sẽ gặp Trần Hoài Thư, người thực hiện bộ sưu tập xem có bao nhiêu bài ông viết về khát vọng hòa bình? Hãy đọc thơ Trần Hoài Thư về Qui Nhơn, nơi ông đã đổ máu mình trong chiến trận tại đó:

*Bởi vậy tôi về nằm ngay cửa phố  
Bên cây xăng ông Tề nhìn ra đằm*

*...  
Và khi máu mình đổ xuống mặt đường  
Tôi mang chiến thương tạ tình thành phố*

Và, thực tế, chiến tranh chấm dứt từ năm 1975 nhưng đất nước trong tay những người chiến thắng... Nguyễn Mạnh Trinh lật từng trang, giở bài thì thấy thơ của Lâm Hào Dũng, trong bộ sưu tập *Thơ miền Nam thời chiến*. Bài *Ngày về Ben Hét*:

*Ta pháo gầm vang một góc rừng  
Đòi tây giặc khiếp ngấm đòi đông  
Những ai trong phút kinh hoàng ấy  
Tay súng trang nghiêm mắt trọn rừng  
Anh ở miền Nam lạc đến đây  
Còn quân phương Bắc ngủ xuôi tay  
Chiến tranh như thể trò tiêu khiển  
Của lũ con buôn xác chết này*

Hay, bài thơ *Về Ashau* của Cao Hoàng Nhân nói về các chiến sĩ nhảy dù, lòi hủ:

*Một thung lũng Ashau  
Mây trời vang âm hưởng  
Rừng U Minh, Tam Giác Sắt, Đổ xá, Vũng Rô...  
Cây đá hoang mang lau lách dựng mỏ  
Và - lịch sử. Ta làm thơ ca tụng  
Ta phấn khởi vì chiến công  
Đứng lên cao vì miền Nam anh dũng  
Dưới nắng ấm Trường Sơn  
Và - kiêu hãnh thơ ta huy hoàng chiến tích*

Nguyễn Mạnh Trinh đọc những bài *Thơ miền Nam thời chiến*. Ông thú thực như bị dẫn đi trong những cuộc trường hành của những đoạn đường chiến binh, qua những địa danh đất nước. Ở đó, có cảm xúc từ những bài thơ biên tái, của những nỗi niềm rất người đậm chất nhân bản. Không phải tất cả các nhà thơ đều khoác áo lính. Có khi họ là thầy giáo, công chức hay những nghề tự do khác. Nhưng họ đều có chung hơi thở của một thời đại chiến tranh. Họ chia sẻ với nhau những số phận thời chiến từ những bài thơ đọc để nhắc lại trong ký ức. Trước năm 1968, ông còn trẻ lắm và đang học ở đại học. Tuổi ấy, cũng có những bản khoản về thời cuộc, thời thượng thuở đó. Cho đến khi vào lính, giản dị là theo lệnh tổng động viên thì phải thi hành nhiệm vụ là điều tất nhiên.

Bây giờ đọc những bài thơ với nhiều tên tuổi thi sĩ một thời lúc ấy. Ông không thể nào quên những tối mưa mù mịt ở Pleiku, ra phố mua một tờ Văn hay Bách Khoa rồi luồn vào trong áo lạnh nhà binh để cho khỏi ướt. Và, về nằm đọc như thấy lại Sài Gòn, thấy lại một thời ngồi ghé nhà trường. Thi ca với ông lúc ấy như những đóa hoa hàm tiếu qua những ngày biên trấn như nồng ấm thêm của nỗi niềm mệnh mang đợi ngỏ.

\*\*\*

Người viết đọc thơ vào buổi sáng, trời nắng. Thì Nguyễn Mạnh Trinh, ông đọc thơ vào buổi chiều tối và có thể là trời đang mưa. Tối về...ông với tay tắt đèn. Đêm dịu hẳn lại. Ông nhìn



quanh. Cửa phòng đã khép. Và ông mãi mê: Đêm đã thật khuya. Cuốn sách trên tay. Đọc mê mải. Quá khứ như hiện về, những ngày tháng đã qua dường như hồi sinh lại. Đi tìm thời gian đã qua chứ không phải đã mất, những bài thơ vẫn còn trong tiềm thức một lúc nào ào ra, mãnh liệt. Thơ của chiến tranh, ngày nào đã gần bốn chục năm mà tưởng như mới hôm qua. Những câu thơ của một thời. Ông thấy mình thiếp đi trong phiêu bồng. Những giấc mơ lẫn lộn giữa cái mình đã sống và cái mình đã cảm. Đọc một khúc thơ, cảm nghĩ ủa tới. Thấy mình, thấy người, những số phận đã buộc trôi vào nhau trong cơn cuồng loạn của chiến tranh. Và ông hồi tưởng lại những ngày tháng qua mau:

...Ngày lên Pleiku, có một bài thơ ông đã làm, dường như ông mừng tượng được cái không gian của biên tái... Cũng giống như Đặng Tiến ở trên, ông nhìn ra những câu thơ như *Lương Châu từ* của Vương Hàn thời Thịnh Đường xa xưa. Pleiku có khác nào Lương Châu, cũng là quan ải để trấn giữ biên cương. Ngày xưa thì ngăn giặc Hồ, giặc Mông. Ngày nay, thì canh chừng ba biên giới, với những trận đánh ác liệt mùa khô hàng năm tiếp diễn... Bài thơ ấy, ông làm vào một đêm trước khi sáng mai lên trực thăng vào phố núi :

*Ừ mai tao lên Pleiku*

*Đêm cảm hơi đá ngày mù núi xanh*

*Uống say quên mộng quần quanh*

*Về nơi gió cát cũng đành cuộc chơi*

...

*Ngẩn ngơ phố núi những ngày đao binh*

*Chắc đâu rượu uống một mình*

*Trong thân phiêu bạc nhục vinh nửa vời*

*Uống đi mai hát quân hành*

*Mai hát quân hành...* tưởng rằng như một hiệp sĩ thời xưa đi vào nơi gió cát. Thơ cũng nghênh ngang kiêu "*Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu - Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi*". Tuổi trẻ, những giấc mơ của ngày chân không chấm dứt chằng đến giờ. Có phải là giấc mơ chung của những người lính trẻ như ông... Và trời làm một trận lãng nhãng, nếu có vát vường "*Mỹ nhân tự cổ như danh tướng – Bất kiến nhân gian hứa bạc đầu*" thì ai chẳng một lần trong đời. Cứ như theo bài viết của ông thì mấy ngày nay nơi ông ở trời đang mưa. Ông nhớ lại những đêm mưa Pleiku. Gió mưa ào ạt trong cái se lòng của đất trời. Ông thấy mình háo hức của những ngày tháng mặc quần áo trận và cũng già đi trong cái tuổi về chiều. Cảm khái chập chùng, giở từng trang lại từng trang, đời lính của ông chỉ vồn vện từ 1968 đến 1975 sao dài quá, dài như cả một đời người qua một cơn đồng thiếp chữ nghĩa ngày nào.

Trong giây phút hiếm có trong đời, ông lan man với Nguyễn Bắc Sơn, một chứng nhân của cuộc chiến. Thơ của tác giả, có chút ngậm ngùi của thời tao loạn nhưng cũng có những xúc động bình bồng của tâm tư lãng mạn hay đùa cợt với cuộc đời. Thơ, phảng phất vóc dáng một chàng cuồng sĩ... Đọc bài thơ *Hoa quỳ vàng lạnh Pleiku* của Nguyễn Bắc Sơn, ông như trở về thời gian ấy, không gian ấy. Cái lạnh, lạnh ở bên ngoài nhưng rần rần nóng hổi ở tim óc bên trong. Sương mù ban đêm trên đỉnh cao nhìn về phố buồn, tâm thức cũng ào ạt như sóng theo tầm nhìn vời vợi...

*Đứng trên núi thấy hàng đèn thị trấn*

*Là thấy mình buốt lạnh mấy nghìn năm*

*Vì đêm nay trời đất lạnh căm căm*

*Nên chọt nhớ chút lửa hồng bếp cũ*

Ngày đầu tiên khi ông từ Nha Trang xuống phi trường Cù Hanh là một ngày mưa u ám. Mưa sùi bọt trên mặt nhựa phi đạo và bầu trời nặng nề u ám mây đen. Gió ào ạt lồng lộng ngoài kia khiến cho ông thấy mình quá nhỏ nhoi trong cái buồn mênh mang của đất trời. Lúc ấy, ông thấy

những câu thơ của Tô Thùy Yên, Vũ Hữu Định, cùng nhiều nhà thơ với hoa quỳ vàng, như Nguyễn Xuân Thiệp, như Kim Tuấn... Ngay như khi đọc bài thơ dài trên của Nguyễn Bắc Sơn, ông chỉ thấy có hai câu nói về màu hoa quỳ vàng "*Phố núi kia ơi, một đời phố lạnh - Lạnh hoa vàng, núi đỏ, thác đèo cao*". Thế mà cái màu sắc hoa man dã ấy, chỉ một nét thoáng qua nhưng lại gợi nhiều dư âm chói chang của nắng.

Có thể vì vậy, ở một khúc nào đó ông loay hoay: Hoa quỳ, lẻ loi một cánh trên tay thú thực cũng chẳng hấp dẫn lắm nhưng nếu bạt ngàn dưới cánh phi cơ, rào rạt trong nắng trong gió sẽ trở thành một ấn tượng khó quên cho cảm xúc.

Tuy nhiên mưa, lạnh, hoa và thơ tự nhiên thành một phần của một ngày, một tháng, một năm... của riêng ông. Thơ để quên đi hiện tại. Những giọt mưa quất vào mặt, buốt rát. Những ngọn gió thốc cứ mang hoa quỳ bay vào chân không...

Thì ra vậy. Phố núi có một hoa quỳ của một thời tao loạn...

\*\*\*

Người thơ kể chuyện của mình, một câu chuyện có lẽ rất quen tai của những người lính thú. Cũng đi xuống, đi lên, cũng loay hoay bồn chồn như những ...chàng gà trống:

*Đời lang bạt của một người lính thú  
Sáng hôm qua tôi là người thiếp ngủ  
Đi một mình lên xuống phố mù sương  
Phố núi kia ơi, phố có con đường  
Lên xuống dốc tìm không ra bạn hữu  
Không có bạn tôi làm sao uống rượu  
Tôi làm sao sống nổi một ngày đây  
Phố núi kia ơi, kẻ lạ đông đây  
Nhìn gã lính không khác gì gã lính*

Đọc thơ Lâm Hào Dũng để nhớ về Bản Hét, gợi lại lúc ghé Dakto, hay nhìn lại buổi chiều Hàm Rồng đầy gợi cảm. Những chuyến không hành từ Sài Gòn trở về Pleiku khi nhìn thấy đỉnh núi gợi cảm ấy là biết rằng đã gần về sân đáp. Với thơ Lâm Hào Dũng, cảnh với người hình như có gì ràng buộc với nhau dưới rặng núi mù lam vây kín chân trời:

*Con đường ấy vẫn hoen màu bụi đỏ  
Gió lơ thơ nghe nắng mới ngập ngừng  
Anh sống thờ trong tâm hồn trai trẻ  
Nghe nỗi buồn đâu đó đến phân vân*

Lâm Hào Dũng có hai câu thơ đọc nghe nhức nhối "*Chư Pao ai oán hờn trong gió - Mỗi một khăn tang một tác đường*". Câu thơ của những ngày hè đỏ lửa 1972, khi chốt Chư Pao của Bắc quân cắt ngang đường tiếp tế cho Kontum đã biết bao nhiêu người lính hai bên hy sinh, biết bao nhiêu tấn bom đạn đã đổ trên mỏm núi.

Nhớ Pleiku, đọc thơ Kim Tuấn. Những Bản Hét, Pleime, Đức Lập, Pleimerong, Đức Cơ, những địa danh của một thời mịt mù lửa đạn. Đọc một đoạn thơ, như thấy lại những đời lính thú. Những câu, những chữ có xót xa, có nhung nhớ nhưng cũng có nét hùng tráng của những người lính trận xa nhà:

*Bản Hét những chiều không pháo kích  
Trời im nghe gió thổi qua mau  
Rừng im nghe tiếng chim xào xạc  
Đàn im nghe súng bỗng dựng sào  
Bản Hét hành quân vùng Tam Biên*

*Bưng biền đêm gối tay lên súng  
Bỗng thấy thương thân bỗng thở dài*

Bài thơ thứ hai đọc để nhớ Pleiku là của Nguyễn Xuân Thiệp, bài *Pleiku, tháng ba 1974*. Ba mươi năm trôi qua, nhưng ngày tháng đó vẫn còn sinh động. Thơ, không ghi chép lại nhật ký ngày tháng mà sao đầy dấu vết của một quãng đời. Ngày ấy, lửa cháy đỏ. Ngày ấy, nhà thơ kể chuyện một mình. Đâu cần ai hiểu, nỗi niềm loang vào sương đêm thành nỗi nhớ mịt mù.

*Cầm bút viết, tháng ba rực cháy  
Cầm bút viết, đời hoa quỳ vàng*

Những hình ảnh đan vào nhau với những liên tưởng tiếp dãy từ hoang vu:

*Tháng ba, chân trời chớp tia  
Tháng ba, trên đồi vông nở  
Tôi trở về thị trấn tháng ba  
Những sợi dây trời cắt đau trí nhớ*

Thơ về Pleiku thì nhiều, nhiều lắm: Diên Nghị, Võ Ý, Lê Bá Định... đã trải lòng mình lên thành những rung động thật với nơi chốn mà mình đã gắn bó. Pleiku, nhắc đến nó để nhớ lại một thời lửa đạn với hoài vương vấn, với mưa sinh nắng bụi cao nguyên...

Vậy thôi.

\*\*\*

Thế nhưng với nắng bụi cao nguyên... vậy thôi chưa đủ, hãy đọc thơ Tô Thùy Yên với biển xanh mây đỏ, thơ như người bị bức tử. Dù đã đọc nhiều lần. Thế mà vẫn thấy bưng bưng như có men say một thời nào vừa xa xôi vừa gần gũi lắm:

*Ai hét trong lòng ta mỗi lúc  
Như người bị bức tử canh khuya?  
Xé toang từng mảnh đời tê điếng  
Mà gửi cùng mây đỏ thảm thê*

Trong buổi chiều gió giật loạn cuồng của những cơn bão kéo tới, đọc những câu thơ ấy mà nghe dường như có điện giật trong châu thân. Thơ như u uất của đất trời. Thơ như lòng người đang cơn phẫn nộ, như những vết hằn trên đá từ năm tháng. *Trường Sa hành*, bài thơ viết vào năm 1974 của Tô Thùy Yên sau trận hải chiến Hoàng Sa hơn một tháng. Lúc ấy, ông trong một chuyến công tác ra quần đảo Trường Sa đã làm những câu thơ như một định mệnh tàn khốc:

*Sóng thiên cổ khóc biển tang chế  
Hữu hạn nào không tử nhỏ nhoi?  
Tiếc ta chẳng được bao nhiêu lệ  
Nên tưởng trùng dương khóc trắng trời  
Mùa gió xoay chiều gió khóc liệt  
Bãi Đông lở mất bãi Tây bồi  
Đám cây bật gốc chờ tan xác  
Có hỏi ra đời chẳng chọn nơi?*

Thơ như nỗi ngậm ngùi. Thơ như nỗi niềm u uất. Làm một bài thơ có phong vị hành chỉ là một cái có, để mượn thiên nhiên độc thoại với mình, để thấy kiếp người với nỗi niềm mãn khai và thời gian sẽ thành ngôi mộ với tấm bia kết từ đời u tịch. Bài thơ có không gian rộng mênh mông như *Trường Sa hành*. Trích vài câu, diễn giải vài đoạn, sẽ chẳng làm rõ ràng thêm những điều ông muốn gửi gắm trong thơ. Mà, chỉ làm vụn vặt đi cái vơi vơi khôn cùng của cảm xúc.

Cho nên phải đọc một hơi để những hình ảnh nối tiếp nhau, để thấy tràn ngập một nỗi cô đơn của con người nhỏ nhoi trước thiên nhiên, và tiềm thức ngôn ngữ của ông không có những từ khó hiểu. Những thơ bảy chữ ấy cũng man mác âm điệu của những bài hành của thời kỳ *Hành phương Nam* của Nguyễn Bính hay *Tổng biệt hành* của Thâm Tâm. Thế mà, có một điều gì mới mới, cũng không hẳn từ ngôn ngữ mà cũng chẳng phải là hình ảnh, cảm giác ấy có từ những liên tưởng: ý thơ, tứ thơ, âm vận thơ, hình tượng thơ tạo thành. Rõ ràng trong thơ ông hừng cảm trong một lúc với những tích chứa mỗi ngày, mỗi tháng.

Lý Chất, một phê bình gia đời Minh trong Tạp Thuyết đã viết về hiện tượng này. Người làm thơ tích lũy vốn liếng sống ở mức độ dồi dào thì một sớm “Tức cảnh sinh tình, xúc động thở than, giọt cả chén rượu của người khác, dốc nỗi oán giận ở trong lòng, thở lời bất bình từ trong bụng, từ số phận đau khổ của mình, liên hệ tới biết bao nhiêu chuyện xa xưa muôn thuở... Khi đã viết là nhả ngọc phun châu, ánh sáng soi rọi tận vân hán, như nét đẹp giữa trời, thế rồi bèn tự phụ, giữa cõi đất trời hết vang như điên không tự chế được“. Tóm lại, cái hừng cảm được nảy sinh từ cuộc sống hiện thực và trong một phút giây nào đó đã tạo thành xúc động của một người lên cơn đồng thiếp.

Trở lại chiến tranh với Tô Thùy Yên, có lúc là những ám ảnh, có khi là niềm phẫn nộ, nhưng cũng là hiện thực của một đời sống binh lửa. Những câu thơ hào sảng, những ý nghĩ bất cần, những ngày sống chỉ biết cho hiện tại:

*Thiệt tình, tên bạn ta không nhớ  
Nhưng mà trông mặt thấy quen quen  
Hề chi ta uống cho say đã  
Nào có ra gì một cái tên.  
Tới đây toàn những tay hào sĩ  
Sống chết không làm thất ruột gan  
Cũng không ai nhắc gì thân thế  
Có vợ con mà như độc thân  
Bạn hỏi thăm ta cho có lệ  
Cuộc đời binh nghiệp. Ta cười bung  
Còn mười tháng nữa lên trung úy  
Có thể ngày mai chữa biết chừng...*

Những câu thơ của *Anh hùng tận* có cái thô nhám nhưng chân thực của cuộc sống. Thời tên bay đạn lạc, biết đâu ngày mai thành cổ trung úy lên bàn thờ ngòi cho nên “*Giờ cát quân, đưa tay bắt - Ước cõi âm còn gặp để say*”. Ông đã nhìn cuộc chiến với những hình ảnh của gian khổ, của những ngày tháng vô định, những cái chết trẻ đau thương.

*Dựng súng trường, cỡi nón sắt  
Đơn vị dừng quân trọn buổi chiều  
Trọn buổi chiều, ta nhậu nhẹt  
Mồi chẳng bao nhiêu, rượu rất nhiều  
Đây ngã ba sông, làng sát nước  
Xuống ba lá đậu kế chân bàn  
Trời mới tạnh mưa còn thấp ướt  
Lục bình mây mỗi chuyến lang thang*

Bài *Qua sông* có những câu phác họa lại một không gian đầy tử khí:

*Tiếp tế khó, đôi lần phải lục  
Trên người bạn gục đạn mười viên  
Di tản khó, sâu dòi lúc nhúc  
Trong vết thương người bạn nín rên*

Người chết mấy ngày chưa lấy xác  
Thây sinh, mặt nát, lạch mương tanh  
Xác nào may mắn lấy được thì:  
Áo quan phong quốc kỳ anh liệt  
Niềm thiên thu đằm cổ xe tang

Một thời làm lính rồi một thời đi tù, chia mẫu số chung của cả một thời đại ấy đã được nhà thơ viết thành nỗi niềm riêng, tuy cũng là chung của nhiều người. Viết về thơ ông, có lẽ còn phải dài hơn. Dài như *Chiều trên phá Tam Giang*:

Chiếc trực thăng bay là mặt nước  
Như cơn mộng nhanh.  
Phá Tam Giang, phá Tam Giang,  
Bờ bãi hỗn mang, dòng bát ngát,  
Cát hôn mê, nước miệt mài trôi.  
Ngó xuống cảm thương người lữ bước,  
Trời nước mông mênh, thân nhỏ nhoi.  
Phá Tam Giang, phá Tam Giang.  
Nhớ câu ca dao sâu vạn cổ.

...  
*Chiều trên phá Tam Giang*  
Anh sực nhớ em  
Nhớ bất tận

Đọc thơ ông qua *Mùa hạn, Hè, Ta trở lại căn nhà cỏ, Thấp tạ...* sẽ thấy Tô Thùy Yên, thơ như người bị bức tử.

Thế đó.

\*\*\*

Với thơ Chinh Yên, Nguyễn Mạnh Trinh nhớ lại những ngày ứng chiến trong hầm đại liên nhìn ra tuyến, đọc thơ Thanh Tâm Tuyền, đọc sách Phạm Công Thiện để nhìn thấy qua lỗ châu mai thấy những sợi mây bay. Đọc, để cảm khái:

Hiền sĩ đọc thơ bên lều cỏ  
Tôi đọc thơ giữa chốn ba quân  
Cách nhau mỗi ngày là mỗi lạ  
Huống hồ trên dưới mấy trăm năm  
Hiền sĩ có trăng treo ngoài ngõ

...  
Đề lâu lâu ngắm nghĩa đỡ buồn  
Tôi có gì đâu ngoài súng nhỏ  
Hiền sĩ có cây già tựa gối  
Tôi có gì đâu ngoài nón trận  
Tránh đạn bom nhờ chút hên xui

Có những bài hành đọc lên hụt hơi ngút ngàn hào khí. Những câu thơ dài theo nhịp trống quân hành, thì hãy đọc *Biên Cương hành* của Phạm Ngọc Lư:

Đây biên cương, ghé thay biên cương  
Tử khí bốc lên dày như sương  
Đá chảy mồ hôi rừng ứa máu  
Rừng núi ta ơi đến chia buồn

*Buồn quá giả làm con vượn hú*

...

*Chiến trường nay lắm nỗi đoạn trường  
Nơi nơi lạnh trăm dòng sông Dịch  
Kinh Kha đời nay cả vạn muôn  
Há một mình ta xuôi biên tái  
"Nhất khứ bất phục phản" là thường*

\*\*\*

*"Bạn hỏi thăm ta cho có lệ - Cuộc đời binh nghiệp. Ta cười bung"...* ấy đấy đừng hỏi Tô Thùy Yên. Mà hãy về thành phố hỏi Nguyên Sa. Không phải Nguyên Sa trong sân trường "Áo vàng vàng anh về yêu hoa cúc - Áo vàng xanh..." mà là ngoài...sân bắn. Ông làm thơ về những ngày ở lính và chiến tranh ở đây đã được nhìn ngắm với con mắt của một người bị vướng víu, nửa trong nửa ngoài. Một cuộc chơi tàn bạo được bày ra với tất cả những sự phi lý của nó. Những người tham dự, dù tình nguyện hay bắt buộc, cũng bị lôi đi trong con lốc mịt mờ của thời thế. Đọc bài thơ *Sân bắn*, một cách tình cờ, bài thơ được viết ra trong một khung cảnh yên bình của Sài Gòn buổi chiều nhưng lại là những cảm giác từ quân trường, nơi sân bắn có hình nhân phơ phất, có tiếng kêu: "Bia lên" để làm đích cho những viên đạn vô tình:

".. Tôi không có ý định làm bài lục bát đó, tự nó tới, bật ra. Tôi dừng xe lại ở Bưu Điện Sài Gòn, hí hoáy ghi lại *Sân bắn*. Con trai tôi từ trong trường đi ra, trèo lên băng sau xe, chờ tôi lái đi. Tôi chép cũng vừa xong:

*Bia lên ta thấy thân người  
Thấy ta thấy địch, thấy đời lãng du  
Thấy tay dư, thấy chân thừa  
Thấy tai nghênh ngang, mắt mù óc không..  
Một đời phơ phất hình nhân*

...

*Bia lên trông cũng vật vờ cỏ xanh  
Bia lên tìm chỗ ta nằm  
Non cao duỗi căng em còn thấy đâu  
Hầm bia buồn đến mộ sâu  
Nghìn cây nển thấp trên đầu đạn bay*

Và nhà thơ đã viết những suy nghĩ và cảm xúc của mình để bật lên thành thơ:

"...Khi *Sân bắn*, thơ, đến với tôi, bia cũng tới, đầu tiên, không có chân tay, cảm xúc của thơ mang cho *Sân bắn* thơ thêm hình ảnh của ta, của địch, thân phận con người, sự vong thân của bản ngã. Bầu trời của *Sân bắn* có bia lên, có thân người, có ta, có địch, có tay chân thừa thãi, có tác dụng của xạ trường đến nơi thính giác và cả trí tuệ. Óc tai, hình nhân, giấy bồi, hầm bia, đạn đầu lửa bay trong những buổi thực tập tác xạ ban đêm. Tôi biết kỹ thuật thi nhân từ trước khi thực hiện *Sân bắn*, từ lâu. Cũng như nhiều người làm thơ, tôi có một thời kỳ lục bát buổi đầu đời. Thi nhân vừa dẫn bài thơ vô, vừa dẫn từ câu này qua câu kia từ đoạn này sang đoạn khác. Luận lý của suy luận là do đó, là cho nên, là vậy thì. Có thể là tất cả những từ đó và những từ tương tự khác cùng loại: Tất cả mọi người đều phải chết - Socrate là người - Socrate phải chết. Như cái chết trong *Đám tang Nguyễn Duy Diễm*:

*Diễn đã chết, Diễn đã chết  
Chúng tôi nhảy múa hò reo  
Khởi phải đi, khởi phải đứng, khởi phải ngồi  
Khởi bốn mươi giờ dạy học mỗi tuần*



...

*Chiếc lưới mở rồi, thế là nó thoát anh em ơi...*

*Chiếc lưới mở rồi, thế là nó thoát*

Chân lý của kết luận chứa ẩn trong những đại tiền đề. Chân lý của tiền đề, bằng những do đó, là vậy thì, là cho nên, đi tới kết luận. Nói rõ ra cũng tốt, không nói tới cũng tốt. Từ ngữ hiện hay ẩn đưa tới kết luận là đưa tới chân lý tất yếu đã nằm trong những tiền đề. Thi nhân của thơ đưa tới những kết luận khác biệt, không tiên liệu trước được, nháy qua trùng điệp những đồi núi, những bình nguyên rơi xuống một miền đất của riêng. Bia lên mở ra thân người, mở ra thế giới mà khoảng cách giữa ta và địch bị tiêu hủy bởi cái chết, mở ra sự thừa thãi của tay chân, sự bất lực của giác quan và trí tuệ. Trong *Sân bắn*, thi nhân hơn một nửa làm nhiệm vụ của liên tục, nó cho phép nói nhiều với ít chữ hơn.

Bầu trời của thơ không phải là bầu trời của sân bắn xạ trường. Bầu trời *Sân bắn* thơ có những đám mây của nó, có vài phần vật liệu từ hơi nước bay lên, nhưng lại có nhiều phần mây có màu sắc bay tới từ thế giới nội tâm, có những đám mây màu sắc tình cảm, đám mây màu sắc suy tư, đám mây màu ngậm ngùi thân phận.

Tả chân, khó lòng mang lại bầu trời thơ, vì không gian của nó hạn hẹp, chỉ có mây của nước bốc hơi, không có chỗ nào cho những đám mây tuyết vời kia..."

Nguyễn Mạnh Trinh tiếp nối với ông thầy dạy triết của mình: Thơ, với nhà thơ, cùng một lửa bên trời lặn đạn. Từ tuổi nhỏ đã phải chịu những tháng ngày tù ngục đọa đầy của Cộng sản, rồi thoát được đi du học, rồi lại lưu lạc xứ người trong những tháng năm còn lại. Bao nhiêu là dấu ấn đã in đậm trên những trang thơ. Những dấu ấn của thời thế. Thành ngôn ngữ, thành hình ảnh, thành vần điệu để như cùng âm hưởng giao thoa với tất cả những chất chứa của thời đại, của cả một thế hệ cứ mãi miết hoài trong vòng cuồng loạn của đồng tổ chiến tranh. Với Nguyễn Sa, chiến tranh là một thực tế của đất nước qua những bài thơ như *Cầu siêu cho Nguyễn Quan Đại chết ở Khe Sanh, Thăng Sĩ chết...* Có chút bi phẫn, có chút suy tưởng nhưng hình như là biểu lộ chân thực tình cảm của một người sống trong thời đại đầy nhiễu nhương, nhiễu biến cố. Trong *Thư cho bạn ở tù*, có những câu lục bát chân thành về nỗi đau thời thế:

*Bây giờ mày ở trong tù*

*Đêm nằm muỗi cắn nhớ nhà không con*

*Chúng nó nói chuyện văn chương*

*Tao nghe nóng mặt cời quần nhìn sông*

*Tao đi lính được bốn năm*

*Mày nghe chuyện lính tưởng rằng tao gân*

*Tưởng tao trấn thủ lưu đồn*

*Một tay cờ kiếm anh hùng chí cao*

*Bốn năm thi sĩ nằm khoèo*

*Rượu say thơ cũng một nhòai tứ chi*

Thì ra thế. Cùng một lửa...

\*\*\*

Rượu say thơ thì có thêm Hà Thúc Sinh với thơ say rượu như gió mây hội ngộ với sông nước, hánh quân qua bến phà Mỹ Thuận gặp bạn đánh chén say mềm. Thơ ông như tiếng cười ngạo nghễ tràn đầy cảm khái. Cười như cuộc sống là một trò đùa và trò chơi đánh trận như là một cuộc cút bắt với thiên thu :

*Hãy cạn ly chết bỏ*

*Tôm cua cá lươn sò*



*Lương ta còn nguyên vẹn  
Còn cả cái Seiko*

...  
*Chiến tranh hề gặp gỡ  
Có chắc lần thứ hai  
Mai mỗi thằng mỗi ngả  
Thằng Cà Mau, Năm Căn  
Thằng Bình Dương, Bình Giả  
Thằng địa ngục thiên đàng  
Nhưng ta không sợ chết  
Ta anh hùng tứ xứ  
Nơi rừng U Minh hạ  
Cứ cười như hòng súng  
Bắn cuộc đời vỡ toang  
Ha ha ha ha ha  
Như hòng súng  
Ha ha ha*

Đọc thơ Hà Thúc Sinh. Đọc thơ Cao Thoại Châu. Đọc thơ Hạc Thành Hoa. Đọc thơ Hồ Minh Dũng. Đọc thơ Thái Tú Hạp. Đọc thơ...Đọc thơ....Những bài thơ tiếp nối nhau từ nơi chốn này đến địa danh khác. Thơ của nhớ và quên lẫn lộn, thấy mình và người quán quít hình nhân. Đọc thơ mê mải, như bơi theo dòng, như sống trong nước một thời gian không gian nào của những ngày đôi mươi của xên xang áo trận...

Vậy đây.

\*\*\*

Khởi đầu bằng vào cuộc chiến với Đặng Tiến qua Nguyễn Bắc Sơn, tiếp đến là Nguyễn Mạnh Trinh với Pleiku, rồi biển cả, tới sông nước. Lại gặp lại phố núi, thôi thì hãy chấm dứt với người thơ Vũ Hữu Định nhưng không biết tìm ông ở đâu. Chỉ biết rằng Vũ Hữu Định đã nằm xuống ở một nơi nào đó ở Đà Nẵng trong hoang lạnh vào khoảng năm 1981.

Để rồi muốn đi tìm một thời để nhớ thì hãy đi theo chân Trần Hoài Thư đi tìm Vũ Hữu Định ở thư viện Đại học Cornell New York. Ở nơi chốn này kệ ngân san sát, có ai ngờ tạp chí như *Tiếng Động*, tiếng nói của Ban đại diện Đại học xá Minh Mạng vào năm 1971, hay tập san *Bộ Binh* của khóa 23/24 Thủ Đức vào năm 1966 lại có mặt tại đây. Cũng thật không thể tưởng tượng có những nội san của các trường trung học, đại học miền Nam trước đó được giữ gìn và bảo tồn. Nó không có chuyện kỳ thị, không kẻ thắng người thua. Không trả thù. Không đốt hủy... Nó chẳng cần phân biệt hay ưu đãi ai. Sách nào cũng được bảo bọc bìa cứng, chữ nổi. Không những chỉ có căn phòng rộng mênh mông này để cất giữ di sản văn chương miền Nam, mà còn có cả một tòa nhà khác nằm ngoài khuôn viên đại học chứa các tạp chí và sách báo của Sài Gòn. Như *Khởi Hành*, nguyệt san *Đời*, những bộ nhật báo *Chính Luận*, *Tin Sáng*...v.v..Nơi đây không có ngăn riêng dành cho nhà văn, nhà thơ Miền Bắc hay Miền Nam vì bên cạnh Tố Hữu là Nguyễn Mạnh Côn. Sách của kẻ chiến thắng nằm bên sách của phe chiến bại...

Sau đây là những chuyến đi đi về về thư viện Đại học Cornell, Library of Congress dài thăm thẳm, qua đồi, qua đèo trập trùng, cùng tuyết rơi mịt mù. Nhiều lần, một mình trong đêm, giữa xa lộ đầy ánh đèn xuôi ngược, hay qua dốc đèo hiu quạnh, có khi lạc qua một thị trấn quờ quạng tìm lối ra, không phải *đi năm phút đã về chốn cũ* mà cả năm cả tháng, Trần Hoài Thư đã đi tìm Vũ Hữu Định ở đây. Từ những chồng tạp chí cũ cao ngất, cứ lật và cứ lật mịt mại. Nơi

nào có cõi thơ họ Vũ trú ngụ? Tạp chí nào, số nào, trang giấy nào có tên Vũ Hữu Định dù chỉ một hai bài? Cuối cùng thì Trần Hoài Thư, ông đã tìm ra Vũ Hữu Định.

Với tổng số 80 bài, trong đó có tập thơ in trong nước có 45 bài. Hiện nay, sau khi tái bản thơ Nguyễn Bắc Sơn, truyện ngắn Y Uyên, nhóm Thư Ấn Quán đã sưu tầm và in lại thơ Vũ Hữu Định để tặng biếu bằng hữu, trong tinh thần lai cỏ di sản văn học miền Nam. Đọc thơ Vũ Hữu Định, thấy nỗi ngậm ngùi, lại càng thấy công việc của Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhàn là một việc khổ công nhọc sức.

Trước khi có bài thơ của Vũ Hữu Định, không biết có bao nhiêu người biết đến Pleiku. Nhưng sau khi bài thơ được phổ nhạc và hát lên với cái tựa đề *Còn một chút gì để nhớ*. Lúc ấy, họ mới chia sẻ sâu xa với nhau nỗi niềm, những vần điệu thi ca của một thời kỳ được miên viễn từ cuộc hồi sinh chữ nghĩa với...

*Phố núi cao phố núi đầy sương  
Phố núi cây xanh trời thấp thật buồn  
Anh khách lạ đi lên đi xuống  
May mà có em đời còn dễ thương*

*Phố núi cao phố núi trời gần  
Phố xá không xa nên phố tình thân  
Đi dăm phút đã về chốn cũ  
Một buổi chiều nào lòng bỗng băng khuâng*

*Em Pleiku má đỏ môi hồng  
Ở đây buổi chiều quanh năm mùa đông  
Nên mắt em ướt và tóc em ướt  
Da em mềm như mây chiều trong*

*Xin cảm ơn thành phố có em  
Xin cảm ơn một mái tóc mềm  
Mai xa lắc trên đôn biên giới  
Còn một chút gì để nhớ để quên*

Ngoài làm thơ, ông còn...đi tù: chuyện “tù tội” theo lời kể của người nhà thi sĩ, là thế này: Cuối năm 1965, xảy ra lộn xộn về tôn giáo, nhóm lính và Vũ Hữu Định được huy động đến ôm súng đứng gác trước cửa chùa Tĩnh Hội. Một hôm, đang đứng gác, người thơ sực nhớ đã tới ngày...cưới vợ, bèn gửi súng lại cho bạn, rồi cứ nhắm hướng quê vợ sắp cưới ở gần núi Tuý Vân, Huế mà...cuốc bộ! Vì tội “bỏ súng cưới vợ”, ông bị giam mấy tháng. Sau khi mãn hạn giam, ông lại bỏ đi biệt, chọn một cuộc đời bất định...

*Ta đang nhớ thuở sông dài núi rộng  
Đường thênh thang của một gã giang hồ  
Ta đang thèm đi để học làm thơ  
Chờ ta đến xin nhớ phần rượu tặng*

Và nhà thơ đã xem mình như một người lỡ vận:

*Ta đã hát khúc hát đời lỡ vận  
Hát âm u trong đêm tối một mình*

Có người nói thơ Vũ Hữu Định ít có bóng dáng chiến tranh. Nếu có, chỉ là những nét thoáng mờ không rõ nét. Nhưng bất cứ bài thơ nào của ông cũng đều thấp thoáng hình ảnh của một thời đại chinh chiến. Cái tâm tư bất an, cái nỗi niềm thời bom đạn, những huyền mộng và đau xót

hòa chung, bàng bạc trong ngôn từ, của một thời đại mà bất hạnh thành quen thuộc và hạnh phúc lại hiếm hoi.

Trong bài *Ngựa hí đầu non*, ông cho biết:

*Sinh nhằm tuổi Ngọ, đêm vừa hết...*

*Mới hai tháng đã biết mùi bom đạn*

Vũ Hữu Định, Trần Dạ Lý, Trần Hoài Thu, cùng nhiều bạn khác cùng gói đầu trên báng súng, tai nghe trực thăng, đại bác...Cơn binh lửa tạo ra và gần nhau là tình bạn. Cái quý là tình bạn còn lại sau cơn binh tàn, lửa tắt, sau khi chất lọc tiếng trực thăng đại bác nhiều nhường, còn lại tiếng đập cùng nhịp của tình bạn là cơ duyên thời đại. Bài *Chuyện người tuổi trẻ* này, ông làm tặng nhà thơ Trần Dạ Lý, mang rõ nét thời thế:

*Ngày Huế giải phóng*

*Mây lang thang trong Nam*

...

*Xa nhau càng nghĩ càng thương*

*Thằng bạn thơ cuộc đời bầm dập*

*Trốn lính, đi lính, rồi thì học tập*

*Thương ơi câu nói “ở rừng cho vừa đời“*

Vào năm 1972, cuộc chiến đi đến cao điểm của sự khốc liệt. Chiến tranh có thể là “trò chơi” dưới con mắt của nhà thơ nhập cuộc Nguyễn Bắc Sơn trong câu thơ ông viết “*Chiến tranh này cũng chỉ một trò chơi*”. Trong khi Hà Thúc Sinh đi “*Dạo núi mình ta*” kiểu thoát tục thì Vũ Hữu Định “nhập thế” theo cách riêng với “*Thế sự du du hề một cuộc bể dâu – Nhân kiếp phù sinh hề một thoáng bạch đầu*”. Ông dần thân để sống thực với niềm khao khát phải làm một cái gì đó dù nhỏ nhoi được tốt đẹp hơn. Ông không đi trên mây hay ảo tưởng về cuộc chiến. Không bất chấp tất cả, một phần ngang tàng và ngông nghênh. Lớn lên ông ghét chém giết, nhưng vẫn phải tham dự chiến tranh, sao sắt se buồn. Ai hiểu sao thì hiểu:

*Trên non may có tình bằng hữu*

*Tuổi trẻ đau chung một khúc ca*

*Ôm nhau thức với vầng trăng lạnh*

*Vượt lá tìm sao định hướng nhà*

Cũng đã xa rồi những *Tống biệt hành*, *Vọng nhân hành* của Thâm Tâm. Tao loạn, thì đất nước đã trăm lần tao loạn. Nhưng chiến cuộc 1960-1975 mang một sắc thái đặc biệt, và tình bạn sinh tử thời này ngân vọng một âm hao riêng:

*Trên non may có tình bằng hữu*

*Tuổi trẻ đau chung một khúc ca*

*Ôm nhau thức với vầng trăng lạnh*

*Vượt lá tìm sao định hướng nhà*

*Có những ngày đi trong núi thẳm*

*Tuổi trẻ nhìn nhau, nhớ xóm thương làng*

*Thở chung một tiếng nghe sầu cháy*

*Tâm sự chuyện nhau điếu thuốc quan san*

Bài thơ này bắt đầu bằng câu ca dao quen thuộc với gió đưa cây cải về trời, rau răm ở lại chịu lời đắng cay...Và ông ở lại, bài thơ ông làm khoảng 1980...

Một năm sau ông giã từ vũ khí, giấy khô mực cạn...

\*\*\*

Sáu năm sau Vũ Hữu Định đi vào cõi tĩnh mịch, nhà thơ Cao Tần khăn gói qua đây. Là người di tản buồn, ông hồi tưởng lại đời lính:

*Một chiếc khăn tay cũ xi cũ xit  
Mầu nâu già thêu mấy chữ xanh xanh  
"Giẻ rách gì đây hờ thằng chết tiệt?"  
"Khăn vợ tao trao ngày khoác áo nhà binh!"*

Cao Tần là một nhà thơ xuất hiện một cách bất ngờ trong những năm đầu sau cuộc di tản. Trong hoàn cảnh chân ướt chân ráo của một cuộc sống xa lạ, khởi đi từ những nỗi niềm mang theo, nảy mầm từ những tâm tư thương nhà nhớ quê sau một cuộc đổi đời. Cao Tần là một nhà thơ xuất hiện sớm nhất và cũng là một nhà thơ nổi bật nhất trong thời kỳ ấy. Năm 1977, trên tờ báo Bút Lửa có đăng mấy bài thơ của một thi sĩ danh tánh lạ hoắc ký tên Cao Tần. Những bài thơ gây một hiện tượng xôn xao cho độc giả. Nhiều người liên tưởng tới T.T Kh. đã tạo thành một nghi vấn cho văn chương ở hải ngoại còn mù mờ chưa tỏ đèn. Thế nhưng giống Tô Thùy Yên, là những nhà thơ đồng bằng, ông cũng có những bài thơ đầy hào sảng, chẳng khác gì những nhà thơ phố núi ở trên:

*Hai mươi tuổi ta đi làm chiến sĩ  
Bước giày đinh lạng quạng một đời trai  
Vừa đánh giặc vừa lừng khùng triết lý  
Nhưng thằng này yêu nước chẳng thua ai*

Trong bài đề tựa tập thơ Cao Tần, nhà văn Võ Phiến nói rằng thơ ông kết cấu như truyện viết và là những truyện gợi nhớ, quan hoài cho người đọc thơ như qua bài *Ta làm gì cho hết nửa đời sau...sau một thời tao loạn?*

*Rừng đất khách bạt ngàn màu áo trận  
Xong hiệp đầu mây núi đã băng khuâng  
Hào khí bốc đủ mười thành chất ngất  
Chuyện vá trời coi đã nhẹ như không*

*Một tráng sĩ vung ly cười ngạo mạn  
Nửa đời xưa ta trấn thủ lưu đồn  
Nay đất khách kéo đời rất nản  
Ta tính sẽ về vượt suối trèo non...*

....  
*Sàn gác trọ những tâm hồn bão nổi  
Những hào hùng uất hận gói lên nhau  
Kẻ thức tỉnh ngu ngơ nhìn nắng mới :  
Ta làm gì cho hết nửa đời sau?*

Nhà văn Võ Phiến có viết đại ý là Cao Tần làm thơ như người kể chuyện và thơ ông gắn gũi với cuộc sống và bạn đọc thơ hơn. Ừ thì cứ như kể chuyện đi, chuyện là...ta làm gì cho hết nửa đời sau? Chẳng còn gì nữa, là người di tản buồn, có mặt nơi đất khách, ông chỉ ra mắt một tập thơ duy nhất.

Rồi thôi.

\*\*\*

Nhìn ra cửa sổ, đám mây trắng ngoài kia lững thững mãi mới đi qua được cái cột đèn. Ánh nắng hắt hiu của buổi trưa len lén chui vào nhà. Cái nắng ong ong lom khom leo lên kệ sách có

mấy quyển sách đang lặng lẽ nép vào nhau. Cái nắng đơ đơ lụm cụm bò lên bàn len qua cái  
bia đá u tịch, cái mộ bia nguội lạnh.  
Và cái ống đựng bút, có mấy cái bút...

Ừ thì vậy đấy...thế đó...